BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN VĂN TÌNH

DẠY HỌC THIẾT KẾ BAO BÌ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN MỸ THUẬT
Khóa 1 (2015 - 2017)

Hà Nội, 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN VĂN TÌNH

DẠY HỌC THIẾT KẾ BAO BÌ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

LUẬN VĂN THẠC SĨ
Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Mỹ thuật
Mã số: 60.14.01.11

Người hướng dẫn khoa học: TS. Quách Thị Ngọc An

Hà Nội, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những vấn đề được trình bày trong luận văn, các số liệu, kết quả và các dẫn chứng là do tôi tự tìm hiểu, có sự tham khảo, sưu tầm và sự kế thừa những nghiên cứu của các tác giả đi trước. Các số liệu và kết quả nghiên cứu là trung thực, có trích dẫn rõ ràng.

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Tác giả

Đã ký

Nguyễn Văn Tình

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BBHH	Bao bì hàng hóa
BBSP	Bao bì sản phẩm
CBQL	Cán bộ Quản lý
ĐHSP-ĐHTN	Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
GV	Giảng viên
SPMT	Sư phạm Mỹ thuật
SV	Sinh viên
TKBB	Thiết kế bao bì
TKĐH	Thiết kế đồ họa
TTQC	Thông tin Quảng cáo

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DẠY HỌC THIẾT KẾ BAO BÌ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT 9
1.1. Cơ sở lý luận về dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật 9
1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài 9
1.1.2. Một số vấn đề lý luận về bao bì, thiết kế bao bì 14
1.1.3. Dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường đại học sư phạm 37
1.2. Cơ sở thực tiễn: Khảo sát thực trạng dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên 39
1.2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng 39
1.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng 42
1.2.3. Đánh giá chung về khảo sát thực trạng 50
Tiểu kết chương 1 50
Chương 2: ĐỀ XUẤT VÀ THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY HỌC THIẾT KẾ BAO BÌ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN 52
2.1. Đề xuất một số biện pháp dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên 52
2.1.1. Một số nguyên tắc chỉ đạo đề xuất biện pháp 52
2.1.2. Một số biện pháp dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên 53
2.2. Thực nghiệm sư phạm 59
2.2.1. Mục tiêu của thực nghiệm: 59
2.2.2. Đối tượng thực nghiệm 59

2.3.3. Nội dung thực nghiệm 60
2.3.4. Tiêu chí đánh giá 61
2.3.5. Tổ chức thực nghiệm 62
2.3.6. Tổ chức thực tế ngoại khóa tại cơ sở 65
2.3.7. Nhận xét, đánh giá và kết quả thực nghiệm 66
Tiểu kết chương 2 86
KẾT LUẬN 88
TÀI LIỆU THAM KHẢO 84
PHỤ LỤC 87

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bao bì có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội đặc biệt trong nền kinh tế hàng hoá. Bao bì hàng hóa không chỉ là vật bao gói là phương tiện chứa đựng sản phẩm mà nó còn có chức năng truyền tải thông tin, nhận biết sản phẩm, chức năng thương mại và có sức ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và hình ảnh thương hiệu. Với xu hướng hội nhập thế giới, ngành sản xuất bao bì Việt Nam ngày càng phát triển, các trang thiết bị, công nghệ ngành in và bao bì đang được các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư rất lớn. Tuy nhiên, về khía cạnh đào tạo nguồn nhân lực, các môn học về thiết kế, sản xuất bao bì chỉ được giảng dạy ở các trường có đào tạo về mỹ thuật ứng dụng, các trung tâm đào tạo Thiết kế đồ họa, trung cấp nghề in và các khoa in, hoặc chế biến thực phẩm ở bậc đào tạo đại học như một chuyên đề nhỏ hoặc được dạy lồng ghép vào các môn học về thiết kế đồ họa quảng cáo, chế bản và sản xuất in.

Trong Thiết kế đồ họa, thiết kế bao bì có độ phủ rộng nhất về kiến thức đồ họa như: Đồ họa chữ, đồ họa quảng cáo, nhận diện và phát triển thương hiệu, tạo dáng và cả kiến thức về chế bản, in ấn. Nắm vững kiến thức về thiết kế và sản xuất bao bì giúp sinh viên hình thành các kĩ năng Thiết kế đồ họa, chế bản trong in ấn tạo cơ hội dịch chuyển nghề nghiệp cho người học. Thái Nguyên với đặc điểm vùng miền là nơi sản xuất và chế biến và đóng gói và kinh doanh sản phẩm chè nổi tiếng của miền bắc. Trong nền kinh tế hàng hóa chúng ta thấy rằng tất cả các ngành công nghiệp trừ một số ngành như xây dựng cơ bản hay khai thác khoáng sản thì hầu như tất cả các sản phẩm của họ đều được dùng một loại bao bì nhất định để bao gói, chứa đựng, bảo quản và vận chuyển vì vậy thị trường việc làm liên quan đến thiết kế bao bì là rất lớn.

Dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành mỹ thuật nói chung, sinh viên sư phạm mỹ thuật là một nội dung dạy học quan trọng vì những kiến thức và kĩ năng của môn học giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp ứng dụng, sau khi ra trường sinh viên có thể phát triển chuyên môn trong môi trường sư phạm hoặc dịch chuyển sang lĩnh vực ứng dụng là một đòi hỏi thực tế khách quan hiện nay.

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên là một cơ sở giáo dục đại học sư phạm có bề dày truyền thống tại khu vực miền núi phía Bắc. Với đặc thù là trường sư phạm có đào tạo về sư phạm mỹ thuật nên thực trạng trong quá trình dạy học Thiết kế Mỹ thuật ứng dụng trong đó có dạy học thiết kế bao bì vẫn còn tồn tại một số vấn đề như: việc phân bổ kiến thức và thời gian dạy học chính khóa về thiết kế bao bì còn ít và chưa chuyên sâu, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học thiết kế bao bì còn hạn chế, chưa xây dựng được đầy đủ hệ thống giáo trình, tài liệu dạy học về mỹ thuật ứng dụng, trong đó có môn học thiết kế bao bì.

Trong điều kiện hiện nay, phát triển chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động là một tất yếu. Việc xây dựng và tổ chức quá trình đào tạo theo định hướng đào tạo chuyên môn sâu về sư phạm mỹ thuật kết hợp với tính chất rẽ nhánh của chương trình là xác định các năng lực của người họa sĩ, nhà thiết kế các sản phẩm mỹ thuật ứng dụng để xây dựng và tổ chức các nội dung đào tạo giúp sinh viên hình thành các năng lực dịch chuyển hoạt động nghề nghiệp khi ra trường là một đòi hỏi khách quan. Trong đó, để đáp ứng được những yêu cầu trên, nội dung đào tạo về thiết kế bao bì là yếu tố cơ bản không thể thiếu.

Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi cho rằng nếu xây dựng tốt chương trình giảng dạy, hệ thống tài liệu, giáo trình về thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật có tính khoa học, đồng bộ, phù hợp với đối tượng và tình hình thực tế vào hoạt động đào tạo ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên để vận dụng trong hoạt động đào tạo sẽ nâng cao được chất lượng đào tạo năng lực và phẩm chất nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên hiện nay. Với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, tác giả nghiên cứu đề tài ***Dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên*** làm luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu

Với nội dung về thiết kế bao bì ở Việt Nam và trên thế giới đã có nhiều tạp chí chuyên ngành và giáo trình giảng dạy đề cập, nhưng chủ yếu nghiên cứu về các vấn đề như xu hướng thiết kế, vai trò của thiết kế bao bì trong in ấn và sản xuất bao bì, các quy trình thiết kế và sản xuất bao bì, còn việc thiết kế đồ họa bao bì cụ thể như đề tài "*Dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật"* thì vẫn chỉ dừng ở mức độ khái quát chung.

Tài liệu nước ngoài:

- *Thiết kế bao bì - Từ ý tưởng đến sản phẩm,* của Marianne Rosner Klimchuk và Sandra A. Krasovec (2010), do Đại học FPT dịch, Nxb Bách Khoa Hà Nội. Sách trình bày các bước phương pháp luận trong lĩnh vực thiết kế bao bì, đồng thời giải thích lý do khiến mẫu thiết kế trở thành công cụ marketing quan trọng đối các sản phẩm tiêu dùng.

- *Approaches to the teaching of design,* của tác giả Andrew McLaren

(2009), Cuốn sách này nhằm mục đích cung cấp tài liệu cho những ai quan tâm đến thiết kế - giáo dục và đào tạo SV kỹ thuật để thực hiện quá trình thiết kế. Tóm tắt mô tả ngắn gọn về các yêu cầu bên trong và bên ngoài cho chương trình học thiết kế kỹ thuật như đặc điểm, dạy học theo nhiều cách tiếp cận trong đó tập trung theo hướng tiếp cận hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành. Đánh giá các phương pháp khác nhau để giảng dạy thiết kế trong các trường kỹ thuật và các trường đại học trên toàn thế giới.

- *Nghệ thuật quảng cáo - Bí mật của sự thành công*, tác giả: Joe Grimalde Et Al (2005), Biên soạn: Kiều Anh Tuấn, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội. Cuốn sách dẫn dắt bạn đọc xuyên qua tất cả các khía cạnh của quảng cáo, từ các chiến lược xây dựng thương hiệu hiệu quả cho đến những thách thức và xu hướng công nghiệp chủ chốt.

- *Packaging design course teaching improvement: a case study in the faculty of applied arts*, của nhóm tác giả Noha Abdallah and Randa Darwish, khoa Mỹ thuật ứng dụng, trường đại học Helwan, Ai Cập đã nghiên cứu vào năm 2010. Đề tài nghiên cứu thực trạng giảng dạy môn thiết kế bao bì – thiết kế đồ họa và cấu trúc của chương trình in ấn, xuất bản và bao bì, phân tích những khó khăn trong quá trình dạy học thiết kế bao bì, qua đó chứng minh phương pháp gảng dạy đạt hiệu quả bằng phương pháp *"learning by teaching"- học tập bằng dạy học*, và đánh giá sự trợ giúp của máy tính là rất cần thiết cho việc giảng dạy môn học này.

- Một số bài báo, chương trình khoa học về thiết kế quảng cáo trên website và truyền hình như Brain Game trên National Graphic, Discorvery... cũng đề cập đến thiết kế quảng cáo bao bì nhưng đa phần cũng chỉ là những hình ảnh minh họa còn ít cơ sở lý luận và ứng dụng cụ thể.

Tài liệu trong nước:

- Giáo trình *Thiết kế và Sản xuất bao bì,* của Nguyễn Thị Lại Giang, Trần Thanh Hà (2013), Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Giáo trình cung cấp kiến thức chuẩn hoá quá trình sản xuất trong công nghệ ngành in và bao bì.

- *Bao bì - Hồn của sản phẩm* - Tác giả Nguyễn Thị Hợp (2008), Nxb Mỹ thuật. Cuốn sách này tác giả nêu rõ vai trò của thiết kế trong việc tạo ra hai giá trị công năng và thẩm mỹ ở bao bì, cùng mối quan hệ hữu cơ của hai giá trị ấy.

- *Nguyên lý Design thị giác* - của tác giả Nguyễn Hồng Hưng, 2009, Nxb Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh. Cuốn sách này đề cập tới mối quan hệ của thị giác, ánh sáng, hình thể, màu sắc, trong phạm vi học và làm design nơi trường học.

- *Cơ sở và phương pháp lý luận Design,* của tác giả Lê Huy Văn (2003), Nxb Mỹ thuật, Hà Nội. Cuốn sách giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp luận Design, được biên soạn nhằm giúp cho tất cả những ai quan tâm đến lĩnh vực Design, cung cấp những kiến thức tổng hợp trong quá trình tiếp xúc với thực tiễn sản xuất công nghiệp.

Những công trình nói trên là những giáo trình, sách và bài báo chuyên ngành tập trung nghiên cứu tìm hiểu sâu về bao bì, sản xuất bao bì và các vấn đề về lý luận thiết kế Đồ họa, nguyên lý thị giác trong thiết kế... nhưng ứng dụng cụ thể vào dạy học thiết kế bao bì còn sơ lược.

Qua các tài liệu tìm hiểu được có thể thấy, bao bì và thiết kế bao bì được nghiên cứu từ nhiều khía cạnh. Các tài liệu nghiên cứu đều chỉ ra được những lý thuyết cơ bản trong thiết kế đồ họa nói chung và thiết kế bao bì nói riêng và là tài liệu quý báu cho tác giả nghiên cứu, tham khảo. Tuy nhiên, việc ứng dụng cụ thể trong một lĩnh vực giảng dạy thiết kế bao bì

cho sinh viên thì chưa có tài liệu nào có tính sâu sát, thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, đề xuất một số biện pháp dạy học thiết kế bao bì góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường sư phạm.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

- Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu chương trình dạy học cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

- Phạm vi thời gian: Từ năm 2015 đến 2017

- Phạm vi đối tượng khảo sát: khảo sát bằng phiếu hỏi với 30 sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật, 5 giảng viên giảng dạy ở Bộ môn Giáo dục nghệ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên các khoá đào tạo

trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2017. Thực nghiệm với 24 sinh viên K48 ngành sư phạm mỹ thuật.

5. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu:* Tổng hợp, hệ thống hoá, phân tích tài liệu để xác định các khái niệm và xây dựng cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra:* Tiến hành quan sát, khảo sát thực tế, trưng cầu ý kiến chuyên gia về các nội dung nghiên cứu; Tiến hành lấy ý kiến của các đối tượng nghiên cứu thông qua phiếu điều tra, bảng hỏi nhằm làm rõ thực trạng dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên hiện nay.

- *Phương pháp so sánh:* Nhằm đánh giá kết quả trước và sau khi thực nghiệm.

- *Phương pháp thực nghiệm sư phạm:* Sử dụng phương pháp này nhằm kiểm chứng tính khoa học, tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

6. Những đóng góp của luận văn

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần cung cấp những kiến thức cơ sở lý thuyết và thực tế ứng dụng các nguyên tắc, quy trình sản xuất trong thiết kế và sản xuất bao bì. Qua đó có thể đưa ra một số tiêu chí về bố cục, chất liệu, hình dáng, màu sắc, kĩ năng... để đánh giá được thẩm mỹ, khoa học và hiệu quả sử dụng đối với thiết kế bao bì trong chế bản in và sản xuất bao bì; đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy mỹ thuật ứng dụng cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Đề tài có thể dùng làm tài liệu học tập, nghiên cứu về cơ sở lý luận về thiết kế bao bì và các ứng dụng liên quan cho sinh viên và giảng viên khối ngành mỹ thuật và sư phạm mỹ thuật. Đối với họa sỹ thiết kế, tài liệu có tính

chất tham khảo và ứng dụng, phục vụ cho việc thiết kế bao bì, Thiết kế đồ họa, chế bản, in ấn offset.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm 2 chương.

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật.

Chương 2. Đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DẠY HỌC THIẾT KẾ BAO BÌ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT

1.1. Cơ sở lý luận về dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật

1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài

1.1.1.1. Dạy học

Có nhiều cách tiếp cận khái niệm dạy học. Theo cách hiểu chung nhất, dạy học là quá trình/hoạt động được tổ chức có mục đích, có kế hoạch; trong đó, dưới vai trò chủ đạo của người dạy, người học tự giác, tích cực tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức nhằm hình thành và phát triển tri thức, kỹ năng, kĩ xảo, năng lực hoạt động trí tuệ. Dạy học là con đường có vị trí quan trọng trong toàn bộ các hoạt động giáo dục. Học tập là hoạt động quan trọng giúp cá nhân có cơ hội lĩnh hội tri thức, phát triển tư duy và nhân cách.

Theo quan điểm hiện đại thì dạy học được tạo ra bởi sự tương tác trực tiếp giữa thầy và trò, giữa các người học với nhau, giữa dạy học với xã hội, là sự thống nhất chặt chẽ giữa hoạt động dạy và hoạt động học. Thầy và trò vừa là chủ thể, vừa là đối tác trong dạy học. Hơn nữa, trong dạy học, ngoài sự tương tác giữa các chủ thể hoạt động, bản thân nó còn chịu sự tương tác của nhiều tác nhân cùng lúc như tác nhân nhận thức, tác nhân văn hóa, tác nhân tâm lý, tác nhân xã hội… Theo tác giả Lưu Xuân Mới,"Học là quá trình người học tự giác, tích cực, tự lực chiếm lĩnh khái niệm khoa học, dưới sự điều khiển sư phạm của thầy" [8, tr.63]. Học là quá trình lĩnh hội tri thức, xử lý thông tin chủ yếu bằng các thao tác trí tuệ dựa vào vốn sinh học và vốn kinh nghiệm đạt được của bản thân. "Dạy là sự tổ chức và điều khiển tối ưu quá trình sinh viên chiếm lĩnh tri thức (khái niệm khoa học), trong và bằng cách đó hình thành và phát triển nhân cách" [8, tr.65] .

Từ các quan điểm trên có thể cho rằng: *Dạy học là một quá trình gồm toàn bộ các thao tác có tổ chức và định hướng, tác động qua lại, bổ sung cho nhau, quy định lẫn nhau thông qua hoạt động dạy và hoạt động học nhằm tạo cho người học khả năng phát triển trí tuệ, năng lực tư duy và năng lực hoạt động, góp phần hoàn thiện nhân cách.*

1.1.1.2. Bao bì

Có nhiều quan niệm khác nhau về bao bì, nhìn từ góc độ sản xuất thì bao bì được coi là phương tiện thể hiện sản phẩm, là hình thức bên ngoài như kiểu dáng, hình dạng và cách trình bày các thông tin liên quan về sản phẩm trên bao bì để tạo thành một sản phẩm hoàn chỉnh thể hiện rõ nhất về sản phẩm. Ngoài ra bao bì còn là phương tiện để nhận biết và phân biệt nó với các sản phẩm khác, là sản phẩm được tiêu dùng cùng sản phẩm.

Ở góc độ kinh tế, bao bì thường được xem là một phần gắn liền với chi phí sản xuất, lưu thông hàng hoá. Nó được coi là một trong những biện pháp kinh tế hiệu quả, giúp chứa đựng, bảo vệ và quảng bá sản phẩm, giúp cho quá trình lưu thông và tiêu thụ sản phẩm hiệu quả.

Ngoài ra bao bì có thể được hiểu:

- Là nghệ thuật, là khoa học và kỹ thuật công nghệ.

- Là phương tiện để đảm bảo cho sản phẩm được an toàn về số lượng, chất lượng từ người sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng với chi phí thấp nhất, trong điều kiện tối ưu.

- Là nguyên tắc về thực hiện công việc chuẩn bị hàng hoá một cách kinh tế nhất để vận chuyển, lưu kho, sử dụng, trưng bày hàng hoá.

Các nhà nghiên cứu về bao bì lại có quan niệm bao bì dưới một góc độ khác. Các tác giả xem xét bao bì trên cơ sở nhấn mạnh chức năng của nó. Bao bì là loại sản phẩm dùng để "bao gói và chứa đựng sản phẩm khác". Như vậy, bất kể sản phẩm nào dùng để bao gói chứa đựng sản phẩm khác

có thể được gọi là bao bì. Nhấn mạnh chức năng của bao bì để định hướng trong sản xuất bao bì phù hợp với tính chất kỹ thuật của sản phẩm, với những công nghệ thích hợp.

Vấn đề đặt ra cần phải có quan niệm khác về bao bì sao cho nó vừa đảm bảo được lợi ích kinh tế của người tiêu dùng, người kinh doanh, vừa đảm bảo được vệ sinh môi trường. Bao bì là loại sản phẩm cần được xem xét ở nhiều lĩnh vực khác nhau cả trong khâu sản xuất, lưu thông, tiêu dùng và cả trong lĩnh vực môi trường. Vì thế, theo người viết, *bao bì là một sản phẩm dùng để bao gói, chứa đựng, bảo vệ các loại sản phẩm khác nhằm bảo vệ giá trị sử dụng của các sản phẩm đó, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, xếp dỡ, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn hàng hóa, sức khỏe và môi trường*.

1.1.1.3. Nhãn hàng hóa bao bì

Hàng hóa khi lưu thông trên thị trường phải luôn phải có nhãn mác để phân biệt và thông tin hàng hóa sản phẩm, nó có vai trò quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí đối với một số bao bì lớn hoặc có cấu trúc phức tạp, khó in ấn như thùng carton, bao bì nhựa, thủy tinh, gốm sứ... Luôn được xuất hiện ở những vị trí dễ quan sát, là một phần của bao bì, với kích thước, hình dáng và màu đa dạng, nó chứa đựng đầy đủ thông tin về sản phẩm, nguồn gốc, xuất xứ và các quy định của pháp luật về thông tin trên nhãn mác để người tiêu dùng nhận biết, tiêu thụ và sử dụng, là công cụ để nhà sản xuất quảng bá hình ảnh của mình và để các cơ quan chức năng dễ dàng cho việc kiểm tra, đảm bảo thuận lợi cho việc lưu thông tiêu thụ hàng hóa trong nước cũng như thương mại quốc tế.

Theo nghị định về nhãn hàng hóa Số: 89/2006/NĐ-CP của chính phủ thì nhãn hàng hóa "là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hoá, bao bì thương phẩm của hàng hoá hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hàng

hoá, bao bì thương phẩm của hàng hoá.”[1] Như vậy có thể nói *nhãn hàng hóa là sản phẩm với chất liệu và kích thước nhất định bao gồm bản in, chữ, hình vẽ, chụp được in, đúc, trạm, khắc, đính trên bao bì và là một phần quan trọng của bao bì hàng hóa, cùng với bao bì góp phần làm thông tin, quảng bá sản phẩm, kích thích tiêu dùng*.

1.1.1.4. Thiết kế

Theo *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia* thì “Thiết kế là việc tạo ra một bản vẽ hoặc quy ước nhằm tạo dựng một đối tượng, một hệ thống hoặc một tương tác giữa người với người có thể đo lường được (như ở các bản vẽ chi tiết kiến trúc, bản vẽ kỹ thuật, quy trình kinh doanh, sơ đồ mạch điện, ni mẫu cắt may...)”. [3] Thiết kế thường bao gồm các yếu tố mang tính thẩm mỹ, công năng sử dụng, các yếu tố kinh tế và chính trị-xã hội của cả quá trình thiết kế cũng như đối tượng được thiết. Thiết kế có thể bao gồm trong đó là nghiên cứu, ý tưởng, mô hình, tạo mẫu, điều chỉnh có tính tương tác. Quy trình thiết kế thường trải qua 6 bước cơ bản như: xác định vấn đề; thu thập thông tin; hình thành ý tưởng; thực hiện ý tưởng; đánh giá thiết kế; cải thiện thiết kế. Tuy nhiên, ở mỗi lĩnh vực thiết kế lại có những đặc điểm riêng. Theo người viết, *thiết kế là quá trình sử dụng một cách sáng tạo, có kế hoạch những kiến thức khả khi nhằm tạo ra những sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Nó bao gồm quá trình tư duy và lập kế hoạch, liên kết kiến thức và đưa ra các giải pháp để giải quyết vấn đề.*

1.1.1.5. Thiết kế bao bì

TKBB là cụm từ để chỉ một chuyên ngành thuộc về mỹ thuật đồ họa. Trong đó “Thiết kế bao bì” để chỉ những bản vẽ được hiển thị trên một mặt phẳng và động từ "thiết kế" bao hàm ý nghĩa kiến thiết, sáng tạo. Từ đó có

thể hiểu, TKBB là kiến tạo một hoặc nhiều hình ảnh, thông tin, ký hiệu, màu sắc... lên một bề mặt chất liệu, cấu trúc nào đó, mang ý nghĩa nghệ thuật nhằm mục đích trang trí, làm đẹp, phục vụ nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng của con người.

Có thể hiểu TKBB là sự kết hợp của nghệ thuật và khoa học, được áp dụng cho các sản phẩm đóng gói để bảo vệ và làm đẹp cho sản phẩm, nó không phải là tổng quát nghệ thuật, cũng không phải là một trang trí đơn giản, nhưng nó bao gồm khoa học, nghệ thuật, tài liệu, kinh tế, tâm lý và tiếp thị.

Nhiệm vụ cơ bản của TKBB là để hoàn thành việc thiết kế cấu trúc bao bì sản phẩm, trang trí và trình bày các thông tin một cách khoa học và kinh tế.

Vì vậy, theo người viết, *TKBB là quá trình tạo ra một sản phẩm có kích thước nhất định có chứa các tính năng của bao bì một cách sáng tạo thông qua cấu trúc - hình dáng, cách trình bày, hình ảnh, màu sắc đường nét và thông tin trên một mặt phẳng nhằm tạo ra sự thu hút thị giác cho mục đích truyền thông cũng như mục tiêu chiến lược kinh doanh của một sản phẩm hay thương hiệu.*

1.1.1.6. Dạy học thiết kế bao bì

Từ khái niệm dạy học và TKBB, khái niệm dạy học TKBB có thể hiểu là quá trình tổ chức các hoạt động rèn luyện của người dạy giúp người học hình thành kỹ năng tư duy, vận dụng một cách sáng tạo, có kế hoạch những kiến thức về TKĐH vào việc thiết kế về cấu trúc, kiểu dáng; mảng, nét; chữ, hình ảnh; màu sắc, đáp ứng được các chức năng của bao bì.

Dạy học TKBB cho SV ngành SPMT ở trường sư phạm là quá trình GV tổ chức các hoạt động dạy học SV viên ngành SPMT hình thành kĩ năng tư duy, vận dụng một cách sáng tạo, có kế hoạch những kiến thức về TKĐH

vào việc thiết kế cấu trúc, kiểu dáng; mảng, nét; chữ, hình ảnh; màu sắc, đáp ứng các chức năng của bao bì.

Biện pháp dạy học TKBB cho SV là cách làm, cách thức tổ chức cụ thể của GV giúp SV vận dụng kiến thức và kĩ năng TKBB như cấu trúc, kiểu dáng; mảng, nét; chữ, hình ảnh; màu sắc, đáp ứng được các chức năng của bao bì.

1.1.2. Một số vấn đề lý luận về bao bì, thiết kế bao bì

1.1.2.1. Vai trò và chức năng của bao bì

Vai trò của bao bì: Trong nền kinh tế hàng hoá, hầu hết các sản phẩm đều phải dùng đến bao bì để bao gói. Bao bì là một trong những phương tiện quan trọng để giữ cho sản phẩm nguyên vẹn số lượng và chất lượng, hạn chế mất mát, hao hụt và được coi là một yếu tố thực hiện tiết kiệm lao động xã hội.

Vai trò của bao bì là để bảo quản, bảo vệ hàng hoá, là yếu tố để tiết kiệm của cải xã hội. Bao bì kém chất lượng, đóng gói không hợp lý, không đảm bảo cho quá trình lưu trữ và lưu thông cũng như quá trình bốc xếp dẫn đến việc sản phẩm bị hư hại và hao hụt dẫn tới thiệt hại về kinh tế. Để làm tốt vai trò này, cần quan tâm đến các vấn đề kỹ thuật sản xuất như công nghệ, thiết kế, vật liệu và kỹ thuật đóng gói, kỹ thuật xếp dỡ, vận chuyển để có những bao bì hoàn chỉnh, đáp ứng tốt nhất việc bảo quản, bảo vệ hàng hoá trong suốt quá trình lưu kho và lưu thông sản phẩm một cách tối ưu nhất.

Ngoài ra, bao bì tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, như các hoạt động xếp dỡ, vận chuyển, nâng cao hiệu quả sử dụng của phương tiện xếp dỡ, vận chuyển và công suất chứa đựng của các nhà kho, bến bãi... Bao bì cho phép tập trung hàng hoá thành các đơn vị sử dụng, đơn vị buôn bán, đơn vị vận chuyển, tạo điều kiện áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong khâu vận chuyển, xếp dỡ và giao nhận và hạn chế tối đa hư hỏng sản phẩm trong quá trình bảo quản lưu thông và tiêu thụ hàng hóa.

BBHH được tiêu chuẩn hoá theo đúng quy định cho phép giao nhận đầy đủ khi kiểm nhận, thuận tiện chính xác trong xác định chất lượng, đặc biệt đối với các sản phẩm xuất khẩu.

Bao bì là một trong những phương tiện quan trọng thực hiện thông tin quảng cáo sản phẩm, hướng dẫn sử dụng, là hình thức phục vụ văn minh khách hàng và trong kinh doanh thương mại quốc tế.

Bao bì giúp cho người mua có cảm giác ban đầu đúng về sản phẩm bên trong thông qua hình ảnh, các thông tin ghi trên bao bì, bao bì có khả năng giúp cho người mua nhận biết đầu tiên về sản phẩm qua màu sắc, kiểu dáng, các thông tin, ký hiệu, nhãn hiệu ghi trên bao bì, bao bì đã tự nó giới thiệu hàng hoá, thậm chí bao bì còn trở thành hình ảnh quen thuộc của những người mua sắm thường xuyên, giúp người mua phân biệt sản phẩm này với sản phẩm khác, sản phẩm của doanh nghiệp này với sản phẩm của doanh nghiệp khác.

Bao bì vừa thể hiện trình độ phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hoá vừa thể hiện được mối quan hệ khăng khít, mối quan tâm thiết thực, cụ thể của các nhà sản xuất kinh doanh đối với người tiêu dùng. Bao bì vừa thể hiện tính kỹ thuật, mỹ thuật vừa thể hiện tính văn hoá, xã hội, vừa vật chất, vừa tinh thần, vừa thương mại, vừa nghệ thuật. Điều đó thúc đẩy hành vi mua sắm của khách hàng.

Vai trò của bao bì ngày càng trở nên quan trọng hơn trong việc xây dựng một thương hiệu, nó giúp người mua hàng được thuận tiện và dễ dàng, người ta đã ví bao bì như một "người bán hàng đặc biệt" trong các hình thức kinh doanh bán hàng tự chọn. Vai trò của người bán hàng ngày nay đã phần nào đó được thay thế bằng bao bì trong các siêu thị và các cửa hàng tự động. Chính những thông tin, kiểu dáng với các hình thức màu sắc trang trí của bao bì đã làm cho bao bì có vai trò như một công cụ tạo ra sự

hấp dẫn, tính tò mò, nảy sinh cảm xúc và từ đó thúc đẩy hành vi mua sắm, tạo ra sự quảng bá sản phẩm rộng lớn.

Trong thương mại quốc tế, BBHH được xem là một tiêu chuẩn chất lượng quan trọng. Ở các nước phát triển, khi hình thức bán hàng đã đạt tới trình độ cao thì chức năng bán hàng của bao bì rất được quan tâm chú ý. Kéo theo đó những yêu cầu thông tin, quảng cáo của bao bì, cách bao gói, các mã ký hiệu, nhãn hiệu, các yêu cầu về môi trường... cần phải tuân thủ các thông lệ quốc tế và các quy định và luật định đạt chuẩn quốc gia của các nước nhập khẩu ví dụ như dư lượng cho phép các chất độc hại, sai số cho phép về khối lượng, thể tích...

Bao bì còn là một trong những điều kiện quan trọng để đảm bảo vệ sinh an toàn lao động, hỗ trợ bảo vệ sức khoẻ cho những nhân viên giao nhận, xếp dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng hoá, góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường.

Chức năng của bao bì: Ở góc độ kinh tế hàng hóa, bao bì có ba chức năng cơ bản sau:

Chức năng chứa đựng, bảo quản, bảo vệ hàng hoá trong quá trình lưu thông; chức năng thương mại; chức năng nhận biết (thông tin quảng cáo). Đây là các chức năng làm cho bao bì trở thành một công cụ quan trọng thúc đẩy hoạt động kinh doanh hàng hoá trên thị trường.

- Chức năng chứa đựng, bảo quản và bảo vệ hàng hóa: Bao bì là để chứa đựng, bảo vệ hàng hóa, hạn chế những tác động của các yếu tố môi trường đến hàng hóa trong suốt quá trình từ khi hàng hóa được sản xuất ra cho đến khi hàng hóa được tiêu thụ đến tay người tiêu dùng. Bao bì được sử dụng để bao gói và chứa đựng hàng hóa, nó là yếu tố đầu tiên, trực tiếp tiếp xúc với hàng hóa, nhằm đảm bảo về chất lượng và số lượng hàng hóa… và ngăn các tác động từ môi trường vào sản phẩm và từ sản phẩm với môi trường.

Tùy thuộc vào mức độ tiếp xúc với sản phẩm có thể chia bao bì ra làm 3 cấp: Bao bì cấp 1 là những bao bì trực tiếp chứa đựng và bảo quản sản phẩm, bao bì cấp 2 là bao bì chứa đựng bao bì cấp 1 như các hộp giấy, hộp carton… bao bì cấp 3 là các kiện lớn như container, các kiện gỗ, các thùng carton dợn sóng.

- Chức năng thương mại: Bao bì có chức năng hợp lý hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa: Hàng hóa sản phẩm có bao bì hợp lý về kích thước, kiểu dáng, khả năng chứa đựng sản phẩm sẽ tạo cho quá trình lưu thông hàng hóa được tối ưu hóa, làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm thời gian và không gian trong lưu chuyển cũng như trưng bày, hiệu quả trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy bao bì góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy năng suất và hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Chức năng thông tin, quảng cáo sản phẩm: BBSP thường được ví như người trung gian kết nối giữa người tiêu dùng và nhà sản xuất, giúp thông tin đầy đủ về sản phẩm và nhà sản xuất, hướng dẫn sử dụng vận chuyển và bảo quản. Thậm chí còn là yêu cầu và quy định thành các luật định về thông tin thể hiện trên bao bì sản phẩm. Đồng thời bao bì với đặc trưng hiệu ứng trưng bày, đa dạng về chất liệu, phong phú về hình thức biểu đạt đã tạo cho bao bì có lợi thế về khuếch trương sản phẩm và quảng cáo thương hiệu một cách hiệu quả. Bao bì còn là phương tiện chuyển giao thông tin từ phía người bán hàng cho người mua hàng. Bao bì với các yếu tố đặc trưng như ấn tượng về kiểu dáng, kích cỡ, giá trị trưng bày, cổ động khuếch trương cho sản phẩm, trang trí màu sắc, khả năng thể hiện chất chất lượng sản phẩm đã làm cho bao bì phát huy mạnh mẽ chức năng quảng cáo trong quá trình lưu thông hàng hóa. Có thể nói bao bì như một người bán hàng trong phương thức bán hàng tự động, tự phục vụ và trong siêu thị.

Ngoài ba chức năng cơ bản trên bao bì còn thể hiện tính năng hiệu quả và thuận tiện khi sử dụng như khả năng sản xuất và đóng gói tự động, phù hợp với môi trường, có khả năng hủy bỏ hoặc tái chế, thuận tiện cho việc xếp dỡ, lưu thông hàng hóa và tiện dụng khi lưu trữ, sử dụng như tích hợp các dụng cụ đi kèm để chứa đựng, ống hút, dao cắt...

1.1.2.2. Phân loại bao bì

Ở nhiều nước trên thế giới có ngành công nghiệp bao bì phát triển, người ta phân loại bao bì chủ yếu theo hai tiêu thức là theo vật liệu chế tạo và theo mục đích, tác dụng của bao bì đối với sản phẩm và lưu thông sản phẩm. Có thể bao bì hàng hoá được chia theo vật liệu chế tạo. Theo đó bao bì được phân loại thành: bao bì chất dẻo, bao bì giấy và carton; bao bì bằng sắt tây và nhôm, bao bì thuỷ tinh và các loại khác như gỗ, tre. Vì vậy, bao bì có thể phân loại theo hai tiêu thức cơ bản:

Tiêu thức 1: Phân loại bao bì theo vật liệu chế tạo bao gồm bao bì thuỷ tinh, sắt thép, nhôm, nhựa và màng nhựa, giấy và carton, vật liệu hỗn hợp.

Tiêu thức 2: Phân loại theo mục đích sử dụng, bao gồm: Bao bì thương phẩm (bao bì cấp 1) gồm túi, hộp, chai lọ, giỏ trực tiếp chứa sản phẩm ; bao bì trung gian-bao bì ngoài (bao bì cấp 2) như thùng carton, hộp giấy, gỗ...dùng để chứa đựng bao bì cấp 1; bao bì vận chuyển (bao bì cấp 3) gồm hòm, bao, thùng, container... dùng cho vận chuyển và chứa đựng bao bì cấp 1 và cấp 2.

Tùy vào những mục đích nghiên cứu khác nhau, bao bì được phân loại theo các tiêu thức:

+ *Phân loại theo tiêu thức công dụng:* Bao bì được chia làm hai loại:

- Bao bì trong: là loại bao bì bao gói trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm, thường được bán cùng sản phẩm. Do đó, giá trị của nó thường được tính luôn vào giá trị sản phẩm khi tiêu thụ.

- Bao bì ngoài (bao bì vận chuyển): là bao bì dùng để chứa các nguyên vật liệu, bán thành phẩm, dùng để lưu kho, vận chuyển trong quá trình lưu thông, có tác dụng bảo vệ nguyên vẹn số lượng và chất lượng sản phẩm, phục vụ cho việc chuyên chở sản phẩm giữa các nơi sản xuất hoặc từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng.

+ *Phân loại theo số lần sử dụng:* Bao bì được chia làm hai loại:

- Bao bì sử dụng một lần: đây là loại bao bì được "tiêu dùng"cùng với sản phẩm, chỉ phục vụ cho một lần lưu chuyển của sản phẩm từ khi sản phẩm được sản xuất ra đến khi sản phẩm được tiêu dùng trực tiếp.

- Bao bì sử dụng nhiều lần: loại này có khả năng phục vụ cho một số lần lưu chuyển sản phẩm, tức là có khả năng sử dụng lại.

+ *Phân loại theo độ cứng (độ chịu lực nén):* gồm bao bì cứng, bao bì nửa cứng, bao bì mềm.

- Bao bì cứng: có khả năng chịu được các tác động cơ học từ bên ngoài, tải trọng của sản phẩm bên trong, giữ nguyên hình dạng khi thực hiện việc chứa đựng, vận chuyển, xếp dỡ như thùng gỗ, hộp kim loại, chai thủy tinh...

- Bao bì nửa cứng: loại này có đầy đủ tính vững chắc nhất định khi thực hiện chứa đựng sản phẩm và vận chuyển như các loại thùng carton dợn sóng, thùng nhựa.

- Bao bì mềm: dễ bị biến dạng khi chịu tác động của trọng tải hàng hoá và tác động cơ học từ bên ngoài, dễ thay đổi hình dạng như bao bì giấy, nhựa, màng nhựa và các bao sợi dệt.

+ *Phân loại theo mức độ chuyên môn hoá bao bì:*

- Bao bì thông dụng: là loại bao bì có thể dùng để chứa đựng nhiều loại sản phẩm khác nhau và dùng vào các mục đích khác nhau. Ví dụ: các chai lọ, hộp sắt, túi giấy, túi vải...

- Bao bì chuyên dùng: là loại bao bì dùng để chứa đựng một loại sản phẩm nhất định, thường là các sản phẩm có tính chất lý, hoá học, trạng thái đặc biệt. Ví dụ: các chất khí, hoá chất độc hại, dễ cháy nổ...

+ Phân loại theo vật liệu chế tạo:

Đây là cách phân loại chủ yếu và phổ biến được nhiều nhà nghiên cứu, nhà quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý môi trường quan tâm. Theo tiêu thức này bao bì được mang tên gọi của các loại vật liệu chế tạo ra nó gồm: Bao bì gỗ; Bao bì bằng kim loại; Bao bì bằng giấy, carton và bìa; Bao bì bằng thuỷ tinh, đồ gốm; Bao bì hàng dệt; Bao bì bằng mây, nứa, tre đan; Bao bì bằng các vật liệu nhân tạo, tổng hợp các loại vật.

+ Phân loại theo độ kín và hở của bao bì

Bao bì kín: có thể một hoặc nhiều lớp bao bì bao gói trực tiếp sản phẩm, là bao bì kín hoàn toàn, ngăn cách sản phẩm và môi trường bên ngoài thành hai môi trường riêng biệt, nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa cho đến khi tới tay người tiêu dùng thường được sử dụng trong bao gói thực phẩm, đồ lỏng và hóa chất.

Bao bì hở: là loại bao bì không có tính bảo quản lâu, có khả năng thấm khí, ngấm nước như các bao bì dùng để bao gói rau, quả tươi hoặc các loại thực phẩm sống, đồ khô hoặc dùng cho việc vận chuyển, trưng bày, quảng cáo sản phẩm.

+ Phân loại theo sản phẩm chứa đựng bên trong bì gồm có: bao bì thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, đồ uống, quần áo, đồ gia dụng, hóa chất...

+ Phân loại theo nguồn gốc của bao bì gồm có:

Bao bì các sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất: là loại bao bì dùng để bao gói sản phẩm trong khâu tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

BBHH của các doanh nghiệp thương mại: là loại bao bì chứa đựng hàng hoá chia lô, ghép đồng bộ và vận chuyển hàng hoá trong kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.

Tuy những cách phân loại bao bì mang tính tương đối nhưng mỗi cách phân loại đều có ý nghĩa nhất định trong việc nghiên cứu sản xuất, sử dụng, quản lý và có những biện pháp để phát huy những chức năng của bao bì đối với nền kinh tế quốc dân và với hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Ngoài ra bao bì còn được phân loại theo phương thức đóng gói như bao bì đóng gói chân không dùng trong bao bì thực phẩm, bao bì đóng gói vô trùng dùng trong y tế, hay bao bì dạng vỉ (màng nhựa định hình trên các đế giấy như các loại bao bì bàn chải đánh răng, đồ chơi trẻ em...).

1.1.2.3. Hình thức đặc trưng của mỹ thuật bao bì

Mỹ thuật bao bì là một mảng của đồ họa công nghiệp là nghệ thuật sử dụng các yếu tố thiết kế, hình ảnh để chuyển tải thông điệp, nó cũng là một lĩnh vực truyền thông trong đó thông điệp được tiếp nhận qua con đường thị giác. Mỹ thuật bao bì là tạo ra các giải pháp bằng hình ảnh cho các vấn đề truyền thông, thông qua chất liệu; hình dạng và kích thước; đường, nét, mảng; chữ viết và ký hiệu; hình ảnh, màu sắc là những đặc trưng cơ bản của mỹ thuật bao bì.

Chất liệu: Đối với TKBB điều đầu tiên trong định hướng thiết kế bao bì sản phẩm là chất liệu làm bao bì, xây dựng và chọn "đúng" chất liệu cho bao bì sẽ tạo thành công cho sản phẩm, đặc biệt là thực phẩm, đòi hỏi phải có sự hiểu biết về nguyên vật liệu làm bao bì, cần phải hiểu những ưu điểm và nhược điểm của vật liệu làm bao bì để lựa chọn chất liệu phù hợp.

Ở hình thức bao bì thì chất liệu vừa là thuộc tính vừa là hình thức đặc trưng, nó có khả năng chi phối và thu hút sự nhận biết của chủ thể bằng

thị giác và xúc giác. (Xem Phụ lục 9.1, tr.125)

Hình dạng và kích thước: Ở bao bì hình dạng và kích thước là đặc trưng thứ hai của mỹ thuật bao bì. Từ các hình cơ bản như tròn, vuông, tam giác các khối hình trụ, hình chóp hay sự kết hợp các hình cơ bản ấy các họa sỹ thiết kế đã tạo ra những kích thước hình dạng khác nhau tạo nên nhiều cung bậc cảm xúc thị giác cho người tiêu dùng. (Xem Phụ lục 9.1, hình 9.1.1, tr.126)

Trong sự đa dạng của nền công nghiệp hàng hóa, hình khối và kiểu dáng của bao bì ngoài chức năng bảo vệ hàng hóa, tiện dụng khi sử dụng và lưu thông nó còn tạo sự thu hút thị giác kích thích tiêu dùng thậm chí định vị thương hiệu ví dụ chai nước ngọt Coca-Cola. Nó cũng quan trọng đối với nhà sản xuất để xem xét kích thước và hình dạng của bao bì khi giới thiệu sản phẩm mới. Vì thế, trong quá trình thiết kế, nhà thiết kế nên truyền đạt cảm xúc khác nhau theo các hình dạng của các đối tượng khác nhau. Ví dụ, hình dạng vuông cho một cảm giác của sự ổn định trong khi hình dạng tròn được coi nhiều như sự hoàn chỉnh hoặc hoàn hảo

Chữ và ký hiệu: Trong mỹ thuật bao bì thì chữ và các ký hiệu là những yếu tố không thể thiếu. Nhà sản xuất muốn người tiêu dùng phải nhớ tới tên sản phẩm, thì yếu tố có khả năng nhất sẽ ảnh hưởng tới trí nhớ của khách hàng là kiểu chữ, kích cỡ và màu sắc. Chữ dùng để trang trí là một hình ảnh đồ họa mà không đòi hỏi quá nhiều giải thích nếu chúng được sử dụng đúng cách trong thiết kế, xắp xếp và bố trí hợp lý sẽ tạo được giá trị nội dung và hiệu suất thị giác.

Trong mỹ thuật bao bì, chữ còn được dùng để phân biệt sản phẩm này và sản phẩm khác, là công cụ truyền thông là ngôn ngữ để giới thiệu, chỉ dẫn về sản phẩm là công cụ kết nối giữa nhà xuất xuất và người tiêu dùng. (Xem Phụ lục 9.1, hình 9.1.2, tr.126).

Ký hiệu là hình thức cô đọng nhất của ngôn ngữ viết mang tính biểu tượng cao, là một phần quan trọng của tiếp thị và nhận dạng sản phẩm mang tính toàn cầu, thông qua ký hiệu người tiêu dùng có thể nhận dạng chất liệu bao bì, độ an toàn, hướng dẫn, cũng như thông tin mà nhà sản xuất muốn chuyển tải. (Xem Phụ lục 9.2, tr.127)

Hình ảnh, đường nét, mảng và họa tiết trang trí: Để tạo sự hấp dẫn, minh họa chân thực về sản phẩm các yếu tố hình ảnh được sử dụng phổ biến trong bao bì thực phẩm, mỹ phẩm và các sản phẩm gia dụng, chúng được dùng để mô tả, quảng cáo và nhận biết sản phẩm bên trong hoặc dùng để truyền thông cho mục đích thương mại. Ngoài hình ảnh các yếu tố đường nét, mảng phẳng và họa tiết trang trí được sử dụng trên bao bì nhằm tạo nên các hiệu ứng thị giác, tạo sự độc đáo và tăng tính hấp dẫn đối với người tiêu dùng. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.1, tr.128)

Màu sắc: Trong TKBB để tạo ra sự thu hút, chú ý khách hàng, màu sắc của bao bì luôn là vấn đề đặt ra hàng đầu cho bất kỳ một người họa sỹ TKĐH nào. Làm thế nào để sản phẩm trông thật đẹp, thật bắt mắt để sản phẩm đó không bị chìm trong vô vàn các sản phẩm khác.

Để thiết kế được bao bì có sức hút với khách hàng đòi hỏi người họa sỹ phải am hiểu thấu đáo về màu sắc vì mỗi màu có ý nghĩa riêng của nó hơn nữa ý nghĩa màu sắc cũng bị ảnh hưởng bởi môi trường xã hội, bối cảnh văn hoá, và xu hướng. Màu sắc trong mỹ thuật bao bì không chỉ làm cho sản phẩm nổi bật, thu hút sự chú ý của mọi người mà nó còn có nhiệm vụ kết nối các mặt với nhau, nêu bật nội dung bên trong và biểu cảm được nội dung bên trong của sản phẩm, gợi cảm giác nói lên tính chất của sản phẩm. Ví dụ để mô tả đồ uống từ hoa quả được làm từ trái cây như: dâu, cam, táo… việc sử dụng những màu hồng, cam, xanh… sẽ được người sử

dụng hình dung tưởng tượng đến mùi vị thơm ngon của hoa quả, bởi những màu như vậy đã được điển hình hoá. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.2, tr.128)

Nói tóm lại, đặc trưng của mỹ thuật bao bì là sự kết hợp giữa chất liệu; hình dạng và kích thước; chữ và ký hiệu; hình ảnh, mảng, đường nét và họa tiết trang trí; màu sắc nhằm tạo ra một sản phẩm bao bì đảm bảo sự chứa đựng, bảo vệ sản phẩm, sự thu hút thị giác cho mục đích truyền thông mục tiêu và chiến lược marketing của một thương hiệu hay sản phẩm. Những đặc trưng trên chính là các phương tiện trong sáng tạo và cũng là các tiêu chí trong thẩm định giá trị mỹ thuật ở bao bì hàng hóa mà ở đó chủ thể sáng tạo và hưởng thụ đều tiếp cận đối tượng hình thức bao bì bằng cả hai cơ chế thị giác và xúc giác.

1.1.2.4. Các yếu tố cơ bản trong thiết kế bao bì

TKBB là quá trình sáng tạo nghệ thuật và khoa học thông qua chất liệu, cấu trúc, cách trình bày, hình ảnh, màu sắc và những yếu tố đồ họa khác nhằm tạo ra một sản phẩm bao gói, chứa đựng và bảo vệ sản phẩm một cách tối ưu nhất, thu hút thị giác cho mục đích truyền thông, mục tiêu kinh doanh và chiến lược marketing của một thương hiệu hay sản phẩm.

Bao bì có thể được coi là một tập hợp các yếu tố giao tiếp thông điệp đến người tiêu dùng, và các loại thông điệp được truyền tải phụ thuộc vào một trong hai yếu tố thị giác hoặc bằng lời nói, nơi yếu tố lời gửi thông tin và các yếu tố thị giác ảnh hưởng đến cảm xúc, các yếu tố trực quan được tạo thành từ màu sắc, hình dạng (hay còn gọi là mẫu), kích thước, vật liệu và đồ họa trong khi các yếu tố bằng lời nói bao gồm tên, thương hiệu, nhà sản xuất, xuất xứ sản phẩm, thông tin về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng và khuyến mại... Đó là các yếu tố của bao bì ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của người tiêu dùng và có thể xác định sự lựa chọn của họ. Vì vậy, để thiết kế được một bao bì tốt, tạo sức hấp dẫn đối với người tiêu dùng, tác

động đến hành vi mua sắm, tăng lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, người thiết kế phải nắm vững các yếu tố sau:

Sự nhất quán: Đây là tiêu chuẩn cốt lõi tạo nên thành công của một bao bì sản phẩm. Sự phối hợp nhất quán trong thiết kế bao bì là sự thể hiện được một phong cách riêng của thương hiệu sản phẩm. Màu sắc, bố cục, phông nền là những yếu tố giúp cho việc nhận dạng hình ảnh thương hiệu nhanh hơn, và giúp cho người tiêu dùng có thể nhớ được những đặc tính riêng của sản phẩm đó, phân biệt được nó với những sản phẩm cùng loại của một thương hiệu khác.

Vòng đời của bao bì tương đối ngắn nên sản phẩm có thể thay đổi màu sắc bao bì theo từng giai đoạn để tạo sự hấp dẫn, nhưng nó phải tuân theo nguyên tắc nhất quán trong việc nhận diện thương hiệu sản phẩm đó. Vì vậy, sự nhất quán trong bao bì là nơi sức mạnh thương hiệu được xây dựng. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.3, tr.129)

Sự ấn tượng: Một thiết kế bao bì ấn tượng sẽ thu hút sự chú ý đặc biệt với khách hàng là một trong những yếu tố chính trong tiếp thị chiến lược cho một sản phẩm, nó giúp sản phẩm khắc sâu trong trí nhớ người tiêu dùng. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.4, tr.129)

Người tiêu dùng có thể thích hoặc ghét ngay từ ấn tượng đầu tiên, nhiều sản phẩm thành công hay thất bại cũng phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố này. Tính ấn tượng còn đặc biệt có ý nghĩa với những bao bì cao cấp dành cho những sản phẩm sang trọng, thông qua đó khẳng định và khuếch trương được giá trị của phẩm và thể hiện được "tầm" của người sở hữu nó.

Sự nổi bật: Trên một kệ trưng bày mà ở đó sự đa dạng về màu sắc chủng loại bao bì thì sự nổi bật là yếu tố căn bản giúp người tiêu dùng chú ý và lựa chọn sản phẩm. Vì vậy, sự nổi bật là một yếu tố rất quan trọng để tạo ra sự khác biệt. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.5, tr.129)

Để làm tốt điều này đòi hỏi nhà sản xuất và họa sĩ thiết kế phải nghiên cứu kỹ thị hiếu thẩm mỹ, nhu cầu thị trường từ bước định vị sản phẩm đầu tiên đến việc xây dựng một hệ thống nhận diện thương hiệu hiệu quả. Khả năng sáng tạo cao cũng sẽ giúp việc thiết kế bao bì tránh được những lối mòn quen thuộc đến nhàm chán của các bao bì ngoài thị trường.

Sự hấp dẫn: Trong một số ngành hàng, đặc biệt trong ngành mỹ phẩm, bao bì phải thể hiện được sự hấp dẫn, lôi cuốn, gây thiện cảm và nhấn mạnh các đặc tính của sản phẩm. Bao bì trong những ngành này có thể được xem như một phần của sản phẩm tạo ra những giá trị cộng thêm cho khách hàng.

Ví dụ các sản phẩm được thiết kế dành cho nam giới bao bì phải thể hiện được sự nam tính, khác hẳn với sản phẩm dành cho nữ giới với những đường nét mềm mại, màu sắc quyến rũ, việc sắp xếp hương thơm và màu sắc là một trong những công cụ quan trọng của bao bì và màu sắc phải đồng dạng với mùi trong sản phẩm của một thương hiệu. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.6, tr.130)

Sự đa dụng: Để tăng tính cạnh tranh và tối ưu hóa giá trị sử dụng, ngoài các chức năng chính của bao bì ngày nay với tư duy sáng tạo người ta thường tìm cách thêm giá trị sử dụng cho bao bì. Những chi tiết tưởng chừng nhỏ nhặt đôi khi sẽ là một lợi thế cạnh tranh lớn của sản phẩm so với các đối thủ khác.

Một số bao bì đựng đồ ăn nhanh được thiết kế có thể vừa là bao bì đựng vừa là là dụng cụ phục vụ luôn cho việc sử dụng như nắp của các loại thuốc uống cho trẻ sơ sinh thường có vạch để đo lường, hay nắp của chai rượu vừa có chức năng bảo quản, trang trí, vừa có tác dụng làm cốc để uống. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.7, tr.130). Tất cả những điều này giúp cho sản phẩm trở nên thông dụng và phù hợp hơn trong đời sống hiện nay của con người.

Chức năng bảo vệ: Đã là bao bì thì luôn phải có chức năng bảo vệ sản phẩm bên trong. Tuy nhiên, không thiếu những bao bì đã không xem trọng chức năng này. Bao bì phải được thiết kế làm sao bảo vệ được sản phẩm bên trong một cách an toàn nhất giúp sản phẩm không bị hủy hoại trong quá trình bảo quản và vận chuyển. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.8, tr.130)

Ở bao bì dành cho thực phẩm và đồ uống phải đáp ứng được những tiêu chuẩn bắt buộc trong việc bảo đảm chất lượng sản phẩm, hoặc các bao bì trung chuyển hàng dễ vỡ bao bì phải có kết cấu chắc chắn, thậm chí phải có những thành phần chèn đỡ sản phẩm đảm cho quá trình vận chuyển hàng hóa được an toàn.

Sự hoàn chỉnh: Yếu tố này đảm bảo sự tối ưu giữa chức năng của bao bì và sự thuận tiện trong sử dụng và kinh doanh. Bao bì phải có kích thước, kiểu dáng tối ưu nhất, phù hợp với việc treo, trưng bày trên kệ bán hàng hoặc lưu trữ, bảo quản và có thể dễ dàng trong vận chuyển. Sự hoàn chỉnh còn thể hiện được đối tượng sử dụng sản phẩm, và mục đích sử dụng sản phẩm. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.9, tr.131)

Rất nhiều yếu tố mà khách hàng quan tâm cần phải được nhà thiết kế xem xét một cách tỉ mỉ để tạo cho bao bì một sự hoàn thiện tránh mọi khuyết điểm không đáng có. Sẽ có sự lựa chọn nên nhấn mạnh điểm nào giữa sự tiện lợi, sự nổi bật hay sự đa dụng để tạo ra sự hoàn chỉnh cho sản phẩm.

Sự cảm nhận qua các giác quan: Một bao bì tốt phải thu hút được sự cảm nhận tốt của người tiêu dùng về sản phẩm thông qua việc nhìn ngắm, săm soi và sờ mó vào sản phẩm.

Chúng ta thường ít chú ý đến xúc giác của người tiêu dùng mà thường chỉ nhấn mạnh vào yếu tố bắt mắt. Nhưng xúc giác lại có vai trò quan trọng trong việc cảm nhận về kích cỡ, kết cấu sản phẩm, chất liệu bao

bì và từ đó ảnh hưởng đến việc nhận xét chất lượng sản phẩm. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.10, tr.131)

Trong TKBB, không thể bỏ qua một yếu tố nào trong những yếu tố trên vì nó sẽ làm mất đi một lợi thế không nhỏ so với đối thủ cạnh tranh. Việc áp dụng những yếu tố này còn đòi hỏi người thiết kế phải tìm hiểu kĩ nhu cầu và đối tượng khách hàng hướng đến.

Xác định được đâu là nhu cầu và mong muốn của người tiêu dùng đối một sản phẩm sẽ giúp cho việc định hướng thiết kế đúng, và quá trình sáng tạo được nhanh hơn và hiệu quả hơn.

1.1.2.5. Nguyên tắc thiết kế bao bì sản phẩm

Để sản phẩm nổi bật, gây chú ý cho khách hàng, giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn giữa hàng nghìn mặt hàng được bày bán trong siêu thị mỗi ngày thì yếu tố đầu tiên phải nói đến là hình thức của bao bì. Bề ngoài ấn tượng, bắt mắt sẽ khiến khách hàng chú ý và lựa chọn sản phẩm dù còn nhiều sản phẩm khác có chất lượng tương đương, vì vậy, TKBB luôn có vai trò rất quan trọng trong việc kích thích tiêu dùng. Để có một thiết kế bao bì đẹp, người thiết kế cần nắm vững các nguyên tắc thiết kế sau:

** Đơn giản và rõ ràng*

Đối với bao bì hàng hóa công nghiệp (trừ những bao bì quà tặng hoặc mục đích phi thương mại) cần thiết kế đơn giản về hình dáng để dễ dàng cho vận chuyển, bày bán và rõ ràng nội dung nhãn hàng và hình ảnh thể hiện để nhấn mạnh đặc điểm và lợi thế của sản phẩm bên trong, tránh trường hợp gây nhầm lẫn cho khách hàng về sản phẩm bên trong. Thực tế đã có nhiều sản phẩm vì quá chú trọng đến hình thức bề ngoài, sử dụng hình ảnh không phù hợp với đặc tính sản phẩm rất dễ gây nhầm lẫn cho khách hàng đặc biệt đối với một số khách hàng không biết chữ. Ví dụ để nhấn mạnh hương tự nhiên người thiết kế bao bì nước tẩy rửa bồn cầu đã

sử dụng các hình ảnh hoa quả lớn chiếm gần như toàn bộ diện tích bao bì nhìn rất ngon miệng giống như một sản phẩm nước ép trái cây hoặc đồ uống có gas. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.11, tr.131)

Tuy nhiên, ở một số loại sản phẩm vẫn cho phép thiết kế bao bì đẹp và trừu tượng hơn một chút như các loại nước hoa chẳng hạn. Nhưng nhìn chung, TKBB cần phải làm rõ về sản phẩm và nhãn hàng. Đó là nguyên tắc TKBB đầu tiên.

** Độc đáo, khác biệt*

Nguyên tắc này có vẻ như mâu thuẫn với nguyên tắc trên nhưng thật ra chúng lại rất khác biệt. Để ghi lại ấn tượng sâu đậm với khách hàng, thiết kế bao bì phải độc đáo, khác biệt. Đây là nguyên tắc TKBB phụ thuộc vào nhiều yếu tố như ý tưởng sáng tạo, phong cách thiết kế, đối tượng khách hàng… Để tạo sự mới lạ, gây sự chú ý với người tiêu dùng, người thiết kế phải hạn chế đi lại lối mòn mà các sản phẩm cùng loại đã làm. Ví dụ như bao bì sữa tươi, rất nhiều các sản phẩm sử dụng hình ảnh minh họa về con bò sữa, sữa, thảo nguyên, hoa quả... thì các TKBB dùng mảng phẳng màu lớn gợi hình giọt sữa hay màu của của loại hoa quả sẽ gây sự chú ý. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.12, tr.132)

** Hiệu ứng kệ hàng*

Một sản phẩm hoặc một dòng sản phẩm khi trên kệ bán hàng không bao giờ đứng một mình, bởi vì, khi sản phẩm được xếp thành nhiều cột ngang và cột dọc trên kệ hàng chúng sẽ tạo ra một hiệu ứng bắt mắt người tiêu dùng. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.13, tr.132) Nguyên tắc thiết kế bao bì này có thể chưa được áp dụng hiệu quả tại Việt Nam vì các dãy quầy hàng ở siêu thị nước ta có diện tích hạn chế. Có những sản phẩm cùng dòng nhưng lại khác hương vị, hay những sản phẩm thường được đóng gói theo bộ, gói, block (nhiều sản phẩm trong một một gói). Vì vậy, người thiết kế

phải sáng tạo nhằm tạo ra những hình ảnh hiệu quả thu hút sự chú ý và tăng tính hấp dẫn của sản phẩm với khách hàng.

** Tính linh hoạt (tính mở rộng)*

Tính linh hoạt trong thiết kế một bao bì sản phẩm cho phép giới thiệu một chuỗi sản phẩm liên kết với nhau. Ví dụ một bao bì sản phẩm sữa vị cam ta có thể thiết kế những hương vị khác mà vẫn đảm bảo tính hệ thống nhận diện thương hiệu hay bao bì đồ củ quả sấy khô cũng vậy, phải thiết kế để sao có thể làm cùng một loại bao bì, kiểu dáng và thương hiệu mà vẫn phân biệt được từng loại sản phẩm nhưng vẫn đảo bảo khách hàng vẫn nhận diện được thương hiệu của nhà sản xuất đó. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.14, tr.132) Vì vậy, người thiết kế phải sáng tạo ra những bao bì có thể dễ dàng thay đổi các thông tin khác nhau để dễ dàng có thể tạo ra một chuỗi các sản phẩm mở rộng hoặc một nhóm sản phẩm có tính liên kết, đồng bộ với nhau một cách hệ thống.

** Tính thực tế*

Xu hướng TKBB ngày nay thường tối ưu hóa công năng, tiện ích khi sử dụng bao bì sản phẩm phù hợp với cuộc sống hiện đại. Những ý tưởng thực tế với nhiều hình dạng, kích thước và công năng của TKBB sẽ là một điểm cộng rất lớn cho sản phẩm. Bao bì thiết kế ấn tượng và hữu dụng không chỉ để chứa đựng, bảo quản, giới thiệu về sản phẩm mà còn giúp người tiêu dùng thuận tiện hơn trong quá trình sử dụng. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.15, tr.133) Nguyên tắc này sẽ góp phần làm cho sản phẩm có tính cạnh tranh cao giữa các sản phẩm cùng loại, kích thích tiêu dùng.

1.1.2.6. Công nghệ và quy trình sản xuất bao bì

Một số công nghệ in bao bì phổ thông hiện nay:

- Sử dụng công nghệ in offset: Là kỹ thuật in phẳng, in offset là hình thức in ấn công nghiệp phổ biến nhất hiện nay. In offset là quá trình truyền

các thông tin, hình ảnh từ khuôn in lên bề mặt vật liệu in bằng mực một màu hoặc nhiều màu dưới một áp lực trên thiết bị gọi là máy in, hình ảnh trên khuôn in là hình ảnh thuận chiều với sản phẩm được in ra. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.16, tr.133)

Trong công nghệ in offset, các phần tử dính mực in được ép lên các tấm cao su (còn gọi là các tấm offset) trước rồi mới ép từ miếng cao su này lên chất liệu in.

Vật liệu in chủ yếu là giấy và carton mỏng, đề can (và kim loại với máy in offset kim loại). Để in bao bì, nhãn hàng hoá chủ yếu dùng máy in tờ rời nhiều dùng bản kẽm với máy in từ 1 đến 6 màu và khổ in từ 26x34cm đến 72x102cm

- Sử dụng công nghệ in ống đồng: Là kỹ thuật in lõm, các phần tử in được khắc sâu vào bề mặt của trục in (còn gọi là bản in hay khuôn in), phần tử in không nằm trên bề mặt trục in, trước khi toàn bộ trục in (bao gồm cả phần tử in và phần tử không in) được nhúng vào máng mực. Mực ở phần tử không in được gạt sạch bởi dao gạt mực, khi đó chỉ còn mực chứa trong các lỗ nằm thấp hơn (phần tử in), mực từ các lỗ này truyền vào bề mặt vật liệu in nhờ áp lực in cao và bám vào vật liệu in. In ống đồng chủ yếu in dạng cuộn, có thể in trên các vật liệu khác nhau như giấy, màng nhựa dẻo, màng kim loại. Các chi tiết bản thiết kế được khắc chìm lên trên thân ống, hình ảnh trên ống ngược chiều so với bản được in ra. Máy có thể in được 10 ống màu và để có hình ảnh chân thật thì cần ít nhất là 4 ống và khổ in từ 60cm đến 150cm. Khi in các màu sẽ in theo kiểu chồng lên nhau tạo ra chi tiết phức tạp. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.17, tr.134)

Là phương pháp hiện đại với nhiều trục in nên hình ảnh rất chân thật. Thu hút kích thích tính mua sắm, công cụ marketing hiệu quả mà tiết kiệm

chi phí đối với những sản phẩm có số lượng lớn.

Hạn chế của nó là chi phí đầu tư vào trục in khá cao, đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn nhỏ thì cần tính toán lượng bao bì in ấn để có được phương án phù hợp.

- Công nghệ in Flexo: Là kỹ thuật in nổi, các phần tử in (chữ, hình ảnh, mảng màu...) trên khuôn in nằm cao hơn các phần tử không in, hình ảnh trên khuôn ngược chiều với bản in thực tế, được cấp mực bằng trục in anilox, sau đó truyền mực trực tiếp lên vật liệu in qua quá trình ép in.

In Flexo phù hợp với các loại bao bì như bao bì PP tráng, bao bì giấy kraft, giấy carton và in được trên nhiều chất liệu đặc biệt như: vải, bìa hoặc in trên màng polyme... Sử dụng trục in làm từ polymer nên giá thành khá thấp. Các chi tiết của bản thiết kế sẽ được khắc lồi lên trên trục. Máy in flexo thường có 2 đến 10 màu tương đương với 2 hoặc 10 trục in. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.18, tr.134)

Các máy in flexo có khả năng in càng nhiều màu, càng có nhiều khả năng in ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, màu sắc đa dạng, phù hợp với thẩm mĩ và nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh các loại máy trên, người ta còn cho ra đời dòng máy in flexo cho màng nhôm để in trên bao bì dược phẩm và thực phẩm. Tuy hình ảnh có chất lượng không cao nhưng vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin đến khách hàng, đảm bảo sản xuất số lượng lớn trong thời gian ngắn.

Phần lớn quá trình in và sản xuất bao bì, nhãn hàng hoá đều dùng máy, thiết bị tự động và bán tự động làm cho quá trình sản xuất bao bì được nhanh, chính xác và hiệu quả kinh tế.

Quy trình sản xuất bao bì

Quy trình sản xuất bao bì, nhãn hàng hoá gồm 4 giai đoạn chính nối

tiếp nhau: Thiết kế mẫu - Chế tạo bản in - In hình ảnh - Gia công tờ in thành sản phẩm, cũng có thể chia nhỏ quá trình sản xuất theo các công đoạn như sau:

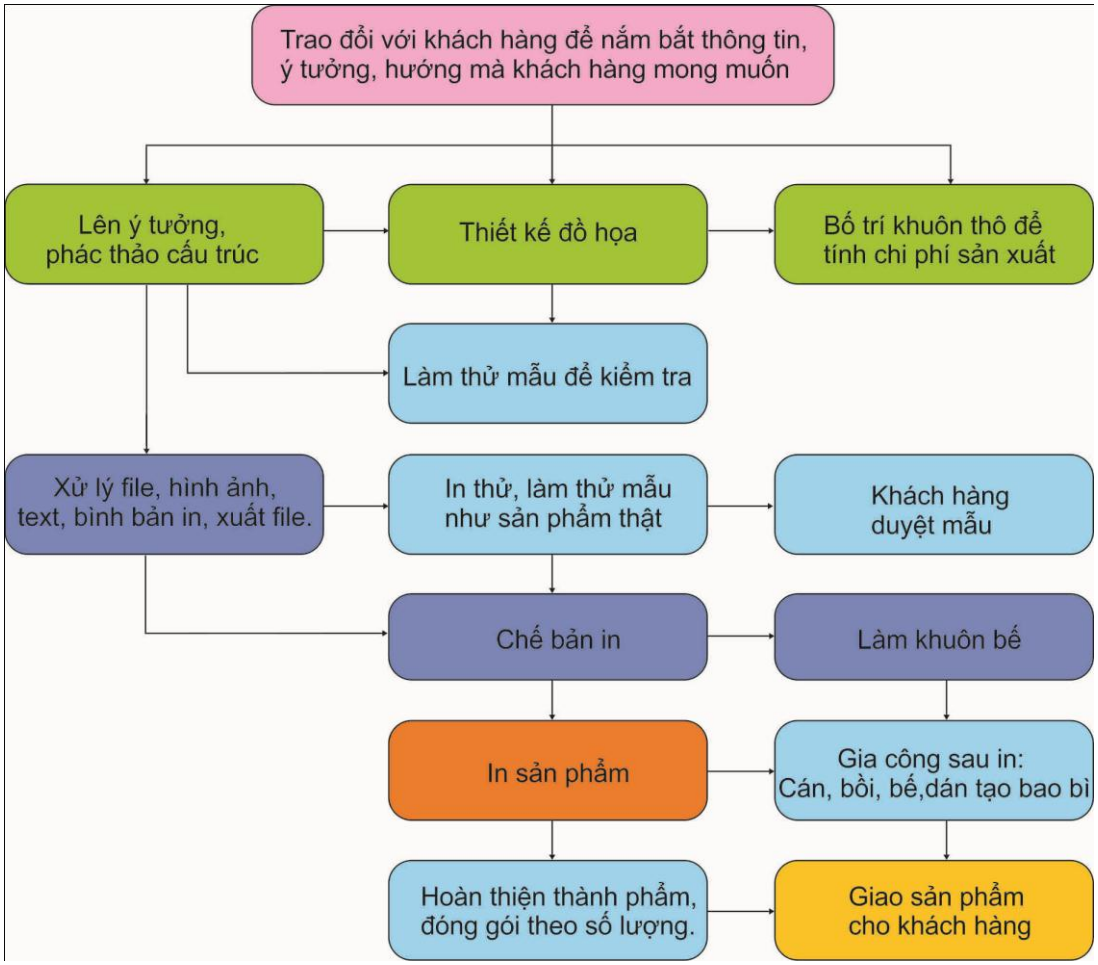

Qua sơ đồ chúng ta có thể thấy quy trình cơ bản trong thiết kế và sản xuất bao bì theo các bước sau:

1. Làm việc với khách hàng để biết sản phẩm, ý tưởng của khách hàng về bao bì cần sản xuất cũng như số lượng để tư vấn về chất liệu, kích thước, nội dung và hình ảnh thể hiện cũng như số màu in trên bao bì. Để tạo được những bao bì ấn tượng đúng yêu cầu của khách hàng, phù hợp với người tiêu tiêu dùng việc đầu tiên là phải nắm bắt được yêu cầu của khách hàng, trao đổi với khách hàng để đưa ra các ý tưởng và giải pháp tối ưu nhất cho sản phẩm của mình.

2. Thiết kế cấu trúc, thông tin và hình ảnh cho bao bì: Là quá trình thể hiện ý tưởng về hình dạng, cấu trúc, sắp xếp thông tin và hình ảnh của bao bì cả trong mặt phẳng hai chiều và trong không gian ba chiều. Thiết kế cấu trúc tính đến hình dạng, khả năng chứa đựng và chịu lực khi xếp chồng lên nhau cũng như cách treo, bày trên kệ hàng. Là quá trình họa sỹ dùng công cụ thiết kế là máy vi tính thông qua các phần mềm thiết kế như Coreldraw, Illustrator, Adobe Photoshop, Adobe Indesign, Adobe Acrobat để xây dựng, thiết kế cấu trúc bao bì và các yêu cầu quảng cáo sản phẩm để tạo ra những hình ảnh bên ngoài bao bì trên mặt phẳng. Ở công đoạn này người thiết kế dùng một phần mềm phù hợp hoặc nhiều phần mềm kết hợp để thiết ví dụ trên bao bì dùng nhiều hình ảnh ta có thể sử dụng phần mềm Adobe Photoshop để chỉnh sửa ảnh (vì Adobe Photoshop chuyên về chỉnh sửa ảnh nhưng lại hạn chế về text) và sau đó import vào phần mềm Coreldraw hoặc Illustrator để thiết kế tạo ra một bản thiết kế hoàn chỉnh. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.19, tr.134)

3. Sắp xếp thô khuôn: Là quá trình sắp xếp các các bản trên các khuôn in sao cho tối ưu nhất. Ở công đoạn này người thiết kế luôn phải tính toán để làm sao phù hợp khổ giấy in và kinh tế nhất cũng như kỹ thuật ghép các bát in thuận tiện cho quá trình gia công sau in để làm sao một bài in kinh tế nhất, chi phí sản xuất thấp, và thời gian gia công nhanh nhất. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.20, tr.135)

4. In thử và làm thử mẫu để kiểm tra cấu trúc: là làm một mẫu thật theo thiết kế để kiểm tra lại hình dáng, thông tin trên sản phẩm, màu sắc, sức chứa, chịu lực của hộp trong điều kiện có tải để điều chỉnh nếu cần. Ngày nay, công nghệ in Digital hay còn gọi là in Test, in nhanh cũng rất phổ biến và màu sắc tương đối chính xác so với in offset nên khi in ra ta có thể dễ dàng làm được mẫu sản phẩm có hình dáng, màu sắc và kích thước như sản phẩm thật. Công đoạn này có thể làm bản để khách hàng duyệt

mẫu, duyệt màu để sản xuất hàng loạt. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.21, tr.135)

5. Bình bản (dàn khuôn): Là quá trình sắp xếp bản in trên khổ giấy định in, đặt ốc màu lới xén, cấn bế an toàn cách sản phẩm thật từ 1mm-2mm để cho công đoạn xén, bế được dễ dàng, đặt ốc màu CMYK, thang màu in ở 4 góc và 2 cạnh trên và dưới bài in để khi in thợ in nhận biết kẽm màu C, M, Y, K và dễ dàng căn chỉnh màu. Lưu ý khi bình bản luôn phải trừ khoảng từ 1cm - 1.5cm theo chiều ngắn của giấy để nhíp cặp khi in trừ trường hợp bình các tai dán hoặc thành phẩm màu trắng gọi là mượn nhíp. Ví dụ như in khổ giấy 43cm x 65cm mà máy in nhíp cặp 1.5cm thì khổ in thành phẩm chỉ còn 41,5cm x 65cm. Vì vậy, khi thiết kế và bình bản in phải luôn tính toán đến khổ giấy in để tính toán cho phù hợp và kinh tế nhất. Việc đặt ốc màu phải theo số lượng bản màu in tránh tình trạng bài in có một hoạc hai màu nhưng vẫn để ốc màu là bốn màu tránh lãng phí khi ghi kẽm. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.22, tr.135)

Lưu ý: khi bình bản đối với các sản phẩm nhãn mác, bao bì phải dùng khuôn để cấn bế khi hoàn thiện, thì khi ghép các bát in gần nhau nên tính toán để các bát ghép cách nhau tối thiểu 4mm để đảm bảo an toàn cho việc gắn dao cấn bế không bị vỡ khuôn bế và không xa nhau quá dẫn đến tình trạng lãng phí, thông thường khoảng cách các bát ghép nên để 5mm.

6. Chế bản in: Là quá trình tạo các hình ảnh cần in lên tấm nhôm làm bản in offset (phơi kẽm đối với phim (CTF) và ghi kẽm đối với CTP) hoặc trên ống đồng làm bản in ống đồng và trên nhựa photopolymer đối với in flexo… (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.23, tr.136)

7. In hình ảnh: Là việc dùng máy in offset hoặc máy in ống đồng, in flexo... để in các hình ảnh của bao bì lên vật liệu in như giấy, đề can hoặc màng mỏng nhựa hay kim loại...(Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.24, tr.136) Tùy

từng sản phẩm in có một hay nhiều màu, kích thước và số lượng bản in nhiều hay ít để lựa chọn máy in phù hợp và kinh tế nhất.

8. Gia công sau in: Sau khi in xong tùy theo yêu cầu của từng sản phẩm để gia công các công đoạn tiếp theo của bao bì, thông thường sẽ có các bước sau:

- Cán màng linon, tạo gân, phủ UV hoặc ép màng nhũ, thúc nổi… trước khi cho vào bế thành phẩm tùy từng sản phẩm và yêu cầu của nhà sản xuất. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.25, tr.136). Có những bao bì cần độ dày, cứng thì in xong thường được cán màng rồi bồi lên carton lạnh hoặc bìa cứng để tạo thành các bao bì có độ cứng như các hộp quà, hộp bánh trung thu, hay hộp rượu...

- Làm khuôn bế: Dùng file vẽ vector sản phẩm khi bình bản để ra phim hoặc in giấy bồi trên tấm gỗ dán có độ dày nhất định để làm khuôn nếu cắt bằng tay thủ công, dùng máy CNC, Laser để cắt trực tiếp từ file trên máy tính (không cần phải ra phim hoặc in trên giấy) khi cắt thành các mạnh theo hình có sẵn rồi gắn các dao kim loại làm lưỡi cắt đứt và dao tạo rãnh (tạo gân) trên một tấm gỗ để tạo ra khuôn bế sản phẩm, tùy vào độ to nhỏ của sản phẩm mà có thể tính toán một bát hay nhiều bát sản phẩm trên cùng một khuôn bế. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.26, tr.136). Lưu ý đối với các sản phẩm nhãn mác, bao bì, hộp ghép bát và các đường dao gần nhau nên kiểm tra lại khoảng cách các bát ghép, đường dao phải cách nhau tối thiểu 4mm để đảm bảo việc gắn dao cấn bế không bị vỡ khuôn tránh làm mất thời gian và kinh tế.

- Bế sản phẩm: Là quá trình dùng máy bế gắn các khuôn bế đã được làm để cắt và tạo rãnh tờ in theo hình dạng thiết kế (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.27a, 27b, tr.137)

9. Hoàn thiện: Là khâu cuối cùng của quá trình sản xuất bao bì trước khi giao cho nhà sản xuất để đóng gói sản phẩm. Các công đoạn cuối cùng sau khi đã in, gia công bề mặt, cắt bế hình là công đoạn gấp, dán, bồi hoặc gài các chi tiết liên kết tạo thành bao bì hoàn chỉnh. (Xem Phụ lục 9.3, hình 9.3.28, tr.137)

Trên đây là 9 bước trong quy trình thiết kế và sản xuất một bao bì giấy phổ thông và có những bao bì có thể thêm hoặc bớt các công đoạn ở phần in gia công sau in cho phù hợp với từng loại nhãn mác, bao bì.

1.1.3. Dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường đại học sư phạm

1.1.3.1. Mục tiêu của dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên sư phạm

Theo định hướng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội hiện nay, SV tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo giáo viên ngành SPMT cần được hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực để thích ứng với yêu cầu dịch chuyển nghề nghiệp, người cử nhân SPMT có thể làm việc tại các công ty thiết kế mỹ thuật và các môi trường lao động mỹ thuật ứng dụng khác.

Trên nền tảng của các kiến thức và kĩ năng mỹ thuật cơ bản, dạy học TKBB giúp SV củng cố và phát triển các năng lực nền tảng của người giáo viên giảng dạy môn mỹ thuật trong trường phổ thông, trường chuyên nghiệp.

Dạy học TKBB cho SV sư phạm còn có mục tiêu giúp SV hình thành, phát triển nhận thức về khoa học bao bì, vai trò, chức năng, khái niệm và các yếu tố, đặc trưng của BBHH, kĩ thuật và chất liệu bao bì qua ngôn ngữ tạo hình; vai trò của TKBB trong hoạt động mỹ thuật ứng dụng trên cơ sở đó, hình thành, phát triển kĩ năng thiết kế được một số loại hình bao bì sản phẩm ứng dụng được trong thực tiễn.

Dạy học TKBB góp phần giúp SV sư phạm hình thành và phát triển năng lực hoạt động mỹ thuật ứng dụng nói chung, tạo điều kiện cho sự dịch chuyển môi trường lao động và công việc gắn với yêu cầu xã hội sau này.

1.1.3.2. Nguyên tắc dạy học thiết kế bao bì

- Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục trong dạy học.

- Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa lí luận và thực tiễn.

- Nguyên tắc dạy học phải đảm bảo giữa vai trò chủ đạo của người dạy và vai trò tự giác tích cực, độc lập của người học

- Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và tính mềm dẻo của tư duy.

- Nguyên tắc dạy học phải đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và tính vừa sức riêng của SV.

1.1.3.3. Nội dung dạy học thiết kế bao bì

- Kiến thức cơ bản như khái niệm, chức năng, vai trò của bao bì, phân loại bao bì, hình thức đặc trưng của mỹ thuật bao bì... (có hình ảnh minh họa qua máy chiếu).

- Kiến thức về các yếu tố cơ bản trong thiết kế, nguyên tắc, những quy định của Nhà nước trong TKBB; quy trình thiết kế, sản xuất bao bì (minh họa bằng hình ảnh và giáo cụ trực quan).

- Tổ chức cho SV trải nghiệm thực tế để hình thành kĩ năng thiết kế một số loại bao bì phổ biến.

- Kiến thức chủ đạo về thiết kế, quy trình thiết kế, in ấn và sản xuất bao bì giấy, nhãn mác thông dụng là công việc mà khi ra trường các em sẽ thường xuyên phải sử dụng khi dịch chuyển nghề nghiệp là kinh nghiệm cần thiết cần trang bị cho SV.

1.1.3.4. Phương pháp, phương tiện và hình thức dạy học thiết kế bao bì

+ Các phương pháp dạy học thiết kế bao bì

Giảng viên cần hiểu và vận dụng tốt các phương pháp sau:

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp vấn đáp
- Phương pháp dạy học trực quan
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp thảo luận
- Phương pháp tham quan
- Phương pháp dạy học thực hành
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

* Phương tiện dùng cho dạy học thiết kế bao bì là kế hoạch dạy học, tư liệu, máy tính, máy chiếu để trình bày kiến thức, nội dung môn học.

+ Giáo cụ trực quan là những sản phẩm bao bì thực tế, một số bản thiết kế, bản phôi in bao bì, bao bì đã gia công cấn bế khỏi bản phôi in, bản kẽm CTP, khuôn bế... giúp SV hiểu rõ và nắm vững kiến thức.

+ Phương tiện máy móc, xưởng thiết kế và sản xuất bao bì thực tế là phương tiện quan trọng giúp SV trải nghiệm thực tế, khắc sâu kiến thức.

* Hình thức dạy học lý thuyết kết hợp tổ chức thực tế ngoại khóa, cùng các bài tập thực hành để đánh giá kết quả mục tiêu môn học.

1.2. Cơ sở thực tiễn: Khảo sát thực trạng dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

1.2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng

1.2.1.1. Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật thuộc Trường ĐHSP - ĐHTN được thành lập theo Quyết định số 1352/QĐ - ĐHTN, ngày 31 tháng 10 năm

2010 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên. Là đơn vị đào tạo tương đương cấp khoa, Bộ môn có chức năng đào tạo chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc và SPMT trình độ cử nhân sư phạm. Bộ môn có đủ các phòng học chuyên ngành hội họa, điêu khắc, thanh nhạc, nhạc cụ…được trang bị cơ bản các phương tiện, công cụ phục vụ cho dạy và học.

Mặc dù mới thành lập, Bộ môn đã tổ chức đào tạo được trên 200 SV chuyên ngành SPMT có chất lượng tốt. Đội ngũ GV của bộ môn đã được chuẩn hóa, đáp ứng ngày càng cao chất lượng đào tạo.

Trong xu thế đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay, giáo viên dạy mỹ thuật có vai trò quan trọng trong thực hiện chất lượng chương trình. Bộ môn và Nhà trường luôn đổi mới về chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và phát triển chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, dịch chuyển chuyên môn cho người học, giúp người học sau tốt nghiệp có được vị trí việc làm tốt từ chương trình phân hóa, rẽ nhánh.

1.2.1.2. Giới thiệu về môn học có dạy về thiết kế bao bì cho sinh viên trong chương trình đào tạo ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Thông tin quảng cáo

Mã môn học: ADI321

- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: Tổng 30 tiết; Lý thuyết: 6 tiết; Thực hành 24 tiết.
- Đánh giá: + Điểm thứ nhất: 30% (đánh giá tất cả các bài tập)
  + Điểm thứ hai: 70% (Thi viết và thực hành cuối kỳ)
- Môn học trước: Trang trí 1 Mã số: TDM331

Nội dung tóm tắt:

Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về khoa học quảng cáo, vai trò, chức năng, khái niệm và các phương tiện quảng cáo, kĩ thuật và chất liệu quảng cáo qua ngôn ngữ tạo hình.

SV nhận thức được khoa học quảng cáo, thực hành vẽ được một số loại hình quảng cáo: tờ gấp,(catalog) tranh quảng cáo công thương nghiệp, nhãn hộp, bao bì, biểu trưng.

Nội dung chi tiết:

Tuần	Chương	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	Chương 1 1.1 1.2 1.3 1.4 1.5	**Một số vấn đề chung về quảng cáo** Khái niệm Vai trò của quảng cáo Chức năng của quảng cáo Các phương tiện quảng cáo Nghệ thuật của quảng cáo	[1][2] [3][4]	
2	Chương 2 2.1 2.2 2.2.1 2.2.2 2.2.3	**Các loại hình quảng cáo** Trình bày tờ gấp (catalo) Tranh quảng cáo Hình tranh quảng cáo Màu sắc trong tranh quảng cáo Lời văn trong quảng cáo		
3,4	Chương 3 3.1	**Thực hành** Vẽ trình bày tờ gấp (catalo)		
5,6,7	3.2	Vẽ biển quảng cáo		
8,9,10	3.3	Vẽ nhãn hộp hàng hóa		
11,12	3.4	Vẽ bao bì hàng hóa		
13,14,15	3.5	Vẽ tranh quảng cáo		

c. Mục tiêu khảo sát

Đánh giá thực trạng nhận thức và thực trạng dạy học TKBB cho SV ngành SPMT ở Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật, Trường ĐHSP-ĐHTN làm cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học TKBB cho SV.

d. Nội dung, khách thể khảo sát

Nội dung khảo sát:

+ Khảo sát thực trạng nhận thức của GV và SV ngành SPMT về dạy học TKBB;

+ Khảo sát thực trạng dạy học TKBB cho SV ngành SPMT ở Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật, Trường ĐHSP-ĐHTN và các nguyên nhân của thực trạng.

Khách thể khảo sát: 05 GV và CBQL và 30 SV năm thứ 3, năm thứ 4 ngành SPMT.

e. Phương pháp khảo sát và cách xử lý số liệu

Sử dụng phương pháp khảo sát với 2 mẫu phiếu, trong đó có một mẫu dành cho CBQL, GV, một mẫu dành cho SV; phương pháp thống kê toán học.

1.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

1.2.2.1. Thực trạng nhận thức về dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

** Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên về mục tiêu dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật*

Để tìm hiểu nhận thức của CBQL, GV và SV về mục tiêu dạy học TKBB cho SV ngành SPMT, người nghiên cứu sử dụng câu hỏi 1 (Phụ lục 1. tr.89, phụ lục 2, tr.93) để trưng cầu ý kiến các nhóm khách thể khảo sát. Kết quả thể hiện ở bảng 1.1.

Bảng 1.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên về mục tiêu dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên

STT	Mục tiêu dạy học TKBB cho SV ngành SPMT	Ý kiến đánh giá (tỷ lệ %)			
		Đồng ý		Không đồng ý	
		CBQL, GV	SV	CBQL, GV	SV
1	Giúp SV củng cố và phát triển các năng lực nền tảng của người giáo viên giảng dạy môn mỹ thuật trong trường phổ thông, trường chuyên nghiệp.	100	95,0	0	5,0
2	Giúp SV hình thành, phát triển nhận thức về khoa học bao bì, vai trò, chức năng, khái niệm và các yếu tố, đặc trưng của BBHH, kĩ thuật và chất liệu bao bì qua ngôn ngữ tạo hình; vai trò của TKBB trong hoạt động mỹ thuật ứng dụng trên cơ sở đó, hình thành, phát triển kĩ năng thiết kế được một số loại hình BBSP ứng dụng được trong thực tiễn.	100	97,0	0	3,0
3	Giúp SV sư phạm hình thành và phát triển năng lực hoạt động mỹ thuật ứng dụng nói chung, tạo điều kiện cho sự dịch chuyển môi trường lao động và công việc gắn với yêu cầu xã hội sau này.	100	90,0	0	10,0

Kết quả bảng 2.1 cho thấy: 100% CBQL, GV đều có nhận thức đúng về mục tiêu dạy học TKBB cho SV. Đây là một trong những điều cần thiết để hoạt động dạy học cho SV đi đúng hướng, đáp ứng mục tiêu của môn học.

Khảo sát trên đối tượng SV, người nghiên cứu thấy đa số SV đã có nhận thức đúng về mục tiêu. Đây là tiền đề quan trọng để SV có ý thức tham gia vào các hoạt động dạy học do GV tổ chức một cách tích cực và có ý thức tự rèn luyện bản thân để hình thành kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp. Tuy vậy, còn một bộ phận SV có nhận thức chưa đúng đắn. Từ đó đòi hỏi CBQL, GV cần tăng cường công tác tuyên truyền, giảng giải để nâng cao nhận thức cho SV về vấn đề này.

** Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên về sự cần thiết của việc đưa nội dung dạy học thiết kế bao bì vào chương trình giảng dạy cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật trong bối cảnh hiện nay*

Điều tra nhận thức về vấn đề này, người nghiên cứu sử dụng câu hỏi 2 (Phụ lục 1, tr.90, phụ lục 2, tr.94) để xin ý kiến các khách thể khảo sát. Kết quả điều tra thể hiện ở bảng 1.2 như sau:

Bảng 1.2. Nhận thức về sự cần thiết của việc đưa nội dung dạy học thiết kế bao bì vào chương trình giảng dạy cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật trong bối cảnh hiện nay

STT	Nội dung dạy học	Mức độ cần thiết (Tỷ lệ %)					
		Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
		CBQL, GV	SV	CBQL, GV	SV	CBQL, GV	SV
1	Kiến thức cơ bản về bao bì (khái niệm, chức năng, vai trò của bao bì, phân loại bao bì, hình thức đặc	80,0	63,7	20,0	33,0	0	3,3

	trưng của mỹ thuật bao bì)						
2	Kiến thức về TKBB (yếu tố cơ bản trong thiết kế, nguyên tắc, quy trình thiết kế, sản xuất bao bì)	53,0	66,7	47,0	34,3	0	0
3	Kĩ năng thiết kế một số loại bao bì phổ biến	54,0	70	46,0	30	0	0

Kết quả ở bảng trên cho thấy: Có 3,3% SV được hỏi cho rằng việc dạy học *Kiến thức cơ bản về bao bì (khái niệm, chức năng, vai trò của bao bì, phân loại bao bì, hình thức đặc trưng của mỹ thuật bao bì)* cho SV là *không cần thiết*. Còn lại đa số SV và 100% CBQL, GV đánh giá việc dạy học TKBB cho SV trong bối cảnh hiện nay là *rất cần thiết* và *cần thiết*. Tỷ lệ CBQL, GV đánh giá mức độ *rất cần thiết* tập trung cao.

Các nội dung người nghiên cứu đưa ra xin ý kiến về *Kiến thức về thiết kế bao bì (yếu tố cơ bản trong thiết kế, nguyên tắc, quy trình thiết kế, sản xuất bao bì) và Kĩ năng thiết kế một số loại bao bì phổ biến* đều có tỷ lệ CBQL, GV, SV chọn ở mức độ *rất cần thiết* cao.

1.2.2.2. Thực trạng dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

** Thực trạng xây dựng và thực hiện mục tiêu dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên*

Để thực hiện mục tiêu đào tạo năng lực dạy học TKBB cho SV ngành SPMT, Bộ môn cần xây dựng mục tiêu đào tạo và tổ chức thực hiện tốt trong quá trình đào tạo SV. Để có thông tin về nội dung này, chúng tôi tiến hành khảo sát GV và SV. Kết quả khảo sát cho thấy, Bộ môn đã xây dựng mục tiêu và quán triệt thực hiện mục tiêu đào tạo này trong một số môn

học, đặc biệt là môn Mỹ thuật ứng dụng. Trong đề cương môn học, mục tiêu đã được xác định là hình thành và phát triển cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về quảng cáo, thiết kế một số sản phẩm quảng cáo qua bao bì.

Quá trình tổ chức dạy học cũng đã thể hiện GV và SV thống nhất được mục tiêu đào tạo – GV đã phổ biến đến SV Đề cương môn học từ buổi học đầu tiên để sinh viên được nghiên cứu Đề cương, xác định mục tiêu, nội dung và hình thức học tập. Tuy nhiên, vì nội dung giảng dạy về TKBB chỉ là một nội dung thành phần của học phần Mỹ thuật ứng dụng nên các mục tiêu người nghiên cứu mong muốn ở SV cần đạt được còn hạn chế.

** Thực trạng thực hiện nội dung dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên*

Để có thông tin về vấn đề này, chúng tôi sử dụng câu hỏi 4 (Phụ lục 1. tr.91, Phụ lục 2, tr.95) để xin ý kiến các khách thể khảo sát. Kết quả điều tra thể hiện ở bảng 1.3 như sau:

Bảng 1.3. Thực trạng nội dung dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm sư phạm mỹ thuật

TT	Nội dung cụ thể	Mức độ thực hiện				Hiệu quả thực hiện		
		RTX	TX	ĐK	CBG	RHQ	HQ	KHQ
1	Kiến thức về bao bì		18	14	3	1	16	18
2	Kiến thức về TKBB		19	13	2		12	23
3	Kĩ năng TKBB	1	25	9			11	24

Qua khảo sát 35 người gồm 5 GV và 30 sinh viên người nghiên cứu nhận thấy: Tất cả những CBQL, GV, SV mà người nghiên cứu hỏi ý kiến

đều cho rằng nội dung dạy học TKBB trên đã được GV tổ chức giảng dạy cho SV trong quá trình đào tạo ở Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật. Tuy nhiên, mức độ thực hiện từng nội dung cụ thể thì khác nhau. Sử dụng câu hỏi mở trong phiếu khảo sát, chúng tôi nhận thấy nội dung kiến thức về bao bì, kiến thức về TKBB và kiến thức về kĩ năng TKBB đã được giảng dạy, tuy nhiên, những kiến thức này chưa được cung cấp đủ, nội dung học phần mới chỉ tập trung nhiều vào vấn đề quảng cáo; nội dung chi tiết về bao bì, những vấn đề về thiết kế ít được đề cập chuyên sâu. Đặc biệt là nội dung thực hành kĩ năng TKBB – Đề cương mới chỉ tập trung vào dạng thức vẽ bao bì trên giấy; chúng tôi mong muốn cần xây dựng các nội dung thực hành chuyên sâu hơn trên nhiều chất liệu và cụ thể là trang bị cho SV kiến thức thiết kế cơ bản, kiến thức về chế bản và in ấn sẽ giúp SV hình thành và phát triển năng lực thiết kế bao bì tốt hơn, là cơ sở để học và làm các bài tiếp theo tốt hơn, cơ hội dịch chuyển nghề nghiệp lớn hơn.

Số liệu khảo sát cũng cho thấy những nội dung dạy học về TKBB chưa thực sự hiệu quả.

* *Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên*

Để tìm hiểu thực tế các GV đã sử dụng những phương pháp nào trong tổ chức dạy học TKBB cho SV, người nghiên cứu nêu câu hỏi 5 trong mẫu phiếu trưng cầu ý kiến dành cho CBQL, GV, SV (Phụ lục 1, tr.91, phụ lục 2, tr.95). Kết quả thu được thể hiện ở bảng 1.4 như sau:

Bảng 1.4. Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên

STT	Phương pháp dạy học	Mức độ sử dụng (%)			Hiệu quả sử dụng (%)		
		TX	ĐK	CSD	T	K	TB

1	Phương pháp thuyết trình	80	20	0	71.4	28.6	0
2	Phương pháp vấn đáp	57.1	42.9	0	54.29	45.71	0
3	Phương pháp dạy học trực quan	45.7	54.3	0	65.7	34.3	0
4	Phương pháp quan sát	48.6	51.4	0	48.6	51.4	0
5	Phương pháp thảo luận	22.9	77.1	0	34.3	37.1	28.6
6	Phương pháp tham quan	2.8	22.9	74.3	57.1	42.9	0
7	Phương pháp dạy học thực hành	34.3	51.4	14.3	62.9	37.1	0
8	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	28.6	71.4	0	51.4	48.6	0

Nhận xét kết quả bảng 2.4: Trong quá trình tổ chức dạy học TKBB cho SV, giảng viên đã sử dụng phối hợp các nhóm phương pháp, gồm 8 phương pháp trên. Người nghiên cứu tính tỷ lệ % theo mức độ sử dụng. Kết quả: các phương pháp được GV và SV sử dụng thường xuyên nhất là: *phương pháp thuyết trình* (xếp thứ 1*)*; *phương pháp vấn đáp* (xếp thứ 2*), phương pháp quan sát và trình bày trực quan* (xếp thứ 3,4);

Các phương pháp được GV và SV sử dụng ở mức độ trung bình là: *phương pháp dạy học thực hành* (xếp thứ 5), *phương pháp thảo luận* (xếp thứ 6), *phương pháp kiểm tra, đánh giá* (xếp thứ 7), *phương pháp tham quan* (xếp thứ 8).

Cùng trên một bảng khảo sát, người nghiên cứu xin ý kiến đánh giá của CBQL, GV về hiệu quả sử dụng của các phương pháp. Kết quả như sau: Trong số những phương pháp dạy học mà các GV và SV thường xuyên sử dụng thì *phương pháp thuyết trình, phương pháp trình bày trực quan* được đánh giá là có hiệu quả sử dụng tốt (lần lượt xếp thứ 1, 2 về tỷ lệ chọn).

Một số phương pháp có mức độ sử dụng ít nhưng lại đưa đến hiệu quả khá tốt là phương pháp *tham quan* (xếp thứ 4), *phương pháp thực hành* (xếp thứ 3). Tổ chức cho SV thực tế tại các cơ sở thiết kế, sản xuất bao bì, cho SV tham gia trải nghiệm, tạo được sự hứng thú cho sinh viên song chưa được GV và SV thực hiện. *Phương pháp đánh giá* giúp nâng cao nhận thức, phát triển kĩ năng cho SV song hiệu quả chưa cao. Nếu được tổ chức tốt thì đây cũng là phương pháp mạng lại hiệu quả giáo dục cao. Từ thực tế này đòi hỏi các CBQL, GV cần quan tâm, khai thác sử dụng các phương pháp này thường xuyên hơn nữa.

Thảo luận là phương pháp được giảng viên sử dụng (xếp thứ 6), tuy nhiên, hiệu quả sử dụng lại thấp (xếp thứ 7). Vì trong quá trình giảng viên tổ chức thảo luận nhóm, nhiều SV dựa dẫm vào sự tích cực của một số ít bạn trong nhóm mà không tích cực tham gia hoạt động, do đó hiệu quả giáo dục không cao.

* *Thực trạng phương tiện dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.*

Phương tiện dạy học có vị trí vô cùng quan trọng trong dạy học TKBB cho SV. Trong tổ chức dạy học TKBB, những phương tiện thiết yếu cần được GV và SV sử dụng gồm: Giáo trình, giáo cụ trực quan cụ thể (các loại mẫu bao bì, bản in, bản kẽm, khuôn bế...) máy vi tính, máy chiếu, máy in, máy scan...

Tuy nhiên, qua quan sát thực tiễn hoạt động dạy học cho SV và thực tiễn điều kiện dạy học của bộ môn, người nghiên cứu nhận thấy các phương tiện dạy học mà GV và SV sử dụng còn hạn chế như máy chiếu, máy scan, giáo cụ trực quan chưa sinh động và chưa thực tế, chưa có máy in màu để thực hành, máy vi tính còn hạn chế cho việc thực hành kĩ năng. Chúng tôi cho rằng, để nâng cao hiệu quả dạy học, Bộ môn và GV cần

trang bị và sử dụng nhiều loại phương tiện như: máy chiếu hỗ trợ cho quá trình dạy lý thuyết, giáo cụ trực quan thực tế, đa dạng cho từng nhóm sản phẩm, máy in để phục vụ cho việc thực hành và sử dụng hợp lý các hình thức tổ chức dạy học sẽ mang lại kết quả tích cực.

1.2.3. Đánh giá chung về khảo sát thực trạng

1.2.3.1. Ưu điểm

Hoạt động tổ chức đào tạo được tiến hành dựa trên nhu cầu xã hội và năng lực học tập của SV, nhằm giúp SV có cơ hội học tập nhiều hơn để phát triển năng lực cá nhân và năng lực nghề nghiệp. Việc giảng dạy lý thuyết chuyên môn bước đầu được gắn kết với hoạt động thực hành thực tế chuyên môn của giáo viên ở trường phổ thông, nhằm định hướng nghề nghiệp cho SV. Việc bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho GV được thực hiện triệt để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới nhà trường. Hoạt động thực tập sư phạm của SV ở trường phổ thông, mầm non được tăng cường trong mối quan hệ gắn kết giữa trường đại học với trường phổ thông giúp SV có kĩ năng giao tiếp, và các kĩ năng mềm khác, SV có trình độ kiến thức cơ bản, kĩ năng nghiệp vụ chuyên môn và sư phạm.

1.2.3.2. Hạn chế

- Phương pháp giảng dạy chậm đổi mới; hoạt động phát triển chương trình theo định hướng đổi mới diễn ra chậm, chưa triệt để, hình thức tổ chức dạy học còn nặng về lý thuyết; vấn đề phát huy tính tích cực, tự nghiên cứu của SV còn hạn chế dẫn đến hạn chế về năng lực cá nhân và năng lực nghề. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, tài liệu học tập còn hạn chế.

Tiểu kết chương 1

Thực tế nghiên cứu cho thấy trong cuộc sống ngày nay đặc biệt trong nền kinh tế hàng hoá, hầu hết các sản phẩm đều phải dùng đến bao bì để

bao gói sản phẩm. Việc bao gói hàng hoá không chỉ để chứa đựng, bảo quản sản phẩm mà còn được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau.

Qua việc phân tích tìm hiểu kiến thức chung về bao bì có thể thấy ngành công nghiệp bao bì với phạm vi bao phủ rộng lớn trong đời sống xã hội, đóng góp một phần quan trọng trong sự phát triển kinh kế. Trước nhu cầu về nhân lực thiết kế nhiều trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các trung tâm đã mở thêm các khoa, khóa đào tạo ồ ạt trong những năm qua, với cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập cũng như đội ngũ GV còn hạn chế dẫn đến chất lượng đầu ra chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường. Qua đó thấy được TKBB vẫn là ngành rất nhiều tiềm năng để phát triển đặc biệt ở nước ta nó vừa là động cơ vừa là cơ hội với những SV SPMT theo đuổi đam mê TKĐH trong thời kỳ hiện nay.

Trước thực trạng SV SPMT ra trường khó kiếm được việc làm như hiện nay đòi hỏi việc đào tạo SV SPMT ngoài việc trang bị kiến thức về nghiệp vụ sư phạm còn phải có kiến thức chuyên môn sâu sẽ giúp SV có cơ hội dịch chuyển nghề nghiệp. SV nắm vững các kiến thức cơ bản về TKBB, hiểu các quy trình, công nghệ sản xuất bao bì và vận dụng linh hoạt các yếu tố, nguyên tắc thiết kế cùng với công cụ thiết kế hợp lý để tạo ra những sản phẩm bao bì hấp dẫn, độc đáo, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Tìm hiểu thực trạng việc dạy và học TKBB ở Trường ĐHSP – ĐHTN đã giúp người nghiên cứu thấy được mặt tích cực và hạn chế của việc dạy và học TKBB ở Trường ĐHSP – ĐHTN, để từ đó đề xuất một số biện pháp dạy học TKBB phù hợp nhằm kế thừa và phát triển những mặt tích cực, khắc phục các mặt hạn chế để đạt được mục tiêu dạy học TKBB cho SV ngành SPMT ở Trường ĐHSP – ĐHTN.

Chương 2

ĐỀ XUẤT VÀ THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY HỌC THIẾT KẾ BAO BÌ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

2.1. Đề xuất một số biện pháp dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên

2.1.1. Một số nguyên tắc chỉ đạo đề xuất biện pháp

- *Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu đào tạo*

Quán triệt nguyên tắc này trong nghiên cứu là việc xây dựng các biện pháp dạy học TKBB cho SV phải căn cứ vào mục tiêu đào tạo SV ngành SPMT, căn cứ vào những định hướng rẽ nhánh mục tiêu từ đào tạo SV không chỉ có phẩm chất và năng lực của người giáo viên giảng dạy mỹ thuật trong các cơ sở giáo dục mà cần đáp ứng mục tiêu đào tạo người SV sư phạm có thể làm việc hiệu quả trong các môi trường của mỹ thuật ứng dụng giúp họ có thể thích ứng được với môi trường việc làm năng động sau tốt nghiệp.

- *Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa*

Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa nhấn mạnh việc nghiên cứu đề xuất biện pháp mới cần dựa trên sự phân tích, đánh giá tính hiệu quả của những biện pháp dạy học đã được sử dụng nhằm chắt lọc và kế thừa những điểm mạnh có thể để từ đó xây dựng, phát triển, hoàn thiện chúng trong điều kiện hiện nay.

- *Nguyên tắc thực tiễn và khả thi*

Các biện pháp dạy học phải xuất phát và phù hợp với quan điểm của Đảng và nhà nước về phát triển giáo dục trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập hiện nay đồng thời phải xuất phát từ mục tiêu giáo dục và đào tạo, đặc thù của đào tạo SV ngành SPMT ở trường sư phạm

miền núi Đông bắc, căn cứ vào chương trình đào tạo, đặc điểm tâm sinh lý của SV và những điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, thực tế quá trình tổ chức dạy học nhà trường đã tổ chức.

- *Nguyên tắc chất lượng và hiệu quả*

Việc xây dựng và thực hiện các biện pháp phải đảm bảo cho quá trình đào tạo SV được diễn ra có tính quy trình, tính hệ thống; đảm bảo tính đa dạng và phong phú của nội dung, hình thức tổ chức; xuất phát từ đặc điểm tâm, sinh lý của SV nhằm phát huy tính tích cực, tính chủ động, độc lập, sáng tạo của SV bên cạnh vai trò chủ đạo của tập thể nhà sư phạm; đảm bảo điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, kinh phí, thời gian để nâng cao nhận thức, hình thành kĩ năng và phẩm chất nghề nghiệp cho SV.

- *Nguyên tắc đồng bộ*

Vì quá trình đào tạo, quá trình dạy học cho SV là quá trình diễn ra liên tục, thường xuyên, chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên các biện pháp giáo dục phải phát huy được tiềm năng, ảnh hưởng tích cực của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; tạo ra sự thống nhất giữa quá trình đào tạo của nhà trường với các lực lượng giáo dục xã hội và quá trình tự đào tạo của SV.

2.1.2. Một số biện pháp dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên

2.1.2.1. Phát triển nội dung dạy học thiết kế bao bì theo hướng phù hợp với điều kiện thực tiễn

Từ chương trình hiện có, cải tiến về nội dung trên cơ sở vừa đảm bảo thực hiện được các nội dung hiện có, vừa thực hiện được nhiệm vụ đào tạo SV, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục gắn với thực tiễn và mục tiêu đào tạo của trường sư phạm.

- Nội dung biện pháp

Dựa trên chương trình đào tạo hiện hành, xây dựng chương trình môn học độc lập về TKBB hoặc tăng cường nội dung về dạy học TKBB trong chương trình môn học Mỹ thuật ứng dụng hiện hành để đào tạo cho SV. Nội dung dạy học TKBB có thể tích hợp và lồng ghép vào chương trình nghiệp vụ sư phạm của SV trong chuyên ngành; xây dựng thành học phần/tín chỉ tự chọn trong khối kiến thức nghiệp vụ với dung lượng khoảng 2-3 tín chỉ. Đây có thể coi là chương trình đáp ứng nhu cầu SV, gắn với đổi mới giáo dục đại học và đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp theo định hướng ứng dụng thực tiễn.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi xây dựng chương trình dạy học TKBB cho SV ngành SPMT như sau:

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC THIẾT KẾ BAO BÌ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG SƯ PHẠM

A. Mục tiêu của chương trình

1. Về kiến thức: Trang bị và nâng cao nhận thức cho SV về bao bì, TKBB; nhận thức về kĩ năng TKBB theo tiếp cận ứng dụng hiện đại;

2. Về thái độ: Giáo dục SV có thái độ tích cực chủ động trong học tập, ý thức được sự cần thiết phải tiếp cận và làm chủ nội dung chương trình học cũng như thấy được vai trò quan trọng của hình thành và phát triển kiến thức và kĩ năng thiết kế bao bì trong thực tiễn nghề nghiệp sau này để có động cơ và nhu cầu tích cực tiếp nhận, lĩnh hội, thể hiện và sáng tạo các nội dung học tập.

3. Về kĩ năng: Hình thành và phát triển ở SV kĩ năng nghiên cứu tài liệu, kĩ năng tự học; kĩ năng nhận diện, trưng bày, phân tích và đánh giá các loại bao bì thông dụng; kĩ năng thiết kế và bước đầu thực hiện được quy trình tạo ra những sản phẩm bao bì đơn giảng bằng các nguyên vật liệu dễ thực hiện (giấy).

B. Phương hướng xây dựng và thực hiện chương trình

1. Quán triệt quan điểm của Đảng và nhà nước về đào tạo theo định hướng ứng dụng thực tiễn, đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội ở trường sư phạm, đảm bảo vừa thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách người giáo viên, nhân cách nhà giáo dục; quán triệt nguyên tắc giáo dục giá trị, nguyên tắc tiếp cận hoạt động và nhân cách để giúp SV có thể dịch chuyển nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

2. Đảm bảo tính khoa học, phù hợp với mục tiêu và chương trình đào tạo ngành sư phạm mỹ thuật ở trường sư phạm; kết hợp lý thuyết, coi trọng thực hành nhằm rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp về thiết kế bao bì cho sinh viên.

3. Chương trình thực hiện dưới dạng học phần tự chọn hoặc chương trình bồi dưỡng phát triển kĩ năng nghề nghiệp có sự kết hợp giữa Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV và Bộ môn Giáo dục nghệ thuật, Trung tâm phát triển kĩ năng sư phạm của Nhà trường để tổ chức đào tạo cho SV.

C. Nội dung chi tiết và phân phối thời lượng

Chương trình được cấu trúc thành 1 học phần/chuyên đề, thực hiện trong 30 tiết. Cụ thể:

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	Mô đun 1. Những vấn đề cơ bản về bao bì: Khái niệm, vai trò của bao bì trong đời sống và trong kinh doanh; chức năng của bao bì; phân loại bao bì; hình thức đặc trưng mỹ thuật của bao bì.	4	
2	Mô đun 2. Những vấn đề cơ bản về thiết kế bao bì: Khái niệm thiết kế bao bì, các yếu tố cơ bản trong thiết kế bao bì; những nguyên tắc thiết kế bao bì; công nghệ và quy trình sản xuất bao bì.	4	
3	Mô đun 3. Hình thành kĩ năng thiết kế bao bì	22	

- *Cách thức tiến hành*

Bộ môn chủ động xây dựng chương trình để trình Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt, tổ chức thực hiện chương trình trên gắn với chương trình đào tạo hiện có của bộ môn qua hoạt động đào tạo hoặc hoạt động phối hợp với tổ chức Đoàn thanh niên, Hội SV, Trung tâm phát triển kĩ năng sư phạm để bồi dưỡng phát triển cho sinh viên.

- *Điều kiện thực hiện*

Bộ môn và Hội đồng khoa học của bộ môn cần tạo được sự đồng thuận, khơi gợi được tính tự giác, tích cực, lòng nhiệt tình và sức sáng tạo của CBQLGD, GV trong xây dựng nội dung chương trình; tổ chức thẩm định và tổ chức quá trình đào tạo hoặc bồi dưỡng cho SV gắn với chương trình đào tạo.

2.1.2.2. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học thiết kế bao bì theo hướng tăng cường trải nghiệm thực tiễn của sinh viên

- *Mục tiêu*

Đổi mới phương pháp và hoàn thiện hình thức tổ chức dạy học thiết kế bao bì cho SV theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của SV nhằm biến quá trình đào tạo/ quá trình dạy học thành quá trình tự giáo dục, tự bồi dưỡng của SV bằng hoạt động với tính đa dạng, phong phú về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức.

- *Nội dung biện pháp*

Phân tích, đánh giá các phương pháp và hình thức đã và đang thực hiện để kịp thời phát huy ưu điểm và khắc phục những hạn chế; Xây dựng các phương pháp và mô hình tổ chức đặc thù gắn với nhiệm vụ hình thành kiến thức và kĩ năng thiết kế bao bì cho SV đáp ứng nhu cầu hoạt động của SV và điều kiện tổ chức của nhà trường; các phương pháp tập trung là phương pháp thực hành, tham quan trải nghiệm tại doanh nghiệp, trường

học…, tổ chức hội thi cho SV; Bồi dưỡng và phát huy vai trò chủ thể của SV trong tất cả các khâu của hoạt động, đáp ứng nhu cầu và tính tự chủ của SV. Tổ chức cho SV thiết kế, thực hiện hoạt động, đóng góp ý tưởng và sáng tạo, mở rộng nhiều cách thức thể hiện, làm phong phú các phương pháp và hình thức đào tạo/bồi dưỡng.

- *Cách thức tiến hành*

Bộ môn xác định cụ thể các phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo/bồi dưỡng trong đề cương môn học/chuyên đề, chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện các phương pháp và hình thức tổ chức theo hướng đổi mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn của môn học/chuyên đề. Bộ môn cần xin ý kiến của ban giám hiệu về phương án thực hiện. Xây dựng lực lượng tổ chức hoạt động trong và ngoài nhà trường. Phát huy vai trò tiên phong của giảng viên trẻ và giảng viên có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo xây dựng và tổ chức thực hiện môn học với nhiều nội dung mới thực hiện. Phát huy tính chủ thể trong hoạt động của SV. Liên kết với cơ quan hữu quan ở địa phương để tranh thủ sự giúp đỡ về con người, các điều kiện khác nhằm đảm bảo tổ chức hiệu quả hoạt động đào tạo.

- *Điều kiện thực hiện*

Bộ môn cần chủ động, tích cực, đóng góp xây dựng và tổ chức hoạt động cho SV. Phát triển lực lượng nhà sư phạm có năng lực tổ chức đào tạo/bồi dưỡng cho SV, phát huy được vai trò chủ thể hoạt động tích cực, sáng tạo của sinh viên. Các hoạt động dạy học/bồi dưỡng được xây dựng và tổ chức cho SV phải đảm bảo tính mục đích của hoạt động đào tạo; phù hợp với đặc điểm SV; đảm bảo yếu tố vùng - miền trong tiếp cận các vấn đề văn hóa - giáo dục; đảm bảo tính đa dạng, phong phú của các phương pháp và hình thức thể hiện; thu hút được số đông SV tham gia; đảm bảo được tính khả thi trong điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí.

2.1.2.3. Tăng cường điều kiện cho các hoạt động dạy học thiết kế bao bì với sinh viên ngành Sư phạm mỹ thuật.

- Mục tiêu

Đảm bảo yếu tố nền tảng và điều kiện thuận lợi để công tác đào tạo hình thành kĩ năng thiết kế bao bì cho SV đạt được chất lượng tốt.

- Nội dung biện pháp

Bằng các biện pháp cụ thể, nhà trường làm tăng vốn đầu tư về kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất, thời gian, không gian và khai thác, sử dụng hiệu quả chúng để tổ chức có chất lượng hoạt động đào tạo/bồi dưỡng cho SV.

- Cách thức tiến hành

Khai thác và sử dụng hiệu quả, triệt để các không gian giáo dục, các phương tiện và thiết bị hiện có như hội trường, lớp học thực hành, lớp học lý thuyết với những tính năng sử dụng vốn có của chúng;

Khi xây dựng kế hoạch tài chính cho năm học, bộ môn cần dành một phần ngân sách phù hợp cho mua sắm, bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học nói chung, đầu tư mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho tổ chức hoạt động đào tạo SV; Huy động sự tài trợ về kinh phí, các phương tiện như máy in màu khổ to, máy cán màng, và các vật liệu in như giấy in, mực in từ các lực lượng xã hội đóng trên địa bàn hoặc khai thác đồ dùng, phương tiện dạy học hiện có để tổ chức hiệu quả hoạt động đào tạo SV. Tăng cường xây dựng và hoàn thiện các nguồn tài liệu tham khảo cho SV ở thư viện của nhà trường, phòng tư liệu của bộ môn.

- Điều kiện thực hiện

Nhà trường và bộ môn cần nhận thức được vai trò của kinh phí và trang thiết bị trong tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học cho SV để có sự đầu tư thích đáng cho hoạt động này. Thúc đẩy sự tham gia của các lực

lượng trong và ngoài nhà trường hỗ trợ kinh phí cũng như nguồn lực khác cho công tác giáo dục và đào tạo nói chung, dạy học về TKBB cho SV nói riêng.

2.2. Thực nghiệm sư phạm

2.2.1. Mục tiêu của thực nghiệm:

Thực nghiệm sư phạm nhằm đánh giá tính khoa học, tính khả thi của các biện pháp đề xuất

Khẳng định tính hiệu quả của việc áp dụng biện pháp mới theo hướng phù hợp với điều kiện thực tiễn, tăng cường trải nghiệm thực tiễn và tăng cường điều kiện cho các hoạt động dạy học thiết kế bao bì cho SV ngành SPMT.

Thu thập thông tin phản hồi từ quá trình dạy học và ý kiến nhận xét, đánh giá của GV, SV về hiệu quả sử dụng các biện pháp trong dạy học TKBB, từ các yếu tố phân tích đánh giá giúp người nghiên cứu có những điều chỉnh để xác định tính khả thi của biện pháp mới phù hợp với các lớp cùng ngành đào tạo, hệ đào tạo.

Kiểm chứng về mặt định tính (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp,...) và định lượng (kết quả học tập của SV) thông qua kiểm tra đánh giá.

2.2.2. Đối tượng thực nghiệm

- Đối tượng: 24 SV năm thứ 3, hệ Đại học (K48). Người nghiên cứu chia lớp K48 ra làm 2 lớp thành lớp thực nghiệm và lớp đối chứng, và tổ chức dạy học theo giáo án cùng nội dung kiến thức, lớp thực nghiệm dạy học theo biện pháp mới, lớp đối chứng sử dụng biện pháp dạy học cũ.

- Thời gian: Học kì I năm học 2016 - 2017

- Địa bàn thực nghiệm: tại Trường ĐHSP – ĐHTN và Xưởng in và sản xuất của Công ty cổ phần Truyền thông và Nhận dạng thương hiệu

ADEC tại địa chỉ 197 đường CMT8, thành phố Thái Nguyên.

Người nghiên cứu là người trực tiếp tham gia dạy học trên cả hai lớp trên cùng một giáo án về nội dung kiến thức và nội dung bài tập, khác nhau về phương tiện, điều kiện cơ sở vật chất và cách thức tổ chức, biện pháp dạy học.

Cơ sở để phân chia lớp là dựa trên Bảng điểm của các môn học trước, cụ thể là môn Trang trí. (Xem Phụ lục 5, tr.103) Dựa trên bảng điểm học tập này, người nghiên cứu chia lớp thành 2 lớp nhỏ trên sao cho 2 lớp có sự tương đồng nhau về mặt nhận thức, nhằm đảm bảo tính khoa học và khách quan để đánh giá kết quả. (Xem Phụ lục 6, tr.104)

Thứ hạng của SV được xếp loại theo các mức như sau:

- Điểm số từ 5 đến 6 điểm: Trung bình
- Điểm số từ 7 đến 8 điểm: Khá
- Điểm số từ 9 đến 10 điểm: Giỏi

Để dễ dàng cho việc đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức trong giờ học TKBB của 2 lớp, người nghiên cứu chia thành hai nhóm với tỷ lệ tương đồng theo bảng 2.1:

Bảng 2.1. Bảng chia nhóm trước khi thực nghiệm

Xếp hạng	**Lớp thực nghiệm**		**Lớp đối chứng**	
KQ học tập	Số lượng SV	Tỷ lệ %	Số lượng SV	Tỷ lệ %
Giỏi	01	0.8	01	0.8
Khá	11	92	11	92
Trung bình	0	0	0	0

2.3.3. Nội dung thực nghiệm

- Đưa những điều chỉnh về nội dung, hình thức của môn học vào bài học cụ thể.

- Tăng cường và sử dụng một cách hiệu quả các phương tiện dạy học vào trong bài học, tăng khả năng tương tác giữa GV và SV.

- Kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức trên lớp thông qua việc tương tác với SV, qua đó đánh giá thái độ học tập của SV với môn học

- Tăng cường khả năng trải nghiệm thực tế qua các phương tiện dạy học, bài tập thực hành và thực tế tại cơ sở.

Bài thực nghiệm là bài tập: Thiết kế và trình bày một mẫu hoặc một bộ mẫu bao bì sản phẩm theo kiến thức đã được học từ lý thuyết.

2.3.4. Tiêu chí đánh giá

Thực nghiệm giảng dạy để đánh giá kết quả học tập giữa hai nhóm:

* Về kiến thức, kỹ năng:

- Biết thiết kế cấu trúc bao bì

+ Sử dụng kiến thức đã học vào việc dựng một sản phẩm thực tế.

+ Kiểu dáng, chất liệu: Phù hợp với sản phẩm,

- Bố cục rõ ràng, trình bày mạch lạc, có chính phụ, thể hiện nổi bật được sản phẩm hay nội dung đang đề cập đến.

- Màu sắc, hình ảnh: nổi bật được tính chất sản phẩm, sử dụng màu sắc thu hút, hấp dẫn gây hứng thú cho người xem.

- Tính sáng tạo: Sáng tạo về lựa chọn chất liệu, kiểu dáng, công năng... phù hợp với sản phẩm, mang lại sự hấp dẫn, thu hút cho người xem.

- Tính thực tế: Đây là yếu tố quan trọng để đánh sự nhận thức về kiến thức thiết kế đối với bao bì, sản phẩm thiết kế phải phù hợp với thực tiễn sản xuất, thiết kế phải sản xuất được.

- Trình bày đẹp.

* Về nhận thức

- So sánh mức độ tiếp thu kiến thức, hiểu bài tại lớp giữa hai nhóm.

- So sánh thái độ học tập giữa hai nhóm.

- Thay đổi về nhận thức, thái độ, kĩ năng đối với môn học, giờ học giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

- Đánh giá mức độ nhận thức về chuyên môn mỹ thuật và kỹ thuật (cụ thể là bài tập TKBB).

- Kết quả đạt được sau khi tiến hành kiểm tra đánh giá.

- Khảo sát, lấy ý kiến của GV, SV.

2.3.5. Tổ chức thực nghiệm

- Dựa trên cơ sở các biện pháp đã đề xuất ở trên, tôi đã xin thông qua nhà trường, tổ bộ môn để tiến hành thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả trong qua bài TKBB trên SV lớp SPMT - K48, với 2 nhóm đã được chia là *Lớp thực nghiệm* và *Lớp đối chứng*.

Sau khi chia lớp thành 2 nhóm như trên, người nghiên cứu đã tiến hành giảng dạy trên 2 lớp này với cùng giáo án và nội dung kiến thức.

* Lớp đối chứng:

- Sử dụng theo các biện pháp cũ như các lớp trước đây

- Thời gian: Tiết 1,2,3,4 (ngày 9/11/2016) phòng 107 giảng đường B5, Nhà Thí nghiệm thực hành, trường ĐHSP – ĐHTN. (Xem Phụ lục 9.4.1, tr.138)

- Nội dung: Người nghiên cứu sử dụng biện pháp truyền thống với các phương pháp thuyết trình, vấn đáp, phương pháp dạy học trực quan, phương pháp quan sát, thảo luận, phương pháp thực hành, phương pháp kiểm tra, đánh giá để dạy TKBB cho SV lớp đối chứng.

* Lớp thực nghiệm:

- Sử dụng các biện pháp đã đề xuất

- Thời gian: Tiết 5,6,7,8 (ngày 9/11/2016)

- Địa điểm: Phòng 101 giảng đường B1 nhà học lý thuyết, và phòng 107 giảng đường B5 trường ĐHSP – ĐHTN. (Xem Phụ lục 9.4.2, tr.139, 140)

- Thành phần dự: Các thành viên tổ bộ môn

Trong tiết giảng dành cho lớp thực nghiệm tôi đã tiến hành như sau:

Trên cùng một nội dung kiến thức nhưng được áp dụng các biện pháp dạy học mới đã đề xuất vào việc dạy học TKBB cho lớp thực nghiệm.

Tiến trình thực hiện theo 4 bước:

Bước 1: Chuẩn bị

Ở bước này, người nghiên cứu chuẩn bị đề cương bài giảng, máy tính, máy chiếu, đặt các mẫu bao bì đã chuẩn bị lên bàn, ổn định lớp.

Bước 2: Khởi động

Người nghiên cứu kiểm tra sĩ số, giới thiệu bản thân và GV tham dự giờ, cho xem một số bao bì thật với các loại chất liệu đã chuẩn bị để đưa ra khái niệm cơ bản về bao bì.

Sau khi các câu hỏi được đưa ra và sinh viên trả lời GV dẫn dắt vào bài về TKBB.

Bước 3: Nội dung

Ở bước này, người nghiên cứu tiến hành truyền tải nội dung kiến thức về bao bì, thiết kế bao bì: khái niệm; vai trò và chức năng; phân loại bao bì; các yếu tố đặc trưng; các nguyên tắc, quy trình và công nghệ thiết kế và sản xuất bao bì; các bước tiến hành TKBB.

- Sử dụng đan xen các phương pháp thuyết trình, phương pháp quan sát, phương pháp dạy học trực quan, phương pháp vấn đáp để truyền tải kiến thức theo đề cương chi tiết.

- Mỗi một đề mục người nghiên cứu đưa ra tài liệu minh họa, hoặc giáo cụ trực quan để SV hiểu rõ hơn

- Cho SV quan sát các dạng mẫu chất liệu; bản kẽm CTP; khuôn bế; bản in có sẵn các bát in, ốc màu, thang màu, đã cán màng; bản in đã cấn bế; bản in đã bế dán thành phẩm.

- Cho SV trực tiếp gấp, gài thử một số mẫu bao bì đã chuẩn bị.

- Thị phạm các bước tiến hành một bài TKBB cơ bản.

- SV tổng kết lại các bước tiến hành một bài thiết kế cơ bản theo cách hiểu của mình.

Bước 4: Kết thúc

- Người nghiên cứu trình chiếu tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

- Củng cố và chốt kiến thức bài học

- Gợi cho SV đặt câu hỏi thắc mắc về kiến thức của bài, trả lời câu hỏi của SV nếu có SV hỏi.

- Giao bài tập cho SV.

- Kết thúc bài thực nghiệm; phát Phiếu khảo sát xin ý kiến đánh giá của SV và GV dự giờ.

Quá trình thực nghiệm, người nghiên cứu quan sát thái độ hứng thú học tập của SV trên hai cả 2 lớp. Ở lớp đối chứng, thái độ học tập của các em bình thường, ít tập trung, không hứng thú, hiệu quả giờ học không cao.

Ở lớp thực nghiệm, người nghiên cứu sử dụng phòng 101, giảng đường B1 là phòng học có trang bị máy chiếu, người nghiên cứu đã vận dụng các biện pháp đã đề xuất vào trong giảng dạy, cùng các giáo cụ trực quan sinh động từ thực tiễn như hình ảnh, bản giấy bao bì in chưa cấn bế, bản in đã cấn bế và gia công cán màng, bản gấp thành phẩm, các khuôn bế, bản kẽm CTP đã chế bản cùng các mẫu bao bì giấy khác nhau về hình thức và kiểu dáng... đã lôi cuốn sự tập trung của SV, thái độ hứng thú của SV thấy rõ (SV rất chú ý quan sát và hỏi những câu hỏi vì đa phần các em chưa nhìn thấy nó bao giờ như bản kẽm CTP đã tráng, bản khuôn bế có gắn các lưỡi dao, các dạng bao bì gấp gài sáng tạo) giúp SV hiểu rõ thực tế một cách hiệu quả các em được nhìn, sờ, tương tác và thực hành luôn, là biện pháp, khắc sâu kiến thức để bước vào thực hành một cách hiệu quả.

2.3.6. Tổ chức thực tế ngoại khóa tại cơ sở

- Dựa trên số tiết học của bài, chúng tôi sử dụng 4 tiết tiếp theo của bài TKBB cho SV nhóm thực nghiệm đi thực tế tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Nhận dạng thương hiệu ADEC tại địa chỉ 179 Đường CMT8, thành phố Thái Nguyên mà chúng tôi đã liên hệ cộng tác nhằm cho SV thực tế kiến thức mà đã giảng dạy về phần lý thuyết trên lớp.

Chuẩn bị:

Vẫn trên hai lớp, với lớp đối chứng sau khi kết thúc thực nghiệm phần lý thuyết người nghiên cứu giao bài tập: Thiết kế và trình bày một mẫu hoặc một bộ mẫu bao bì sản phẩm theo kiến thức đã được học từ lý thuyết. Có thể ở lớp hoặc về nhà tự nghiên cứu, tìm hiểu và làm bài tập.

Lớp thực nghiệm, chúng tôi cho đi thực tế tại công ty Công ty Cổ phần Truyền thông và Nhận dạng thương hiệu ADEC.

Thực tế tại công ty ADEC: (Xem Phụ lục 9.5, tr.141)

- Tại công ty ADEC, cho SV đi quan sát, trao đổi kiến thức với phòng thiết kế, chế bản của công ty để xem các anh chị thiết kế, sử dụng các phần mềm, các bước thiết kế và chế bản để SV thấy được thực tế công việc của các họa sĩ thiết kế.

+ SV được giao lưu, hỏi các anh chị những câu hỏi mà mình còn thắc mắc (SV có thể ghi chép những kiến thức mà mình cho là quan trọng và cần thiết như: phần mềm thiết kế, cách xuất file, bình bản, xử lý text, ảnh trên file..)

Cho SV qua thực tế xưởng in: SV được trực tiếp xem, máy móc, và quá trình ra được tờ in.

+ Ở khâu này, GV sẽ chỉ cho SV thực tế khi thiết kế và bình bản như nào để được một tờ in tốt nhất, chỉ cho SV thấy được phần nhíp cặp trên

bản giấy in, bản kẽm CTP, chia sẻ kinh nghiệm khi lựa chọn khổ in, máy in phù hợp với số lượng sản phẩm đặt in...

Cho SV qua thực tế xưởng gia công: ở khâu này, SV sẽ thấy được quy trình cuối của TKBB trước khi được lưu thông trên thị trường, SV được quan sát các máy móc gia công, công đoạn gia công cơ bản của các loại bao bì giấy phổ thông.

+ Ở khâu này, SV được quan sát công nhân gia công trên máy và thủ công, GV chia sẻ kinh nghiệm thực tế trên sản phẩm thật với những lỗi mà người thiết kế hay mắc phải khi thiết kế ảnh hưởng tới gia công và chất lượng sản phẩm.

Kết thúc buổi thực tế ngoại khóa:

GV tập trung SV, trao đổi với SV về các nội dung mà SV cần bổ sung về kiến thức trong buổi thực tế ngoại khóa và giao bài tập như như lớp đối chứng là: Thiết kế và trình bày một mẫu hoặc một bộ mẫu BBSP theo kiến thức đã được học từ lý thuyết. Nhắc các em về nghiên cứu, tìm hiểu thêm tư liệu trên mạng, các siêu thị, gian hàng trong các trung tâm thương mại để làm giàu thêm tư liệu để làm tốt bài tập thực hành.

2.3.7. Nhận xét, đánh giá và kết quả thực nghiệm

2.3.7.1. Nhận xét và đánh giá:

Sau khi kết thúc thực nghiệm, người nghiên cứu tiến hành khảo sát ý kiến của SV và GV trong tổ bộ môn tham gia dự giờ với Phiếu khảo sát ý dành cho GV và SV (Phụ lục 3, tr.97 và Phụ lục 4, tr.100) và điểm số thông qua bài thực hành (Phụ lục 7, tr.105) qua đó người nghiên cứu tiến hành tổng hợp phân tích và đánh giá kết quả như sau:

- Kết quả định tính thực nghiệm sư phạm: Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV về thái độ học tập của SV, mục tiêu, nội dung kiến thức TKBB.
- Kết quả định lượng thực nghiệm sư phạm: Kết quả học tập của SV

sau bài tập thực hành và mức độ đạt các tiêu chí đánh giá trong bài tập thực hành của SV.

* Kết quả định tính:

a. Thái độ học tập của SV trong giờ học TKBB

Người nghiên cứu thông qua câu hỏi 1 (Phụ lục 3, tr.97, Phụ lục 4,tr. 100) để đánh giá thái độ học tập của SV trong giờ học TKBBSP với tiêu chí như sau:

+ Không hứng thú: trong giờ học sinh viên không tập trung, thụ động, hay làm việc riêng.

+ Bình thường: SV tham gia học tập nghiêm túc nhưng không tích cực, ít nêu câu hỏi.

+ Hứng thú: SV tham gia học tập nghiêm túc, tích cực đặt câu hỏi đối với GV.

+ Rất hứng thú: SV tham gia học tập sôi nổi, tích cực tương tác đối với GV, đặt các câu hỏi tình huống.

Kết quả thu thập thái độ của SV được thể hiện trong biểu đồ 2.1 như sau:

Biểu đồ 2.1: Thái độ học tập của SV

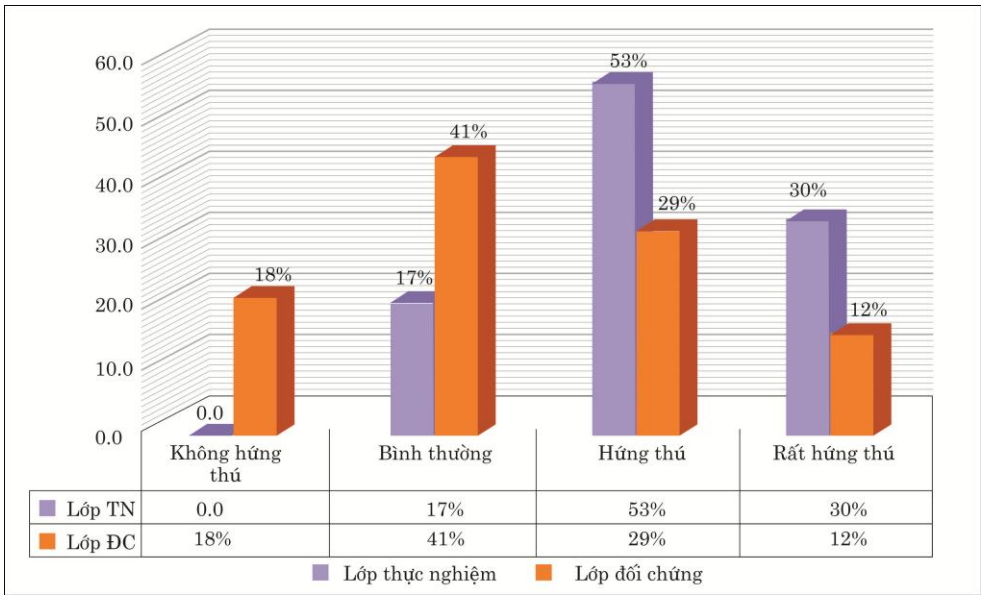

Từ kết quả khảo sát cho thấy thái độ học tập của SV lớp thực nghiệm tích cực hơn lớp đối chứng.

Ở mức bình thường lớp đối chứng là 41% còn lớp thực nghiệm là 17%, ở mức không hứng thú lớp thực nghiệm là 0% và lớp đối chứng là 18%, đối với mức hứng thú: lớp thực nghiệm là 53% còn lớp đối chứng là 29%, ở mức rất hứng thú: lớp thực nghiệm là 30% và lớp đối chứng là 12% dù chiếm tỉ lệ không cao nhưng đã cho thấy những chuyển biến tích cực trong việc đổi mới biện pháp dạy học.

Qua khảo sát thấy được việc áp dụng các biện pháp mới vào môn TKBB bước đầu đã tạo được kết quả khả quan, SV có tinh thần và thái độ tích cực, muốn phám phá thực tế, kích thích được hứng thú học tập của SV, từ đó tăng khả năng tự giác học tập, nắm chắc kiến thức hơn, tạo tiền đề tốt cho quá trình làm bài tập thực hành.

Để khảo sát nguyên nhân ảnh hưởng đến thái độ học tập của SV người nghiên cứu thông qua câu hỏi 2 (Phụ lục 4, tr.100) thu được kết quả sau:

Bảng 2.2: Ý kiến của GV về yếu tố tác động đến thái độ học tập của SV trong giờ học TKBB

TT	**Yếu tố tác động đến thái độ học tập của SV trong giờ học TKBB**	**Ý kiến của GV**	
		SL	**Tỉ lệ (%)**
1	Đặc trưng môn học	1	20
2	Phương pháp dạy học của GV	4	80
3	Phương tiện dạy học	4	80
4	Cách tổ chức lớp học	2	40
5	Điều kiện thực hành	3	60

Đa số GV cho rằng phương tiện, phương pháp của GV (80%) và cách tổ chức lớp học (60 %) là những yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của người học, trong đó phương tiện, phương pháp tác động nhiều đến thái độ người học. Bên cạnh đó, điều kiện thực hành cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ của người học (60%).

Như vậy, phần lớn GV cho rằng phương tiện, phương pháp của GV ảnh hưởng đến sự hứng thú trong quá trình học của SV trong các giờ học, phương tiện dạy học chưa phong phú, chưa sinh động và gắn với thực tế môn học, không tiếp cận thực tế sẽ gây nhàm chán cho SV khi học tập, không gây hứng thú học tập, hạn chế khả năng tích cực khám phá của người học.

b. Mức độ đạt về mục tiêu học tập trong dạy học TKBB

Người nghiên cứu thông qua câu hỏi 2 (Phụ lục 3, tr.97) và câu hỏi 3 (Phụ lục 4, tr.100) của bảng khảo sát để đánh giá mức độ đạt mục tiêu với 04 mức độ sau:

-Chưa hình thành: mức độ này SV chưa nắm được các kiến thức cơ bản về thiết kế, cấu trúc của bao bì.

- Hình thành: là mức độ SV nắm được kiến thức, thực hiện được các bước và quy trình thiết kế và sản xuất bao bì.

- Thành thạo: là mức độ mà SV thiết lập được cấu trúc bao bì, thiết kế và trình bày được mẫu bao bì phù hợp với sản phẩm, biết cách đặt ốc, lới xén, cấn bế.

- Rất thành thạo: SV nắm vững kiến thức về thiết kế, hiểu rõ quy trình sản xuất, biết cách bình bản in, tạo được sản phẩm sáng tạo, trình bày đẹp.

Kết quả mục tiêu học tập TKBB qua khảo sát được thể hiện qua bảng 2.3 và biểu đồ 2.2.

Bảng 2.3. Kết quả mục tiêu học tập TKBB

TT	MỤC TIÊU HỌC TẬP	KẾT QUẢ							
		Tỷ lệ % lớp thực nghiệm				Tỷ lệ % lớp đối chứng			
		Chưa hình thành	Hình thành	Thành thạo	Rất thành thạo	Chưa hình thành	Hình thành	Thành thạo	Rất thành thạo
1.	**Kiến thức lý thuyết cơ bản**								
1.1	Xác định được đặc điểm, các yếu tố, nguyên tắc trong TKBB	0.0	41	47	12	0,6	59	35	0.0
1.2	Thực hiện được bước TKBB	0.0	23	47	30	0.0	53	29	18
2.	**Kỹ năng thực hành TKBB**								
2.1	Thiết lập cấu trúc bao bì, biết cách đặt ốc, lới xén, cấn bế	12	41	35	12	29	47	18	0.6
2.2	Tạo được mẫu bao bì hoàn chỉnh, sáng tạo, phù hợp với sản phẩm	0.6	35	35	23	18	47	29	0.6
2.3	Trình bày đẹp	12	18	47	23	29	47	18	0.6

Biểu đồ 2.2. Kết quả mục tiêu học tập TKBB

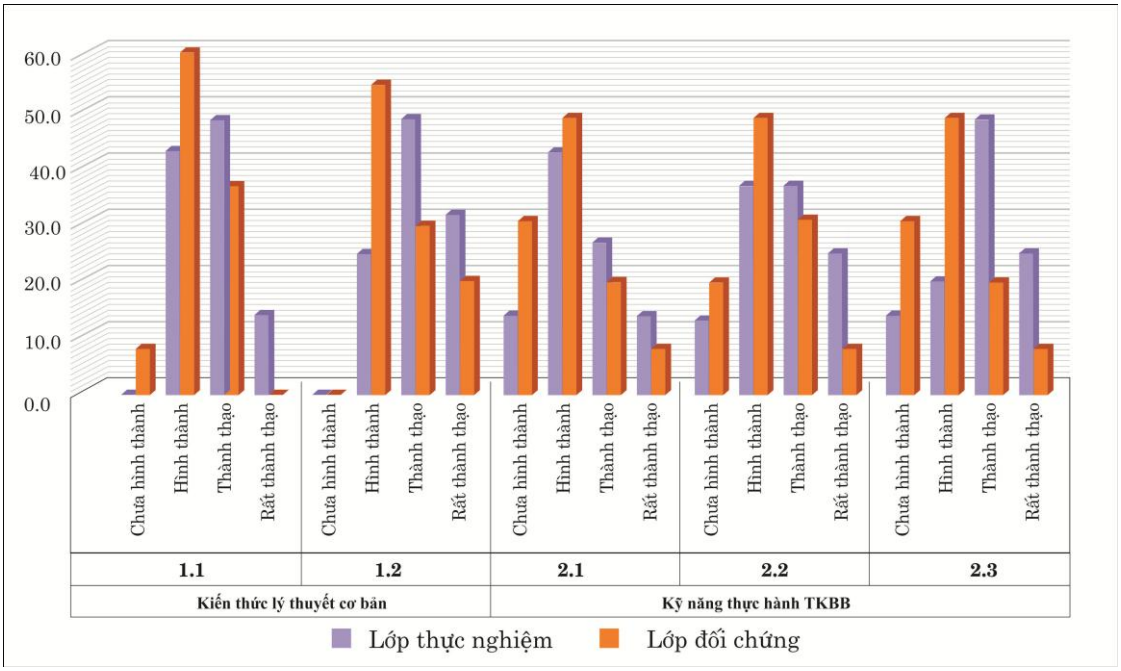

Từ kết quả khảo sát cho thấy mức độ đạt các kĩ năng của TKBB của lớp thực nghiệm ở mức thành thạo cao hơn lớp đối chứng và tỷ lệ chưa hình thành thấp hơn lớp đối chứng cho ta biết kết quả nắm kiến thức về lý thuyết và thực hành ở lớp thực nghiệm cao hơn SV đã vận dụng được các kiến thức vào trong thực hành một cách hiệu quả. Tuy vẫn còn một số SV chưa hình thành ở những đòi hỏi kĩ năng cao hơn nhưng cũng cho thấy mặt tích cực của việc vận dụng các biện pháp tăng cường sự trải nghiệm thực tiễn vào trong giảng dạy có kết quả khả quan.

Để khảo sát nguyên nhân có thể ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung kiến thức người nghiên cứu sử dụng câu 4 (Phụ lục 4, tr.101) và câu 7 (Phụ lục 3, tr.99) để khảo sát nội dung thực nghiệm có phù hợp với nhận thức của SV, kết quả thu được thể hiện qua biểu đồ 2.3 như sau:

Biểu đồ 2.3. Nội dung kiến thức về TKBB đối với SV

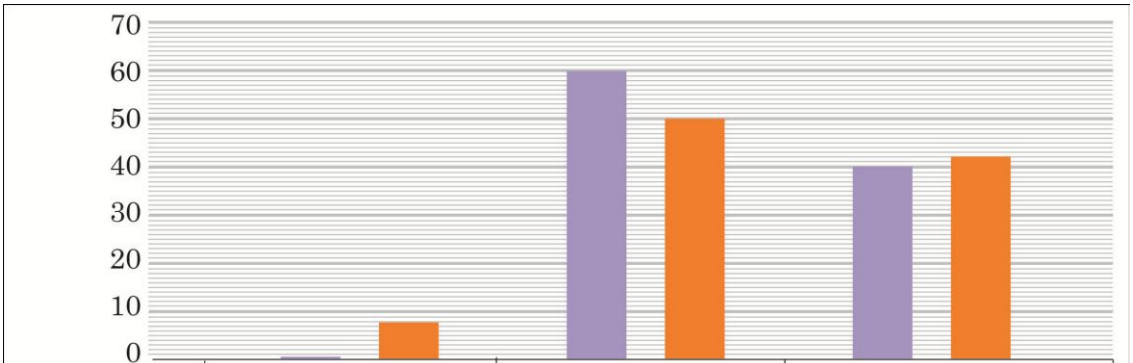

	Không phù hợp	Phù hợp	Rất phù hợp
GV	0.0%	60%	40%
SV	0.8%	50%	42%

Qua khảo sát GV và SV, người nghiên cứu thu được kết quả khả quan khi đa số GV và SV đều cho là phù hợp và rất phù hợp. Đây cũng là cơ sở để đánh giá kết quả bài tập thực hành để từ đó điều chỉnh nội dung kiến thức đảm bảo vừa sức chung và điều chỉnh tiêu chí đánh giá phù hợp.

c. Đánh giá về tầm quan trọng và hiệu quả sử dụng các biện pháp

Thông qua câu hỏi 5 và 6 phiếu khảo sát (Phụ lục 3, tr.98 - Phụ lục 4, tr.101) về ý kiến đánh giá của GV và SV về tầm quan trọng của việc cần sử dụng các biện pháp tăng cường sự trải nghiệm thực tiễn được thể hiện qua bảng 2.4 và biểu đồ 2.4 như sau:

Bảng 2.4. Tầm quan trọng của việc trải nghiệm thực tiễn trong dạy học TKBB

TT	**Tầm quan trọng của việc trải nghiệm thực tiễn trong dạy học TKBB**	**Ý kiến của GV**		**Ý kiến của SV**	
		SL	**Tỉ lệ (%)**	**SL**	**Tỉ lệ (%)**
1	Bình thường	0	0.0	3	12
2	Quan trọng	3	60.0	11	46
3	Rất quan trọng	2	40	10	42

Biểu đồ 2.4. Tầm quan trọng của việc trải nghiệm thực tiễn trong dạy học TKBB

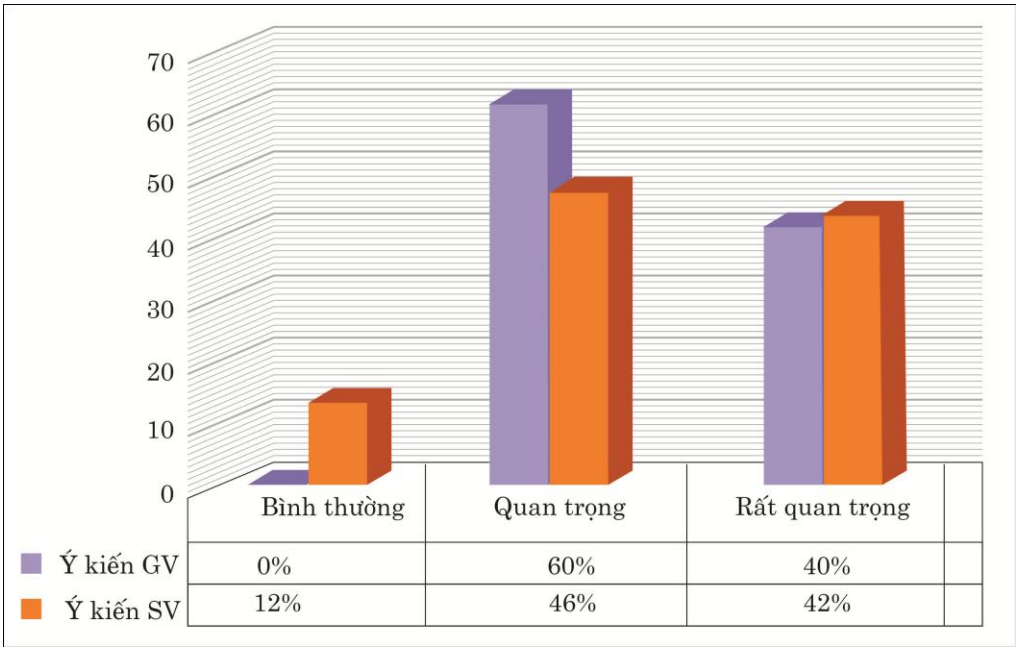

Nhìn vào biểu đồ cho ta biết số lượng GV và SV được hỏi rất coi trọng việc dạy học TKBB cần được tăng cường sự trải nghiệm thực tiễn, qua thực tiễn giúp học sinh nắm vững kiến thức, tích lũy kinh nghiệm từ thực tế để vận dụng vào làm bài tập thực hành cũng như tích lũy kinh nghiệm cho hành trang sau khi ra trường.

Để có cái nhìn rõ hơn người nghiên cứu sử dụng câu hỏi 7 (Phụ lục 4 tr.101) để khảo sát ý kiến GV về các biện pháp dạy học TKBB, sau khi khảo sát người nghiên cứu thu được kết quả thể hiện ở bảng 2.5 như sau:

Bảng 2.5. Biện pháp dạy học TKBB tốt hơn

TT	**Nội dung**	**Ý kiến của GV**	
		SL	**Tỉ lệ (%)**
1	Biện pháp truyền thống	1	20
2	Sử dụng biện pháp phát triển nội dung dạy học TKBB theo hướng phù hợp với điều kiện thực tiễn.	4	80.0

3	Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng tăng cường sự trải nghiệm thực tiễn của SV.	4	80
4	Tăng cường điều kiện cho các hoạt động dạy học TKBB	4	80

Qua biểu đồ 2.5 thấy rằng tỷ lệ chọn các biện pháp có tính tăng cường trải nghiệm thực tiễn được chọn cao hơn so với biện pháp cũ, qua đó thấy rằng việc sử dụng các biện pháp dạy học TKBB về nội dung, hình thức tổ chức cũng như điều kiện dạy học là rất cần thiết có sự trải nghiệm thực tiễn đối với SV ngành SPMT.

d. Ý kiến SV về khó khăn của SV khi học môn TKBB

Người nghiên cứu tìm hiểu những khó khăn của SV trong quá trình học môn TKBB, đây có thể là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến việc đạt mục tiêu dạy học của GV trong môn TKBB. Kết quả khảo sát qua câu hỏi 3 (Phụ lục 3, tr.98) kết quả được thể hiện ở bảng 2.6 và biểu đồ 2.5 như sau:

Bảng 2.6. Những khó khăn khi học TKBB của SV

TT	**Nội dung**	**Ý kiến của SV lớp thực nghiệm**		**Ý kiến của SV lớp đối chứng**	
		SL	**Tỉ lệ (%)**	**SL**	**Tỉ lệ (%)**
1	Không ứng dụng được kiến thức đã học.	0	0.0	1	0.8
2	Khó hiểu, khó thực hiện.	0	0.0	1	0.8
3	Kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế.	5	42	6	50
4	Phương tiện phục vụ thực hành hạn chế.	7	58	4	34

Biểu đồ 2.5. Những khó khăn khi học TKBB của SV

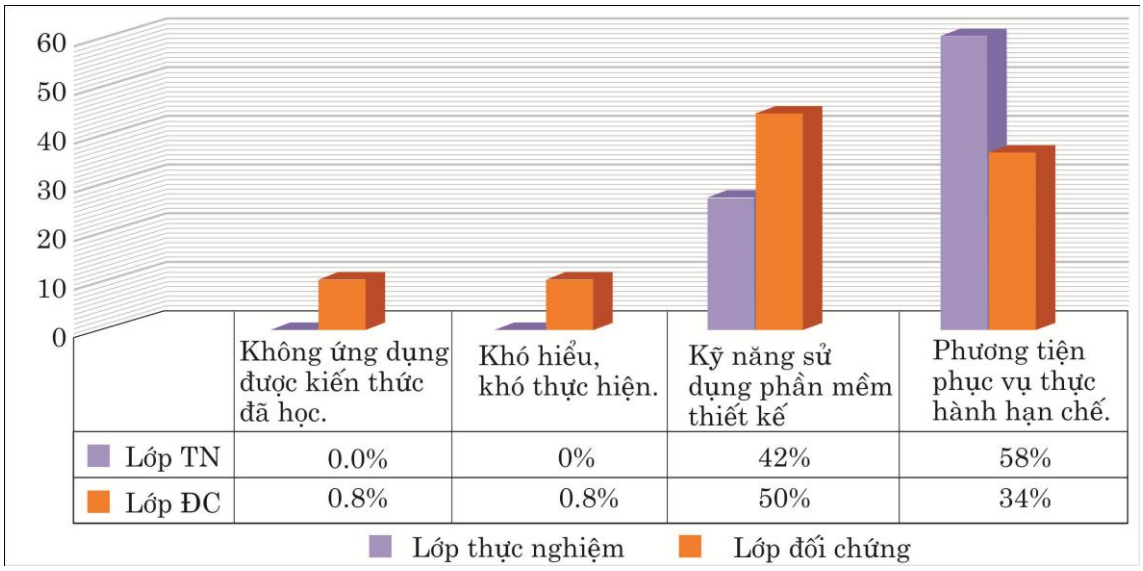

Kết quả cho thấy, SV cả hai lớp gặp khó khăn trong việc thực hành với phương tiện thực hành hạn chế và kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế vẫn còn là cản trở khi thực hành, khi được hỏi đa số cho rằng gặp khó khăn trong việc in ấn làm bài thực hành và nhiều khi tưởng tượng ra nhưng thiếu kỹ năng sử dụng phần mềm để thể hiện đúng ý tưởng.

Người nghiên cứu sử dụng câu 4 (Phụ lục 3, tr.98) dành cho cả hai nhóm SV để tìm hiểu nhận định về nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc học TKBB và kết quả thu được thể hiện trong biểu đồ 2.6 sau:

Biểu đồ 2.6. Nguyên nhân khó khăn trong học TKBB của SV

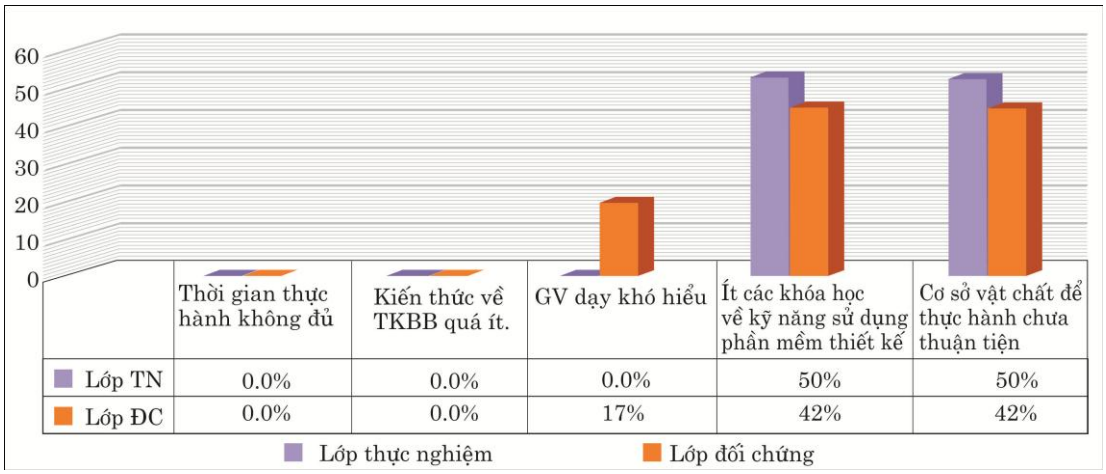

Kết quả cho thấy cả hai nhóm SV (>40%) đều cho rằng cơ sở vật chất để thực hành chưa thuận tiện và kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế vẫn là một rào cản đối với SV cả hai nhóm trong quá trình thực hành bài tập. Việc thiếu các máy móc như máy in, scan, máy chiếu cũng như các khóa học về kỹ năng sử dụng phần mềm là nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu dạy học.

Để tìm hiểu ý kiến mong muốn của SV đối với GV, tổ bộ môn có những điều chỉnh hợp lý hơn với trong việc dạy TKBB cho SV các khóa sau, người nghiên cứu sử dụng câu hỏi 8 (Phụ lục 3, tr.99) là câu hỏi mở để khảo sát ý kiến của SV cả 2 lớp. Người nghiên cứu thấy rằng đa phần các ý kiến của các em đều mong muốn được tăng cường sự trải nghiệm tại các cơ sở thực tế để học hỏi kinh nghiệm; một số mong muốn GV đề xuất với nhà trường trang bị thêm máy in, mở thêm các khóa học về phần mềm thiết kế đồ họa để việc học tập hiệu quả hơn; một số SV mong muốn GV chia sẻ nhiều kinh nghiệm thực tế...

Thông qua những ý kiến đề xuất của SV người nghiên cứu thấy rằng các mong muốn của các em là hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh hiện nay khi thành phố Thái Nguyên có rất nhiều các công ty thiết kế và sản xuất bao bì, nhưng lại ít các trường đào tạo về mỹ thuật ứng dụng dẫn đến việc ít cơ sở kinh doanh về in ấn phục vụ cho nhu cầu học tập của SV SPMT vẫn còn gặp khó khăn.

e. Ý kiến SV đánh giá về hiệu quả sử dụng biện pháp dạy học TKBB

Người nghiên cứu tiếp tục sử dụng câu hỏi 6 (Phụ lục 3, tr.98) để kiểm tra thông qua khảo sát ý kiến của SV, kết quả thu được như thể hiện qua biểu đồ 2.7 sau đây:

Biểu đồ 2.7. Nội dung kiến thức và các biện pháp dạy học

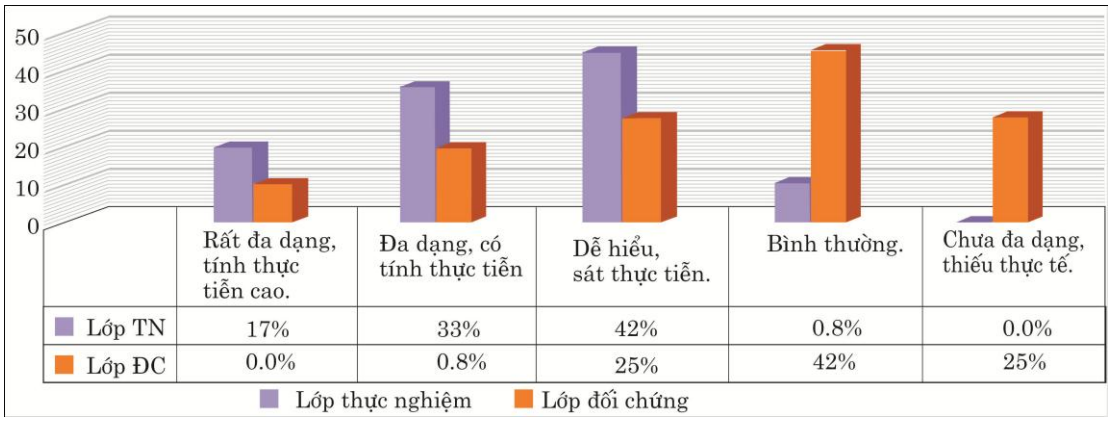

Qua biểu đồ cho thấy nội dung kiến thức và biện pháp dạy học của hai nhóm có ảnh hưởng đến việc cần có sự trải nghiệm thực tiễn trong dạy học TKBB, ở lớp thực nghiệm SV đánh giá cao tính đa dạng và thực tiễn, lớp đối chứng do sử dụng biện pháp truyền thống dẫn đến SV đánh giá nội dung ở mức bình thường chiếm tỉ lệ lớn, để làm rõ hơn người nghiên cứu xin kiến của GV dự giờ trên cùng nội dung để làm sáng tỏ nhận định trên, kết quả được thể nhiện trên biểu đồ 2.8 như sau:

Biểu đồ 2.8. Đánh giá của GV về nội dung kiến thức và các biện pháp dạy học

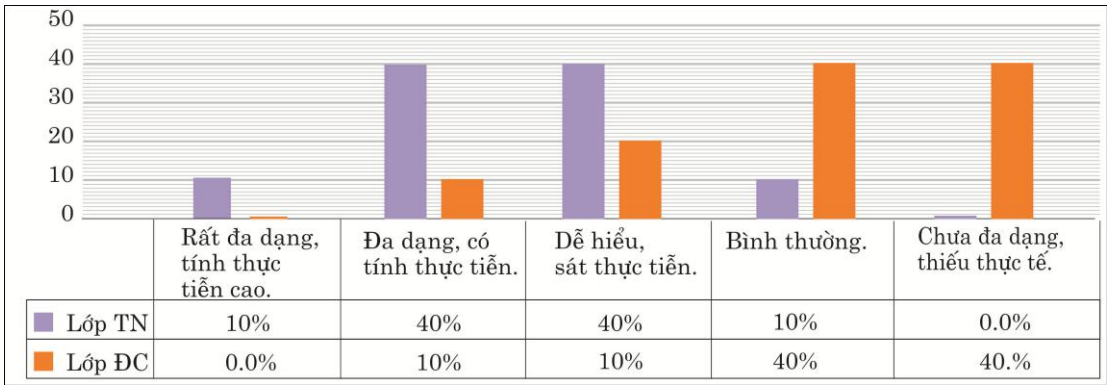

Qua hai biểu đồ trên ta thấy cả GV, SV đều đánh giá biện hiệu quả sử dụng các biện pháp mới cao hơn, nội dung sát với thực tiễn và SV dễ hiểu dễ tiếp thu bài hơn so với việc sử dung phương pháp truyền thống. Điều đó cho thấy hiệu quả của việc sử dụng các biện pháp đã đề xuất vào

trong dạy học TKBB có chuyển biến tích cực.

* Kết quả định lượng:

Thông qua tập bài thực hành, người nghiên cứu cùng tổ bộ môn đánh giá kết quả học tập của SV bằng điểm số nhằm làm sáng tỏ sự khác nhau về chất lượng giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm.

Dựa vào bảng điểm đã chấm (Phụ lục 6, tr.104) người nghiên cứu thu được kết quả như sau:

Tỷ lệ xếp hạng của lớp đối chứng và thực nghiệm được thể hiện ở bảng 2.7 và biểu đồ 2.9 như sau:

Bảng 2.7. Kết quả của SV hai lớp thực nghiệm và đối chứng

Xếp hạng	**Lớp thực nghiệm**		**Lớp đối chứng**	
KQ học tập	Số lượng SV	Tỷ lệ %	Số lượng SV	Tỷ lệ %
Giỏi	05	42	02	17
Khá	07	58	8	66
Trung bình	0	0	2	17

Biểu đồ 2.9. Kết quả điểm số của hai lớp sau khi thực nghiệm

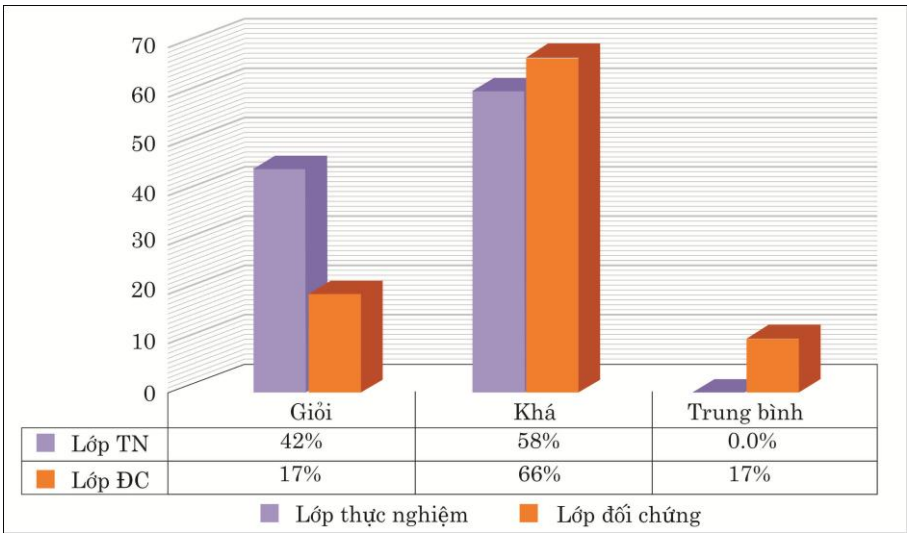

Nhìn vào biểu đồ 2.9 ta thấy kết quả điểm số giỏi của lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng 25%, điểm trung bình của lớp đối chứng chiếm 17% trong khi lớp thực nghiệm không có bài nào bị điểm trung bình. Qua bảng xếp hạng thấy rằng ở lớp thực nghiệm vận dụng các biện pháp tăng cường sự trải nghiệm thực tiễn đã giúp các em nắm vững và hiểu bài tốt hơn, SV có thái độ học tập tích cực dẫn tới kết quả cao hơn lớp đối chứng, ở lớp thực nghiệm các em đã hình thành kỹ năng rõ rệt hơn thông qua bài tập thực hành, đa số các bài đều đạt được các tiêu chí đề ra, trình bày tốt hơn lớp đối chứng.

2.7.1.2. Kết quả đạt những tiêu chí đánh giá về kĩ năng TKBB của SV sau thực nghiệm.

Sau khi SV thực hiện xong bài kiểm tra, người nghiên cứu tiến hành so sánh tỷ lệ SV đạt được những tiêu chí đánh giá về TDKT giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm, kết quả được thể hiện trong biểu đồ 2.10 bên dưới:

Biểu đồ 2.10. Tỷ lệ đạt các tiêu chí về kỹ năng TKBB của SV hai lớp thực nghiệm và đối chứng

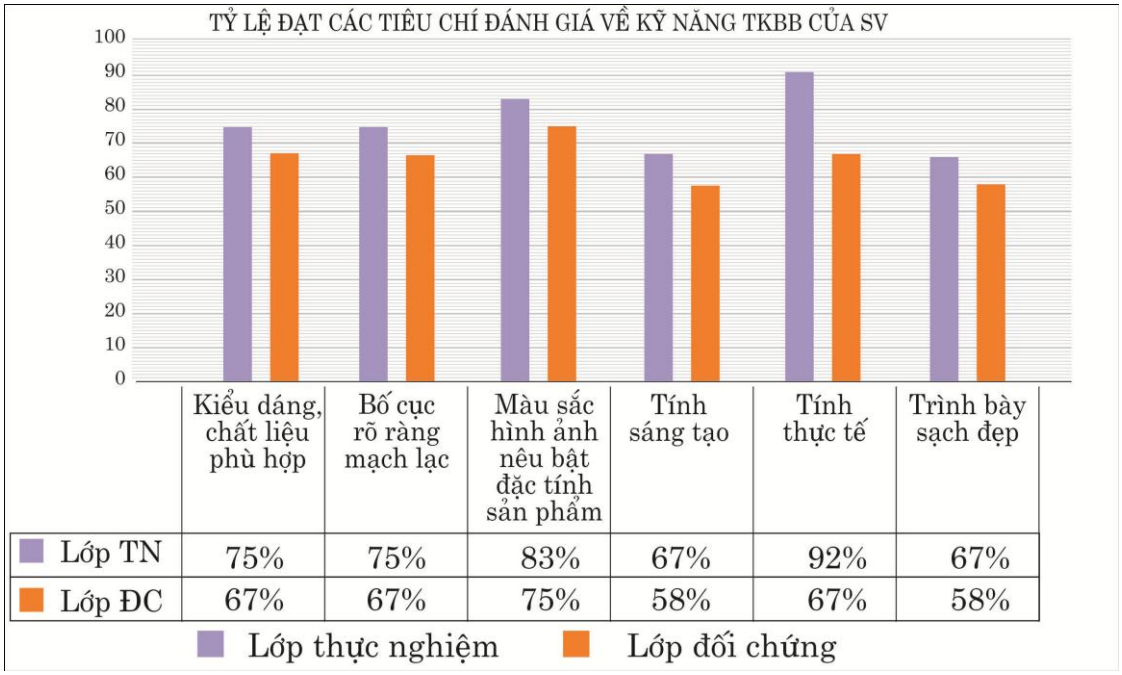

Kết quả cho thấy tỷ lệ SV đạt được các tiêu chí về TKBB của lớp Thực nghiệm đạt từ 67% -92% cao hơn lớp đối chứng đạt từ 58% - 75%. Từ đó cho thấy việc vận dụng các biện pháp đã đề xuất đã giúp SV cải thiện được khả năng vận dụng kiến thức đã được học trong việc giải quyết các nhiệm vụ trong việc thực hành bài tập, đây cũng chính là kỹ năng TKBB.

Từ những phân tích đánh giá trên cho thấy: Khi áp dụng các biện pháp mới vào giảng dạy trong môn TKBB của môn Thông tin quảng cáo đã đem lại kết quả cao hơn so với các biện pháp truyền thống đã sử dụng với các SV khóa trước.

Tiểu kết chương 2

Từ kết quả khảo sát thực trạng ở chương 1 cho thấy các biện pháp tăng cường trải nghiệm thực tiễn cả ở nội dung, phương pháp và điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động dạy học là biện pháp phù hợp với thực tế hiện nay tại trường ĐHSP - ĐHTN. Nội dung các biện pháp phát triển, đổi mới, tăng cường theo hướng tăng cường trải nghiệm thực tế cho các hoạt động dạy học TKBB giúp người học có cơ hội tương tác nhiều với thực tiễn tạo được hứng thú học tập, kích thích khả năng tư duy sáng tạo cho người học, khai thác và sử dụng triệt để phương tiện, cơ sở vật chất, làm phong phú đồ dùng dạy học, từ thực tế để dạy lý thuyết và liên hệ với các công ty chuyên về thiết kế và sản xuất bao bì trên địa bàn cho SV tham quan trải nghiệm tại doanh nghiệp, vận dụng linh hoạt các biện pháp đề xuất từ lý thuyết đến thực hành giúp người học vừa củng cố kiến thức vừa vận dụng kiến thức vào thực hành một cách hiệu quả.

-Thực nghiệm sư phạm, đánh giá hiệu quả các biện pháp đề xuất: Người nghiên cứu tiến hành thực nghiệm sư phạm với 2 lớp thực nghiệm và đối chứng là SV K48 ngành SPMT với cùng một nội dung kiến thức. Để

đánh giá hiệu quả của giải pháp, người nghiên cứu thu thập 2 nhóm kết quả thực nghiệm: Kết quả thực nghiệm định tính và định lượng.

Kết quả thực nghiệm định tính: Thông qua phiếu khảo sát người nghiên cứu thu thập ý kiến của GV tham gia dự giờ và ý kiến của SV hai lớp thực nghiệm và đối chứng, kết quả cho thấy việc áp dụng các biện pháp đã đề xuất đã kích thích được sự hứng thú học tập cho SV, gúp SV đạt được mục tiêu học tập ở mức độ độ thành thạo, GV và SV cũng đánh giá các biện pháp mới có tính thực tế cao, dễ hiểu. GV dự giờ đánh giá nội dung kiến thức và biện pháp dạy học TKBB có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo và trình độ nhận thức của SV, mang tính thực tiễn nghề nghiệp, linh hoạt dễ sử dụng, đặc biệt hình thành được kĩ năng thiết kế cho SV. Tuy nhiên do đặc điểm vùng miền và sự không đồng đều về nhận thức nên vẫn có SV chưa biết cách vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống nhưng tỷ lệ không cao. Điều này cho thấy chất lượng dạy học môn TKBBB đã được cải thiện.

Kết quả thực nghiệm định lượng: Kết quả học tập thông qua bài thực hành giữa hai lớp thực nghiệm và đối chứng cho thấy, SV đạt mức khá, giỏi ở lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng, tỷ lệ đạt về các tiêu chí đánh giá của lớp thực nghiệm cũng cao hơn lớp đối chứng

Từ các kết quả trên cho thấy việc sử dụng các biện pháp đã đề xuất đã tác động tích cực tới SV, giúp SV hình thành được kĩ năng thiết kế, nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế hiệu quả.

KẾT LUẬN

Luận văn này đã đề cập và giải quyết những nội dung được nêu ra trong đó có những vấn đề lý luận về bao bì, về vai trò, chức năng, các yếu tố đặc trưng của bao bì, nguyên tắc, quy tình thiết kế, sản xuất bao bì để thấy được tầm quan trọng và độ phủ rộng về kiến thức đồ họa, trong đó có chế bản in ấn và sản xuất thực tế của việc dạy học TKBB nói riêng cũng như TKĐH nói chung, nghiên cứu thực trạng đào tạo về TKBB của trường ĐHSP – ĐHTN để đánh giá những ưu điểm và hạn chế, qua đó đề xuất các biện pháp dạy học phù hợp thực tế, đáp ứng được mục tiêu về kiến thức, kỹ năng nghề giúp SV hình thành năng lực dịch chuyển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay.

Quá trình nghiên cứu đề tài, qua khảo sát thực trạng người nghiên cứu đã chỉ ra những hạn chế nhất định trong việc dạy học TKBB và những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả dạy học, người nghiên cứu đã chứng minh được sự cần thiết phải phát triển nội dung dạy học TKBB theo hướng phù hợp điều kiện thực tiễn. Việc phát triển nội dung dạy học TKBB phù hợp tăng cường trải nghiệm thực tế sẽ giúp người học hoàn thành tốt những nhiệm vụ học tập, tăng kĩ năng, năng lực làm việc trong thực tiễn nghề nghiệp sau này, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn TKBB, giúp SV chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức lý thuyết sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, học đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo TKĐH.

Thông qua thực nghiệm sư phạm người nghiên cứu triển khai các biện pháp đã đề xuất một cách linh hoạt giữa lý thuyết và thực hành, qua phiếu khảo sát và kết quả bài tập thực hành, người nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng các biện pháp đề xuất, kết quả cho thấy SV rất hứng thú

học tập, tích cực tự giác lĩnh hội tri thức, hình thành kĩ năng thiết kế, năng lực tư duy, có kiến thức thực tế nhất định, chất lượng dạy và học TKBB được cải thiện. Bên cạnh những kết quả đạt được người nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố như cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, tài liệu phục vụ học tập và kĩ năng sử dụng công cụ phần mềm thiết kế hạn chế cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng bài học TKBB.

Đổi mới phương pháp, nội dung chương trình đào tạo phù hợp thực tiễn. Song song việc dạy kiến thức và đào tạo kĩ năng thực hành sử dụng công cụ thiết kế, kỹ năng mềm, năng lực tư duy, và đặc biệt là cần giúp SV có trải nghiệm thực tế, thông qua thực tế để đánh giá giúp SV biết được khả năng và hạn chế của mình để điều chỉnh. Phát triển nội dung, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng tăng tường trải nghiệm thực tiễn của SV và tăng cường điều kiện cho các hoạt động dạy học TKBB cho SV SPMT là rất cần thiết, đặc biệt đối với lĩnh vực liên quan tới mỹ thuật và công nghệ như bộ môn Thông tin quảng cáo. Nhà trường thay vì là nơi chỉ học để lấy bằng, sẽ là nơi trải nghiệm và định hướng cho quá trình làm việc của SV sau này.

Đề tài nghiên cứu này ở phần lý luận người nghiên cứu khai thác sâu hơn về quy trình và công nghệ sản xuất bao bì nhằm cung cấp thêm những kiến thức, kinh nghiệm thực tế về thiết kế, chế bản in ấn offset với mong muốn làm tài liệu tham khảo, ứng dụng cho SV khối ngành mỹ thuật, SPMT và những người theo đuổi nghề TKĐH, chế bản, in ấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và đào tạo/ Dự án Việt – Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
2. Chính Phủ (2006), *Nghị định về nhãn hàng hóa,* số 89/2006/NĐ-CP
3. Nguyễn Văn Cường (2014), *Lí luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Lại Giang, Trần Thanh Hà (2013), *Giáo trình Thiết kế và Sản xuất bao bì*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
5. Trần Hay, Nguyễn Gia Bình (1998), *Bài giảng môn học thiết kế chuyên ngành,* Khoa Đồ họa trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Hợp (2008), *Bao bì - Hồn của sản phẩm*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
7. Nguyễn Hồng Hưng (2009), *Nguyên lý Design thị giác*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.
8. Lưu Xuân Mới (2000), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Ngô Mạnh Lân (2012), *Đồ họa,* Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
10. Nguyễn Phương Linh (2009), *Hiệu quả thị giác của đường nét trong thiết kế Đồ họa*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
11. Nguyễn Phương Linh (2010), *Mối quan hệ của hình và màu trong thiết kế bao bì sản phẩm Đồ họa*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
12. Ngô Thanh Phượng (2006), *Thiết kế quảng cáo*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Quân (2006), *Ngôn ngữ của Hình và màu sắc*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

14. Vũ Quỳnh (2009), *Quảng cáo và các hình thức quảng cáo hiệu quả nhất,* Nxb Lao Động - Xã hội, Hà Nội.
15. Nguyễn Quốc Toản (2007), *Phương pháp dạy học mỹ thuật,* Nxb ĐHSP, Hà Nội.
16. Nguyễn Thu Tuấn (2011), *Phương pháp dạy học mỹ thuật,* Nxb ĐHSP, Hà Nội.
17. Phạm Công Thành (1982), *Luật xa gần*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
18. Tạ Phương Thảo (2004), *Giáo trình trang trí*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
19. Lê Thân (2008), *Cơ sở tạo hình mặt phẳng/ khối*, Giáo trình Đại học Mỹ thuật Công Nghiệp, Hà Nội.
20. Khúc Văn Thông (2008), *Nguyên lý thị giác,* Giáo trình Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Hà Nội.
21. Phan Cẩm Thượng, Lê Quốc Việt, Cung Khắc Lược (1999), *Đồ họa cổ Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
22. Lê Huy Văn (2003) *Cơ sở và phương pháp lý luận Design,* Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
23. Lê Huy Văn, Trần Từ Thành (2010), *Cơ sở tạo hình*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
24. Trần Thị Vân (2014), *Nghiên cứu biên soạn Tài liệu giảng dạy môn Phương pháp Dạy học Mỹ thuật hệ ĐHSP Mỹ thuật – Trường ĐHSP NTTW*, Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp trường, Trường Đại học SPNTTW, Hà Nội.
25. Alan Swann (2003), *Ý tưởng - Bố cục & Thể hiện (Design & Layout),*Volume 2, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
26. C.A. Padgham - J.E. Saunders (1982), *Sự thụ cảm ánh sáng và màu sắc*, Người dịch: Nguyễn Đạt, Nxb Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.

27. Lu.A.Suliagin – V.V.Petrov (2004), *Nghề quảng cáo*, Người dịch: Tâm Hằng, Nxb Thông tấn, Hà Nội
28. Marianne Rosner Klimchuk và Sandra A. Krasovec (2010), *Thiết kế bao bì – Từ ý tưởng đến sản phẩm,* Nxb Bách Khoa Hà Nội.
29. Roger c. Parker's (2003), *Thiết kế - Tạo mẫu & Dàn trang (Design & Layout),*Volume 1, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
30. Joe Grimalde Et Al (2005), *Nghệ thuật quảng cáo - Bí mật của sự thành công*, Biên soạn: Kiều Anh Tuấn, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

1. Noha Abdallah and Randa Darwish (2010), *Packaging design course teaching improvement: a case study in the faculty of applied arts,* Helwan University, Egypt
2. Steven Dupuis, John Siva (2008), *Package Design Workbook,* 5th edn, AGPS: Canberra
3. Robin Landa (2011), *Graphic Design Solution*, 2nd ed, An imprint of All worth Communication, Inc: New York.

Tài liệu điện tử

1. Mạnh Cường, "Sự thật về các con đường học đồ họa theo cách nhìn của chị Vũ Thu Hương", *https://toihocdohoa.com/blog/hoc-do-hoa-theo-cach-nhin-cua-chi-vu-thu-huong/,* truy cập ngày 25 tháng 4 năm 2016.
2. "Nghệ thuật đồ họa và những ứng dụng thiết kế" (2013), *https://news.zing.vn/nghe-thuat-do-hoa-va-nhung-ung-dung-thiet-ke-post375990.html*, truy cập ngày 25 tháng 4 năm 2016.
3. "Thiết kế", *https://vi.wikipedia.org/wiki/Thiết_kế,* truy cập ngày 22 tháng 5 năm 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN VĂN TÌNH

DẠY HỌC THIẾT KẾ BAO BÌ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho CBQL, GV) 89
PHỤ LỤC 2: PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho sinh viên) 93
PHỤ LỤC 3: PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN SAU KHI THỰC NGHIỆM (dành cho SV) 97
PHỤ LỤC 4: PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN (Dành cho GV dự giờ) 100
PHỤ LỤC 5: ĐIỂM BÀI KIỂM TRA MÔN TRANG TRÍ 103
PHỤ LỤC 6: BẢNG CHIA NHÓM THỰC NGHIỆM DẠY HỌC BÀI TKBB 104
PHỤ LỤC 7: ĐIỂM KIỂM TRA BÀI THIẾT KẾ BAO BÌ 105
PHỤ LỤC 8: ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG THIẾT KẾ BAO BÌ 106
PHỤ LỤC 9: MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH HỌA 125

PHỤ LỤC 1: PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho CBQL, GV)

Để giúp chúng tôi có những định hướng cụ thể trong dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường đại học sư phạm, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề sau:

Phần 1. Thông tin về người được phỏng vấn

1.1. Họ tên:.....

1.2. Chức vụ/Giảng viên môn:…….

1.3. Đơn vị công tác:.....

Phần 2: Nội dung phỏng vấn

Câu 1. Đồng chí hiểu như thế nào về mục tiêu dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên?

STT	Mục tiêu	Ý kiến đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Giúp SV củng cố và phát triển các năng lực nền tảng của người giáo viên giảng dạy môn mỹ thuật trong trường phổ thông, trường chuyên nghiệp.			
2	Giúp SV hình thành, phát triển nhận thức về khoa học bao bì, vai trò, chức năng, khái niệm, các yếu tố đặc trưng của bao bì, kĩ thuật và chất liệu bao bì qua ngôn ngữ tạo hình; vai trò của TKBB trong hoạt động mỹ thuật ứng dụng trên cơ sở đó, hình thành, phát triển kĩ năng thiết kế được một số loại			

	hình BBSP ứng dụng được trong thực tiễn.			
3	Giúp SV sư phạm hình thành và phát triển năng lực hoạt động mỹ thuật ứng dụng nói chung, tạo điều kiện cho sự dịch chuyển môi trường lao động và công việc gắn với yêu cầu xã hội sau này.			

Câu 2. Đ/c hãy đánh giá về sự cần thiết của việc đưa nội dung dạy học thiết kế bao bì vào chương trình giảng dạy cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường sư phạm trong bối cảnh hiện nay

STT	**Nội dung**	**Ý kiến đánh giá**		
		Rất cần thiết	**Cần thiết**	**Không cần thiết**
1	Kiến thức cơ bản về bao bì (khái niệm, chức năng, vai trò của bao bì, phân loại bao bì, hình thức đặc trưng của mỹ thuật bao bì)			
2	Kiến thức về thiết kế bao bì (yếu tố cơ bản trong thiết kế, nguyên tắc, quy trình thiết kế, sản xuất bao bì)			
3	Kĩ năng thiết kế một số loại bao bì phổ biến			

Câu 3. Đ/c hãy cho biết ở trường của đồng chí đã quan tâm đến xác định và thực hiện mục tiêu dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật như thế nào?

Về xác định mục tiêu dạy học:.....
.....
.....

Về thực hiện mục tiêu dạy học:.....
.....
.....

Câu 4. Đồng chí hãy đánh giá về mức độ và hiệu quả thực hiện nội dung dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ở trường đồng chí công tác.

STT	Nội dung	Mức độ thực hiện				Hiệu quả thực hiện		
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ	RHQ	HQ	KHQ
1	Kiến thức về bao bì							
2	Kiến thức về TKBB							
3	Kĩ năng TKBB							

Câu 5. Trường đồng chí đã sử dụng phương pháp nào để dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên?

STT	Phương pháp	Mức độ sử dụng				Hiệu quả sử dụng		
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Đôi khi	Chưa sử dụng	T	K	TK
1	Phương pháp thuyết trình							
2	Phương pháp vấn đáp							
3	Phương pháp dạy học trực quan							

4	Phương pháp quan sát							
5	Phương pháp thảo luận							
6	Phương pháp tham quan							
7	Phương pháp dạy học thực hành							
8	Phương pháp kiểm tra, đánh giá							

Câu 6. Đồng chí hãy đánh giá về thực trạng sử dụng phương tiện trong dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường của đồng chí hiện nay.

.....

.....

Câu 7. Đồng chí có đề xuất gì với bộ môn và nhà trường để nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật hiện nay?

Với nhà trường:…….....……..

Với bộ môn:…….....……

Với giảng viên:…….....……

Với sinh viên:…….....……

Trân trọng cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho sinh viên)

Để giúp chúng tôi có những định hướng cụ thể trong dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường đại học sư phạm, đề nghị bạn vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề sau:

Phần 1. Thông tin về người được phỏng vấn

1.1. Họ tên:.....

1.2. Sinh viên khóa:…….....…….

1.3. Chuyên ngành đào tạo:.....

Phần 2: Nội dung phỏng vấn

Câu 1 Bạn hiểu như thế nào về mục tiêu dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên?

STT	Mục tiêu	Ý kiến đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Giúp SV củng cố và phát triển các năng lực nền tảng của người giáo viên giảng dạy môn mỹ thuật trong trường phổ thông, trường chuyên nghiệp.			
2	Giúp SV hình thành, phát triển nhận thức về khoa học bao bì, vai trò, chức năng, khái niệm và các yếu tố, đặc trưng của bao bì hàng hóa, kĩ thuật và chất liệu bao bì qua ngôn ngữ tạo hình; vai trò của thiết kế bao bì trong hoạt động mỹ thuật ứng dụng trên cơ sở đó, hình thành, phát triển kĩ năng			

	thiết kế được một số loại hình bao bì sản phẩm ứng dụng được trong thực tiễn.			
3	Giúp SV sư phạm hình thành và phát triển năng lực hoạt động mỹ thuật ứng dụng nói chung, tạo điều kiện cho sự dịch chuyển môi trường lao động và công việc gắn với yêu cầu xã hội sau này.			

Câu 2. Bạn hãy đánh giá về sự cần thiết của việc đưa nội dung dạy học thiết kế bao bì vào chương trình giảng dạy cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường sư phạm trong bối cảnh hiện nay

STT	**Nội dung**	**Ý kiến đánh giá**		
		Rất cần thiết	**Cần thiết**	**Không cần thiết**
1	Kiến thức cơ bản về bao bì (khái niệm, chức năng, vai trò của bao bì, phân loại bao bì, hình thức đặc trưng của mỹ thuật bao bì)			
2	Kiến thức về TKBB (yếu tố cơ bản trong thiết kế, nguyên tắc, quy trình thiết kế, sản xuất bao bì)			
3	Kĩ năng thiết kế một số loại bao bì phổ biến			

Câu 3. Bạn hãy cho biết trường của bạn đã quan tâm đến xác định và thực hiện mục tiêu dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật như thế nào?

Về xác định mục tiêu dạy học:.....
.....
.....

Về thực hiện mục tiêu dạy học:.....
.....
.....

Câu 4. Bạn hãy đánh giá về mức độ và hiệu quả thực hiện nội dung dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường bạn đang theo học.

STT	Nội dung	Mức độ thực hiện				Hiệu quả thực hiện		
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ	RHQ	HQ	KHQ
1	Kiến thức về bao bì							
2	Kiến thức về TKBB							
3	Kĩ năng TKBB							

Câu 5. Trường bạn, giảng viên đã sử dụng phương pháp nào để dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên?

STT	Phương pháp	Mức độ sử dụng				Hiệu quả sử dụng		
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Đôi khi	Chưa sử dụng	T	K	TK
1	Phương pháp thuyết trình							

2	Phương pháp vấn đáp							
3	Phương pháp dạy học trực quan							
4	Phương pháp quan sát							
5	Phương pháp thảo luận							
6	Phương pháp tham quan							
7	Phương pháp dạy học thực hành							
8	Phương pháp kiểm tra, đánh giá							

Câu 6. Bạn hãy đánh giá về thực trạng sử dụng phương tiện trong dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường bạn đang theo học hiện nay.

.....

.....

Câu 7. Bạn có đề xuất gì với bộ môn và nhà trường để nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật hiện nay?

Với nhà trường:……**.....**……..

Với bộ môn:……**.....**…

Với giảng viên:……**.....**……

Trân trọng cảm ơn bạn!

PHỤ LỤC 3

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN SAU KHI THỰC NGHIỆM

(Dành cho sinh viên)

Để giúp chúng tôi có những đánh giá hiệu quả của các biện pháp dạy học môn thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở Trường ĐHSP- ĐHTN, rất mong sự đóng góp của bạn.

Hãy chọn ý kiến mà bạn cho là phù hợp bằng cách đánh dấu X vào các ô trống.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN.

Họ và Tên: *(Có thể không ghi)*.....Giới tính: □ Nữ □ Nam

Sinh viên năm thứ:.....

II. CÂU HỎI KHẢO SÁT.

Câu 1. Bạn đánh giá sự hứng thú của mình trong các buổi học lý thuyết và thực hành môn TKBB như thế nào?

- ☐ Không hứng thú.
- ☐ Bình thường.
- ☐ Hứng thú.
- ☐ Rất hứng thú.

Câu 2. Bạn đánh giá mức độ hình thành những kỹ năng của mình sau khi kết thúc môn TKBB như thế nào? Đánh dấu X vào số thích hợp với 4 mức độ:

[1]. Chưa hình thành, [2]. Hình thành, [3].Thành thạo, [4]. Rất thành thạo.

STT	KIẾN THỨC - KỸ NĂNG CỦA SINH VIÊN	MỨC ĐỘ
1.	**Kiến thức lý thuyết cơ bản**	
1.1	Xác định được đặc điểm, các nguyên tắc và yếu tố trong TKBB.	① ② ③ ④

1.2	Thực hiện được các bước TKBB.	① ② ③ ④
2.	**Kỹ năng thực hành TKBB**	
2.1	Thiết lập cấu trúc bao bì, biết cách đặt ốc, lới xén.	① ② ③ ④
2.2	Tạo được mẫu bao bì hoàn chỉnh, sáng tạo, phù hợp với sản phẩm.	① ② ③ ④
2.3	Trình bày đẹp.	① ② ③ ④

Câu 3. Trong quá trình học và làm bài tập, bạn thường gặp những khó khăn như thế nào?

- ☐ Không ứng dụng được hết kiến thức đã học.
- ☐ Khó hiểu, khó thực hiện.
- ☐ Kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế.
- ☐ Phương tiện phục vụ thực hành hạn chế.

Câu 4. Theo bạn nguyên nhân nào dẫn đến những khó khăn trong quá trình học lý thuyết và làm bài tập?

- ☐ Thời gian thực hành không đủ.
- ☐ Kiến thức về TKBB quá ít.
- ☐ GV dạy khó hiểu.
- ☐ Ít các khóa học về kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế.
- ☐ Cơ sở vật chất để thực hành chưa thuận tiện.

Câu 5. Bạn đánh giá thế nào về tầm quan trọng của việc cần trải nghiệm thực tiễn trong dạy học TKBB?

☐ Bình thường ☐ Quan trọng ☐ Rất quan trọng

Câu 6. Bạn đánh giá nội dung kiến thức và các biện pháp dạy học TKBB như thế nào?

- ☐ Rất đa dạng, tính thực tiễn cao.
- ☐ Đa dạng, có tính thực tiễn.
- ☐ Dễ hiểu, sát thực tiễn.

- ☐ Bình thường.
- ☐ Chưa đa dạng, thiếu thực tế.

Câu 7. Theo bạn nội dung kiến thức về TKBB có phù hợp với bạn?

☐ Không phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Rất phù hợp

Câu 8. Bạn có đề xuất gì với giảng viên, tổ bộ môn?

.....
.....
.....
.....

Trân trọng cảm ơn những đóng góp của bạn!

PHỤ LỤC 4
PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

(Dành cho GV dự giờ)

Để giúp chúng tôi có những đánh giá tính khả thi trong dạy học thiết kế bao bì cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật ở trường đại học sư phạm, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề sau:

I. Thông tin về người được phỏng vấn

1.4. Họ tên:.....

1.5. Chức vụ/Giảng viên môn:…….

1.6. Đơn vị công tác:.....

II: Nội dung phỏng vấn

Câu 1. Đồng chí thấy thái độ của SV trong bài học về TKBB như thế nào?

- ☐ Không hứng thú.
- ☐ Bình thường.
- ☐ Hứng thú.
- ☐ Rất hứng thú.

Câu 2. Theo đồng chí những nguyên nhân nào có thể tác động đến thái độ học tập của sinh viên?

- ☐ Phương pháp giảng dạy của GV.
- ☐ Phương tiện giảng dạy.
- ☐ Cách tổ chức lớp học.
- ☐ Điều kiện thực hành.

Câu 3. Đồng chí đánh giá mức độ hình thành những kỹ năng của mình sau khi kết thúc môn TKBB như thế nào?

Đánh dấu X vào số thích hợp với 4 mức độ:

[1]. Chưa hình thành, [2]. Hình thành, [3].Thành thạo, [4]. Rất thành thạo.

STT	KIẾN THỨC - KỸ NĂNG CỦA SINH VIÊN	MỨC ĐỘ
1.	**Kiến thức lý thuyết cơ bản**	
1.1	Xác định được đặc điểm, các nguyên tắc và yếu tố trong TKBB.	① ② ③ ④
1.2	Thực hiện được các bước TKBB.	① ② ③ ④
2.	**Kỹ năng thực hành TKBB**	
2.1	Thiết lập cấu trúc bao bì, biết cách đặt ốc, lới xén.	① ② ③ ④
2.2	Tạo được mẫu bao bì hoàn chỉnh, sáng tạo, phù hợp với sản phẩm.	① ② ③ ④
2.3	Trình bày đẹp.	① ② ③ ④

Câu 4. Theo đồng chí nội dung kiến thức về TKBB có phù hợp với trình độ nhận thức của SV?

□ Không phù hợp □ Phù hợp □ Rất phù hợp

Câu 5. Đồng chí đánh giá thế nào về tầm quan trọng của việc cần trải nghiệm thực tiễn trong dạy học TKBB?

□ Bình thường □ Quan trọng □ Rất quan trọng

Câu 6. Đồng chí đánh giá nội dung kiến thức và các biện pháp dạy học TKBB như thế nào.

- ☐ Rất đa dạng, tính thực tiễn cao.
- ☐ Đa dạng, có tính thực tiễn.
- ☐ Bình thường.
- ☐ Chưa đa dạng, thiếu thực tế.

Câu 7. Theo đồng chí, những biện pháp để dạy học TKBB học tốt hơn là gì?

(có thể tích nhiều hơn một biện pháp)

☐ Sử dụng các biện pháp truyền thống.

☐ Sử dụng biện pháp phát triển nội dung dạy học TKBB theo hướng phù hợp với điều kiện thực tiễn

☐ Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng tăng cường sự trải nghiệm thực tiễn của SV.

☐ Tăng cường điều kiện cho các hoạt động dạy học TKBB.

Trân trọng cảm ơn những đóng góp của đồng chí!

PHỤ LỤC 5

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA MÔN TRANG TRÍ

Năm học : 2016-2017 - Học kỳ : HKI

2016_2017_1(DH48_49_50)

Tên môn học: Thông tin quảng cáo Mã HP: TDM331

Ngày kiểm tra: 15/10/2016 Địa điểm: B5.107
Mã danh sách: TDM331_15/10/2016_1 Số Sinh viên: 24

Số TT	Số BD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm số	Bằng chữ	Chữ ký
1	1	DTS135 D14 0222023	Bùi Thị Bích	14/01/1995	MT 48	7	Bảy	
2	2	DTS135 D14 0222003	Nông Thị Điểm	02/08/1995	MT 48	9	Chín	
3	3	DTS135 D14 0222030	Đinh Thị Dịu	21/11/1994	MT 48	8,5	Tám, năm	
4	4	DTS135 D14 0222005	Hà Thị Dung	09/03/1995	MT 48	8,5	Tám, năm	
5	5	DTS135 D14 0222025	Nông Thị Dưỡng	08/11/1994	MT 48	7,5	Bảy, năm	
6	6	DTS135 D14 0222012	Lương Văn Giang	07/10/1994	MT 48	7	Bảy	
7	7	DTS135 D14 0222024	Hoàng Thị Hậu	26/06/1995	MT 48	9	Chín	
8	8	DTS135 D14 0222004	Phạm Ngọc Huệ	23/03/1995	MT 48	7,5	Bảy, năm	
9	9	DTS135 D14 0222008	Lý Thị Liên	29/01/1992	MT 48	8	Tám	
10	10	DTS135 D14 0222006	Ma Thị phương Liên	24/11/1995	MT 48	7	Bảy	
11	11	DTS135 D14 0222021	Chu Hồng Ngọc	27/07/1995	MT 48	8,5	Tám, năm	
12	12	DTS135 D14 0222028	Nông Thị Nga	22/06/1995	MT 48	7	Bảy	
13	13	DTS135 D14 0222014	Trần Văn Nhã	26/08/1995	MT 48	8,5	Tám, năm	
14	14	DTS135 D14 0222016	Lương Thị Nhi	12/04/1995	MT 48	7,5	Bảy	
15	15	DTS135 D14 0222023	Lê Phương Nhung	19/08/1995	MT 48	7,5	Bảy	
16	16	DTS135 D14 0222029	Nguyễn Hồng Nhung	11/06/1995	MT 48	8,5	Tám, năm	
17	17	DTS135 D14 0222007	Ma Thị Hồng Nụ	17/09/1995	MT 48	7	Bảy	
18	18	DTS135 D14 0222022	Trần Thị Phương	25/05/1995	MT 48	8	Tám	
19	19	DTS135 D14 0222002	Trịnh Ngọc Quân	14/09/1995	MT 48	9	Chín	
20	20	DTS135 D14 0222001	Tạ Thị Thanh	09/06/1995	MT 48	7	Bảy	
21	21	DTS135 D14 0222017	Hoàng Thu Hảo	26/03/1994	MT 48	7,5	Bảy, năm	
22	22	DTS135 D14 0222021	Lương T.Huyền Trang	14/01/1993	MT 48	8	Tám	
23	23	DTS135 D14 0222034	Nguyễn Anh Tuấn	30/07/1994	MT 48	8	Tám	
24	24	DTS135 D14 0222013	Nông Anh Tuấn	19/08/1993	MT 48	8	Tám	

Số sinh viên thực thi: .....Số sinh viên vắng mặt..... Tổng số bài thi.....

Cán bộ coi thi 1.....Cán bộ coi thi 2.....

Cán bộ chấm thi 1..... .....Cán bộ chấm thi 2.....

Người kiểm tra điểm **Người nhập điểm** **Ngày..... tháng..... năm.....**

Trưởng khoa

PHỤ LỤC 6

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BẢNG CHIA NHÓM THỰC NGHIỆM DẠY HỌC BÀI TKBB

Năm học : 2016-2017 - Học kỳ : HKI

Tên môn học: Thông tin quảng cáo Mã HP: ADI321

Mã danh sách: ADI321 Số Sinh viên: 24

Số TT	Số BD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm số môn TT	Bằng chữ	Chữ ký
Nhóm thực nghiệm								
1	1	DTS135 D14 0222003	Nông Thị Điểm	02/08/1995	MT 48	9		
2	2	DTS135 D14 0222030	Đinh Thị Dịu	21/11/1994	MT 48	8.5		
3	3	DTS135 D14 0222005	Hà Thị Dung	09/03/1995	MT 48	8.5		
4	4	DTS135 D14 0222024	Hoàng Thị Hậu	26/06/1995	MT 48	9		
5	5	DTS135 D14 0222004	Phạm Ngọc Huệ	23/03/1995	MT 48	7,5		
6	6	DTS135 D14 0222028	Nông Thị Nga	22/06/1995	MT 48	7		
7	7	DTS135 D14 0222007	Ma Thị Hồng Nụ	17/09/1995	MT 48	7		
8	8	DTS135 D14 0222022	Trần Thị Phương	25/05/1995	MT 48	8		
9	9	DTS135 D14 0222001	Tạ Thị Thanh	09/06/1995	MT 48	7		
10	10	DTS135 D14 0222017	Hoàng Thu Hảo	26/03/1994	MT 48	7.5		
11	11	DTS135 D14 0222021	Lương T.Huyền Trang	14/01/1993	MT 48	8		
12	12	DTS135 D14 0222013	Nông Anh Tuấn	19/08/1993	MT 48	8		
Nhóm đối chứng								
13	13	DTS135 D14 0222023	Bùi Thị Bích	14/01/1995	MT 48	7		
14	14	DTS135 D14 0222025	Nông Thị Dưỡng	08/11/1994	MT 48	7.5		
15	15	DTS135 D14 0222012	Lương Văn Giang	07/10/1994	MT 48	7		
16	16	DTS135 D14 0222008	Lý Thị Liên	29/01/1992	MT 48	8		
17	17	DTS135 D14 0222006	Ma Thị phương Liên	24/11/1995	MT 48	7		
18	18	DTS135 D14 0222021	Chu Hồng Ngọc	27/07/1995	MT 48	8,5		
19	19	DTS135 D14 0222014	Trần Văn Nhã	26/08/1995	MT 48	8,5		
20	20	DTS135 D14 0222016	Lương Thị Nhi	12/04/1995	MT 48	7,5		
21	21	DTS135 D14 0222023	Lê Phương Nhung	19/08/1995	MT 48	7,5		
22	22	DTS135 D14 0222029	Nguyễn Hồng Nhung	11/06/1995	MT 48	8,5		
23	23	DTS135 D14 0222002	Trịnh Ngọc Quân	14/09/1995	MT 48	9		
24	24	DTS135 D14 0222034	Nguyễn Anh Tuấn	30/07/1994	MT 48	8		

Số sinh viên thực thi: .....Số sinh viên vắng mặt..... Tổng số bài thi.....

Cán bộ coi thi 1.....Cán bộ coi thi 2.....

Cán bộ chấm thi 1..... .....Cán bộ chấm thi 2.....

Xác nhận của tổ bộ môn **Người nhập điểm** **Ngày..... tháng..... năm.....**

Trưởng khoa

PHỤ LỤC 7

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐIỂM KIỂM TRA BÀI THIẾT KẾ BAO BÌ

Năm học : 2016-2017 - Học kỳ : HKI

2016_2017_1(DH48_49_50)

Tên môn học: Thông tin quảng cáo Mã HP: ADI321

Ngày kiểm tra: 30/11/2016 Địa điểm: B5.107
Mã danh sách: ADI321_30/112016_1_1 Số Sinh viên: 24

Số TT	Số BD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm môn Trang trí	Điểm môn TKBB	Chữ ký
Nhóm thực nghiệm								
1	1	DTS135 D14 0222003	Nông Thị Điểm	02/08/1995	MT 48	9	9	
2	2	DTS135 D14 0222030	Đinh Thị Dịu	21/11/1994	MT 48	8.5	9	
3	3	DTS135 D14 0222005	Hà Thị Dung	09/03/1995	MT 48	8.5	9	
4	4	DTS135 D14 0222024	Hoàng Thị Hậu	26/06/1995	MT 48	9	9	
5	5	DTS135 D14 0222004	Phạm Ngọc Huệ	23/03/1995	MT 48	7,5	9	
6	6	DTS135 D14 0222028	Nông Thị Nga	22/06/1995	MT 48	7	7	
7	7	DTS135 D14 0222007	Ma Thị Hồng Nụ	17/09/1995	MT 48	7	8.5	
8	8	DTS135 D14 0222022	Trần Thị Phương	25/05/1995	MT 48	8	8	
9	9	DTS135 D14 0222001	Tạ Thị Thanh	09/06/1995	MT 48	7	9	
10	10	DTS135 D14 0222017	Hoàng Thu Hảo	26/03/1994	MT 48	7.5	7.5	
11	11	DTS135 D14 0222021	Lương T.Huyền Trang	14/01/1993	MT 48	8	9	
12	12	DTS135 D14 0222013	Nông Anh Tuấn	19/08/1993	MT 48	8	8.5	
Nhóm đối chứng								
13	13	DTS135 D14 0222023	Bùi Thị Bích	14/01/1995	MT 48	7	7	
14	14	DTS135 D14 0222025	Nông Thị Dưỡng	08/11/1994	MT 48	7.5	6.5	
15	15	DTS135 D14 0222012	Lương Văn Giang	07/10/1994	MT 48	7	8	
16	16	DTS135 D14 0222008	Lý Thị Liên	29/01/1992	MT 48	8	8.5	
17	17	DTS135 D14 0222006	Ma Thị phương Liên	24/11/1995	MT 48	7	7.5	
18	18	DTS135 D14 0222021	Chu Hồng Ngọc	27/07/1995	MT 48	8,5	8.5	
19	19	DTS135 D14 0222014	Trần Văn Nhã	26/08/1995	MT 48	8,5	9	
20	20	DTS135 D14 0222016	Lương Thị Nhi	12/04/1995	MT 48	7,5	9	
21	21	DTS135 D14 0222023	Lê Phương Nhung	19/08/1995	MT 48	7,5	6,5	
22	22	DTS135 D14 0222029	Nguyễn Hồng Nhung	11/06/1995	MT 48	8,5	8.5	
23	23	DTS135 D14 0222002	Trịnh Ngọc Quân	14/09/1995	MT 48	9	8.5	
24	24	DTS135 D14 0222034	Nguyễn Anh Tuấn	30/07/1994	MT 48	8	8	

Số sinh viên thực thi: 24.....Số sinh viên vắng mặt..0. Tổng số bài thi: 24

Cán bộ chấm thi 1..... .....Cán bộ chấm thi 2.....

Xác nhận của tổ bộ môn **Người nhập điểm** **Ngày..... tháng..... năm.....**

Trưởng khoa

PHỤ LỤC 8

ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG THIẾT KẾ BAO BÌ

Mã môn học: ADI321

- Số tín chỉ: 2

- Số tiết: Tổng 30 tiết; Lý thuyết: 4 tiết; Thực tế: 4.tiết; Thực hành, Kiểm tra: 22 tiết.

- Môn học trước: Trang trí 1 Mã số: TDM331

Nội dung tóm tắt:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học bao bì, vai trò, chức năng, khái niệm các các yếu tố, nguyên tắc trong thiết kế bao bì, Công nghệ và quy trình sản xuất bao bì.

Sinh viên nhận thức được khoa học thiết kế bao bì, nắm được thực tế quy trình sản xuất bao bì, lĩnh hội một số kiến thức về in ấn, gia công sau in, thực hành thiết kế, hoàn thiện được một số loại nhãn mác, bao bì sản phẩm.

Tài liệu tham khảo:

[1].*Giáo trình thiết kế và sản xuất bao bì.* Tác giả Nguyễn Thị Giang, Trần Thanh Hà, Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM (2013)

[2]. *Mầu sắc và phương pháp vẽ mầu* - Tác giả: Nguyễn Duy Lẫm. Nxb Văn hoá - Thông tin (2001)

[3]. *Bao bì-Hồn của sản phẩm*, tác giả Nguyễn Thị Hợp. Nxb Mỹ thuật (2008)

- Tài liệu sưu tầm: một số sản phẩm, ảnh về bao bì, bản in, bản kẽm CTP, bản khuôn bế, và bản đã bế thành sản phẩm (một số tờ đã bế rời các bát) cho SV được trải nghiệm thực tế khi dạy lý thuyết

Phương tiện: Máy tính, máy chiếu, file PowerPoint, các hình ảnh minh họa

Nội dung chương trình

Tuần	Chương	Nội dung	Số	Ghi

			tiết	chú
1	Chương 1	**Một số vấn đề chung về bao bì**		
	1.1	Khái niệm		
	1.2	Vai trò và chức năng của bao bì		
	1.3	Phân loại bao bì		
	1.4	Hình thức đặc trưng của mỹ thuật BB		
	Chương 2	**Thiết kế bao bì**		
	2.1	Các yếu tố cơ bản trong thiết kế bao bì		
	2.2	Nguyên tắc thiết kế bao bì sản phẩm		
	2.3	Công nghệ và quy trình sản xuất bao bì		
	2.4	Các bước tiến hành TKBB		
2	Chương 3	**Thực tế ngoại khóa**		
	3.1	Kế hoạch thực tế		
	3.2	Nội dung thực tế		
3,4	Chương 4	**Thực hành** Thiết kế, trình bày một bài bao bì		

Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BAO BÌ VÀ TKBB

1.1. Khái niệm bao bì và thiết kế bao bì

- *Bao bì:* là một sản phẩm dùng để bao gói, chứa đựng, bảo vệ các loại sản phẩm khác nhằm bảo vệ giá trị sử dụng của các sản phẩm đó, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc vận chuyển, xếp dỡ, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn hàng hóa, sức khỏe và môi trường.

- *Nhãn hàng hóa:*là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hoá, bao bì thương phẩm của hàng hoá hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hàng hoá, bao bì thương phẩm của hàng hoá.

- *Thiết kế bao bì*: là quá trình tạo ra một sản phẩm có khích thước nhất định có chứa các tính năng của bao bì một cách sáng tạo thông qua cấu trúc - hình dáng, cách trình bày, hình ảnh, màu sắc đường nét và thông tin trên một mặt phẳng nhằm tạo ra sự thu hút thị giác cho mục đích truyền thông cũng như mục tiêu chiến lược kinh doanh của một sản phẩm hay thương hiệu.

1.2. Vai trò và chức năng của bao bì

Trong nền kinh tế hàng hoá, hầu hết các sản phẩm đều phải dùng đến bao bì để bao gói. Bao bì là một trong những phương tiện quan trọng để giữ cho sản phẩm nguyên vẹn số lượng và chất lượng, hạn chế mất mát, hao hụt và được coi là một yếu tố thực hiện tiết kiệm lao động xã hội.

a). Bảo quản giữ gìn hàng hóa về số lượng và chất lượng, ngăn ảnh hưởng sp đối với môi trường và ngược lại, an toàn trong khâu lưu chuyển

b). là phương tiện quan trọng để thực hiện tiết kiệm xã hội

- giảm thời gian bốc xếp, giao nhận, kiểm kê

c). là phương tiện để thông tin quảng cáo sản phẩm

- thông tin về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng, quảng bá về công ty...

- cảm giác ban đầu về sản phẩm bên trong

d). là một tiêu chuẩn chất lượng

- trong giao lưu thương mại quốc tế bao bì được xem là tiêu chuẩn chất lượng quan trọng, được chuẩn hóa và quy chuẩn phù hợp với giao thương quốc tế và luật định cho từng quốc gia nhập khẩu.

e). Bao bì còn là một trong những điều kiện quan trọng để đảm bảo vệ sinh an toàn lao động, hỗ trợ bảo vệ sức khoẻ cho những nhân viên giao nhận, xếp dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng hoá, góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường.

Đứng ở góc độ thị trường, bao bì có ba chức năng cơ bản. Đó là: chức năng chứa đựng, bảo quản, bảo vệ hàng hoá trong quá trình lưu thông; chức năng thương mại; chức năng nhận biết (thông tin quảng cáo). Đây là các chức năng làm cho bao bì trở thành một công cụ quan trọng thúc đẩy hoạt động kinh doanh hàng hoá trên thị trường.

- Chức năng chứa đựng, bảo quản và bảo vệ hàng hóa: Bao bì là để chứa đựng, bảo vệ hàng hóa, hạn chế những tác động của các yếu tố môi trường đến hàng hóa trong suốt quá trình từ khi hàng hóa được sản xuất ra cho đến khi hàng hóa được tiêu thụ đến tay người tiêu dùng.

- Chức năng thương mại: Bao bì có chức năng hợp lý hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa. Chức năng thương mại tạo điều kiện tăng năng suất trong khâu giao nhận, vận chuyển, bốc dỡ, thuận tiện cho việc sử dụng sản phẩm chứa đựng trong bao bì và sử dụng có hiệu quả lượng sản phẩm được bao gói, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chức năng thông tin, quảng cáo sản phẩm: Bao bì có thể được coi là một yếu tố môi giới giữa sản xuất và tiêu dùng, thông tin đầy đủ về sản phẩm và nhà sản xuất, hướng dẫn sử dụng vận chuyển và bảo quản. Thậm chí còn là yêu cầu và quy định thành các luật định về thông tin thể hiện trên bao bì sản

phẩm. Bao bì đóng vai trò như người bán hàng thầm lặng trong phương thức bán tự phục vụ và tự lựa chọn.

Ngoài ba chức năng cơ bản trên bao bì còn thể hiện tính năng hiệu quả và thuận tiện khi sử dụng như khả năng sản xuất và đóng gói tự động, phù hợp với môi trường, có khả năng hủy bỏ hoặc tái chế, thuận tiện cho việc xếp dỡ, lưu thông hàng hóa và tiện dụng khi lưu trữ, sử dụng như tích hợp các dụng cụ đi kèm để chứa đựng, ống hút, dao cắt...

1.3. Phân loại bao bì

a). Bao bì có thể phân loại theo hai tiêu thức cơ bản:

Tiêu thức 1: Phân loại bao bì theo vật liệu chế tạo bao gồm bao bì thuỷ tinh, sắt thép, nhôm, nhựa và màng nhựa, giấy và carton, vật liệu hỗn hợp.

Tiêu thức 2: Phân loại theo mục đích sử dụng, bao gồm: Bao bì thương phẩm (bao bì cấp 1) gồm túi, hộp, chai lọ, giỏ trực tiếp chứa sản phẩm ; bao bì trung gian-bao bì ngoài (bao bì cấp 2) như thùng carton, hộp giấy, gỗ...dùng để chứa đựng bao bì cấp 1; bao bì vận chuyển (bao bì cấp 3) gồm hòm, bao, thùng, container... dùng cho vận chuyển và chứa đựng bao bì cấp 1 và cấp 2.

b). Phân loại theo tiêu thức công dụng:

- Bao bì trong: là loại bao bì bao gói trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm, thường được bán cùng sản phẩm.

- Bao bì ngoài (hay bao bì vận chuyển): là bao bì dùng để chứa các nguyên vật liệu., chi tiết, bán thành phẩm, dùng để lưu kho, vận chuyển trung chuyển, loại này có tác dụng bảo vệ nguyên vẹn số lượng và chất lượng sản phẩm, phục vụ cho việc chuyên chở sản phẩm giữa các nơi sản xuất hoặc từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng.

c). Phân loại theo số lần sử dụng:

- Bao bì sử dụng một lần; Bao bì sử dụng nhiều lần

d). Phân loại theo độ cứng (độ chịu nén): gồm bao bì cứng, bao bì nửa cứng, bao bì mềm.

e). Phân loại theo mức độ chuyên môn hoá bao bì:

- Bao bì thông dụng: Ví dụ: các chai lọ, hộp sắt, túi giấy, túi vải...

- Bao bì chuyên dùng: Ví dụ: bao bì chứa các chất khí, hoá chất độc hại, dễ cháy nổ...

f). Phân loại theo vật liệu chế tạo:

Bao gồm các nhóm: Bao bì gỗ; Bao bì bằng kim loại; Bao bì bằng giấy, carton và bìa; Bao bì bằng thuỷ tinh, đồ gốm; Bao bì hàng dệt; Bao bì bằng mây, nứa, tre đan; Bao bì bằng các vật liệu nhân tạo, tổng hợp các loại vật liệu

g). Phân loại theo độ kín và hở của bao bì

Bao bì kín: là bao bì ngăn cách sản phẩm và môi trường bên ngoài thành hai môi trường riêng biệt.

Bao bì hở: là loại bao bì không có tính bảo quản lâu, có khả năng thấm khí, ngấm nước.

h). Phân loại theo sản phẩm chứa đựng bên trong bì gồm có: bao bì thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, đồ uống, quần áo, đồ gia dụng, hóa chất...

i). Phân loại theo nguồn gốc của bao bì gồm có:

Bao bì các sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất: là loại bao bì dùng để bao gói sản phẩm trong khâu tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

Bao bì hàng hoá của các DNTM: là loại bao bì chứa đựng hàng hoá chia lô, ghép đồng bộ và vận chuyển hàng hoá trong kinh doanh của DNTM.

1.4. Hình thức đặc trưng của mỹ thuật bao bì

Mỹ thuật bao bì là tạo ra các giải pháp bằng hình ảnh cho các vấn đề truyền thông, thông qua chất liệu; hình dạng và kích thước; đường, nét, mảng;

chữ viết và ký hiệu; hình ảnh, màu sắc là những đặc trưng cơ bản của mỹ thuật bao bì.

Chất liệu: là yếu tố đầu tiên trong định hướng thiết kế bao bì sản phẩm là chất liệu làm bao bì, nó có khả năng chi phối và thu hút sự nhật biết của chủ thể bằng thị giác và xúc giác. (cho SV xem hình minh họa 1.1)

Hình dạng và kích thước: Ở bao bì hình dạng và kích thước là đặc trưng thứ hai của mỹ thuật bao bì. Từ các hình cơ bản như tròn, vuông, tam giác các khối hình trụ, hình chóp hay sự kết hợp các hình cơ để tạo ra những kích thước hình dạng khác nhau tạo nên nhiều cung bậc cảm xúc thị giác cho người tiêu dùng. (cho SV xem hình minh họa 1.2)

Chữ và ký hiệu: Trong mỹ thuật bao bì thì chữ và các ký hiệu là những yếu tố không thể thiếu. Chữ dùng để trang trí, thông tin về sản phẩm và còn được dùng để phân biệt sản phẩm các sản phẩm. (cho SV xem hình minh họa 1.3).

Ký hiệu lại giúp người tiêu dùng có thể nhận dạng chất liệu bao bì, độ an toàn, hướng dẫn, cũng như thông tin mà nhà sản xuất muốn chuyển tải. (cho SV xem hình minh họa 1.4)

Hình ảnh, đường nét, mảng và họa tiết trang trí: dùng để trang trí, minh họa về sản phẩm, tạo sự độc đáo và tăng tính hấp dẫn đối với người tiêu dùng. (cho SV xem hình minh họa 1.5)

Màu sắc: Trong mỹ thuật bao bì, màu sắc ngoài chức năng làm đẹp cho sản phẩm tạo sức hấp dẫn thị giác tới người tiêu dùng.

- màu sắc trong TKBB rất quan trọng trong việc thu hút thị giác, tạo ấn tượng với người tiêu dùng về sản phẩm. (cho SV xem hình minh họa 1.6)

Nói tóm lại đặc trưng của mỹ thuật bao bì là sự kết hợp giữa chất liệu; hình dạng và kích thước; chữ và ký hiệu; hình ảnh, mảng, đường nét và họa

tiết trang trí; màu sắc nhằm tạo ra một sản phẩm bao bì đảm vai trò và chức năng của bao bì.

CHƯƠNG II: THIẾT KẾ BAO BÌ

2.1. Các yếu tố cơ bản trong thiết kế bao bì

TKBB là quá trình sáng tạo nghệ thuật và khoa học thông qua chất liệu, cấu trúc, cách trình bày, hình ảnh, màu sắc và những yếu tố đồ họa khác nhằm tạo ra một sản phẩm bao gói, chứa đựng và bảo vệ sản phẩm một cách tối ưu nhất, thu hút thị giác cho mục đích truyền thông, mục tiêu kinh doanh và chiến lược marketing của một thương hiệu hay sản phẩm. Vì vậy để thiết kế được một bao bì tốt, tạo sức hấp dẫn đối với người tiêu dùng, người thiết kế cần nắm vững các yếu tố sau:

Sự nhất quán: Đây là tiêu chuẩn cốt lõi tạo nên thành công của một bao bì sản phẩm. Sự phối hợp nhất quán trong thiết kế bao bì là sự thể hiện được một phong cách riêng của thương hiệu sản phẩm. Màu sắc, bố cục, phông nền là những yếu tố giúp cho việc nhận dạng hình ảnh thương hiệu nhanh hơn, và giúp cho người tiêu dùng có thể nhớ được những đặc tính riêng của sản phẩm đó, phân biệt được nó với những sản phẩm cùng loại của một thương hiệu khác.

Vòng đời của bao bì tương đối ngắn, nên sản phẩm có thể thay đổi màu sắc bao bì theo từng giai đoạn để tạo sự hấp dẫn, nhưng nó phải tuân theo nguyên tắc nhất quán trong việc nhận diện thương hiệu sản phẩm đó. (cho SV xem hình 1.7)

Sự ấn tượng: Một thiết kế bao bì ấn tượng sẽ thu hút sự chú ý đặc biệt với khách hàng là một trong những yếu tố chính trong tiếp thị chiến lược cho một sản phẩm , nó giúp sản phẩm khắc sâu trong trí nhớ người tiêu dùng. (cho SV xem hình1.8)

Sự nổi bật: Trên một kệ trưng bày mà ở đó sự đa dạng về màu sắc chủng loại bao bì thì sự nổi bật là yếu tố căn bản giúp người tiêu dùng chú ý

và lựa chọn sản phẩm. Vì vậy sự nổi bật là một yếu tố rất quan trọng để tạo ra sự khác biệt. (cho SV xem hình1.9)

Sự hấp dẫn: Trong một số ngành hàng, đặc biệt trong ngành mỹ phẩm, bao bì phải thể hiện được sự hấp dẫn, lôi cuốn, gây thiện cảm và nhấn mạnh các đặc tính của sản phẩm. Bao bì trong những ngành này có thể được xem như một phần của sản phẩm tạo ra những giá trị cộng thêm cho khách hàng.

Ví dụ các sản phẩm được thiết kế dành cho nam giới bao bì phải thể hiện được sự nam tính, khác hẳn với sản phẩm dành cho nữ giới với những đường nét mềm mại, màu sắc quyến rũ, việc sắp xếp hương thơm và màu sắc là một trong những công cụ quan trọng của bao bì và màu sắc phải đồng dạng với mùi trong sản phẩm của một thương hiệu. (cho SV xem hình 1.10)

Sự đa dụng: Để tăng tính cạnh tranh và tối ưu hóa giá trị sử dụng, ngoài các chức năng chính của bao bì ngày nay với tư duy sáng tạo người ta thường tìm cách thêm giá trị sử dụng cho bao bì. Những chi tiết tưởng chừng nhỏ nhặt đôi khi sẽ là một lợi thế cạnh tranh lớn của sản phẩm so với các đối thủ khác.

Một số bao bì đựng đồ ăn nhanh được thiết kế có thể vừa là bao bì đựng vừa là là dụng cụ phục vụ luôn cho việc sử dụng, hay nắp của chai rượu vừa có chức năng bảo quản, trang trí, vừa có tác dụng làm cốc để uống. (cho SV xem hình1.11). Tất cả những điều này giúp cho sản phẩm trở nên thông dụng và phù hợp hơn trong đời sống hiện ngày nay của con người.

Sự hoàn chỉnh: Yếu tố này đảm bảo sự tối ưu giữa chức năng của bao bì và sự thuận tiện trong sử dụng và kinh doanh. Bao bì phải có kích thước, kiểu dáng tối ưu nhất, phù hợp với việc treo, trưng bày trên kệ bán hàng hoặc lưu trữ, bảo quản và có thể dễ dàng trong vận chuyển. Sự hoàn chỉnh còn thể hiện được đối tượng sử dụng sản phẩm, và mục đích sử dụng sản phẩm. (cho SV xem hình 1.13)

Sự cảm nhận qua các giác quan: Một bao bì tốt phải thu hút được sự cảm nhận tốt của người tiêu dùng về sản phẩm thông qua việc nhìn ngắm, săm soi và sờ mó vào sản phẩm.

Chúng ta thường ít chú ý đến xúc giác của người tiêu dùng mà thường chỉ nhấn mạnh vào yếu tố thị giác. Nhưng xúc giác lại có vai trò quan trọng trong việc cảm nhận về kích cỡ, kết cấu sản phẩm, chất liệu bao bì và từ đó ảnh hưởng đến việc nhận xét chất lượng sản phẩm.(cho SV xem hình 1.14)

Xác định được đâu là nhu cầu và mong muốn của người tiêu dùng đối một sản phẩm sẽ giúp cho việc định hướng thiết kế đúng và trúng, và quá trình sáng tạo được nhanh hơn và hiệu quả hơn.

2.2. Nguyên tắc thiết kế bao bì sản phẩm

Để sản phẩm nổi bật, gây chú ý cho khách hàng, giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn giữa hàng nghìn mặt hàng được bày bán trong siêu thị mỗi ngày thì yếu tố đầu tiên phải nói đến là hình thức của bao bì. Bề ngoài ấn tượng, bắt mắt sẽ khiến khách hàng chú ý và lựa chọn sản phẩm của bạn dù còn nhiều sản phẩm khác có chất lượng tương đương vì vậy TKBB luôn có vai trò rất quan trọng trong việc kích thích tiêu dùng. Để có một TKBB đẹp người thiết kế cần nắm vững các nguyên tắc thiết kế sau:

a. Đơn giản và rõ ràng

TKBB cần thiết kế đơn giản về hình dáng để dễ dàng cho vận chuyển, bày bán và rõ ràng nội dung, nhãn hàng và hình ảnh thể hiện để nhấn mạnh đặc điểm và lợi thế của sản phẩm bên trong, tránh trường hợp gây nhầm lẫn cho khách hàng về sản phẩm bên trong. Ví dụ để nhấn mạnh hương tự nhiên người thiết kế bao bì nước tẩy rửa bồn cầu đã sử dụng các hình ảnh hoa quả lớn chiếm gần như toàn bộ diện tích bao bì nhìn rất ngon miệng giống như một sản phẩm nước ép trái cây hoặc đồ uống có gas. (cho SV xem hình 1.15)

b. Độc đáo, khác biệt

Đây là nguyên tắc TKBB phụ thuộc vào nhiều yếu tố như ý tưởng sáng tạo, phong cách thiết kế, đối tượng khách hàng… Để tạo sự mới lạ, gây sự chú ý với người tiêu dùng người thiết kế phải hạn chế đi lại lối mòn mà các sản phẩm cùng loại đã làm. Ví dụ như bao bì sữa tươi, rất nhiều các cản phẩm sử dụng hình ảnh minh họa về con bò sữa, sữa, thảo nguyên, hoa quả... thì các TKBB dùng mảng phẳng màu lớn gợi hình gọt sữa hay màu của của loại hoa quả sẽ gây sự chú ý. (cho SV xem hình 1.16)

c. Hiệu ứng kệ hàng

Một sản phẩm hoặc một dòng sản phẩm khi trên kệ bán hàng không bao giờ đứng một mình bởi vì khi sản phẩm được xếp thành nhiều cột ngang và cột dọc trên kệ hàng chúng sẽ tạo ra một hiệu ứng bắt mắt người tiêu dùng. (cho SV xem hình1.16) Người thiết kế phải sáng tạo nhằm tạo ra những hình ảnh hiệu quả thu hút sự chú ý và tăng tính hấp dẫn của sản phẩm với khách hàng.

d. Tính linh hoạt (tính mở rộng)

Tính linh hoạt trong TKBB sản phẩm cho phép giới thiệu một chuỗi sản phẩm liên kết với nhau. Ví dụ một bao bì sản phẩm sữa vị cam ta có thể thiết kế những hương vị khác mà vẫn đảm bảo tính hệ thống nhận diện thương hiệu hay bao bì đồ củ quả xấy khô cũng vậy ta thiết kế để sao có thể làm cùng một loại bao bì, kiểu dáng và thương hiệu ta vẫn phân biệt được từng loại sản phẩm nhưng vẫn đảo bảo khách hàng vẫn nhận diện được thương hiệu của nhà sản xuất đó. (cho SV xem hình1.17)

e. Tính thực tế

Xu hướng thiết kế bao bì ngày nay thường tối ưu hóa công năng, tiện ích khi sử dụng bao bì sản phẩm phù hợp với cuộc sống hiện đại. Những ý tưởng thực tế với nhiều hình dạng, kích thước và công năng của TKBB sẽ là một điểm cộng rất lớn cho sản phẩm. TKBB ấn tượng và hữu dụng không chỉ

để chứa đựng, bảo quản, giới thiệu về sản phẩm, giúp người tiêu dùng thuận tiện hơn trong quá trình sử dụng. (cho SV xem hình1.18) .

2.3. Công nghệ và quy trình sản xuất bao bì

Một số công nghệ in bao bì phổ thông hiện nay:

**** Sử dụng công nghệ in offset:*** Là kỹ thuật in phẳng, in offset là hình thức in ấn công nghiệp phổ biến nhất hiện nay. In offset là quá trình truyền các thông tin, hình ảnh từ khuôn in lên bề mặt vật liệu in bằng mực một màu hoặc nhiều màu dưới một áp lực trên thiết bị gọi là máy in, hình ảnh trên khuôn in là hình ảnh thuận chiều với sản phẩm được in ra.(cho SV xem hình 1.19)

Vật liệu in chủ yếu là giấy và carton mỏng, đề can (và kim loại với máy in offset kim loại). Để in bao bì, nhãn hàng hoá chủ yếu dùng máy in tờ rời nhiều dùng bản kẽm với máy in từ 1 đến 6 màu và khổ in từ 26x34cm đến 72x102cm

**** Sử dụng công nghệ in ống đồng:*** Là kỹ thuật in lõm, các phần tử in được khắc sâu vào bề mặt của trục in (còn gọi là bản in hay khuôn in), phần tử in không nằm trên bề mặt trục in, trước khi toàn bộ trục in (bao gồm cả phần tử in và phần tử không in) được nhúng vào máng mực. In ống đồng chủ yếu in dạng cuộn, có thể in trên các vật liệu khác nhau như giấy, màng nhựa dẻo, màng kim loại. Các chi tiết bản thiết kế được khắc chìm lên trên thân ống, hình ảnh trên ống ngược chiều so với bản được in ra. Máy có thể in được 10 ống màu và để có hình ảnh chân thật thì cần ít nhất là 4 ống và khổ in từ 60cm đến 150cm. Khi in các màu sẽ in theo kiểu chồng lên nhau tạo ra chi tiết phức tạp.(cho SV xem hình 1.20)

**** Công nghệ in Flexo*:** Là kỹ thuật in nổi, các phần tử in (chữ, hình ảnh, mảng màu...) trên khuôn in nằm cao hơn các phần tử không in, hình ảnh trên khuôn ngược chiều với bản in thực tế, được cấp mực bằng trục in anilox, sau đó truyền mực trực tiếp lên vật liệu in qua quá trình ép in.

Phù hợp với các loại bao bì như bao bì PP tráng, bao bì giấy kraft, giấy carton và in được trên nhiều chất liệu đặc biệt như: vải, bìa hoặc in trên màng polyme... Sử dụng trục in làm từ polymer nên giá thành khá thấp. Các chi tiết của bản thiết kế sẽ được khắc lồi lên trên trục. Máy in flexo thường có 2 đến 10 màu tương đương với 2 hoặc 10 trục in. (cho SV xem hình 1.21)

*** Quy trình sản xuất bao bì**

Quy trình sản xuất bao bì, nhãn hàng hoá gồn 4 giai đoạn chính nối tiếp nhau: Thiết kế mẫu - Chế tạo bản in - In hình ảnh - Gia công tờ in thành sản phẩm, cũng có thể chia nhỏ quá trình sản xuất theo các công đoạn như sau:

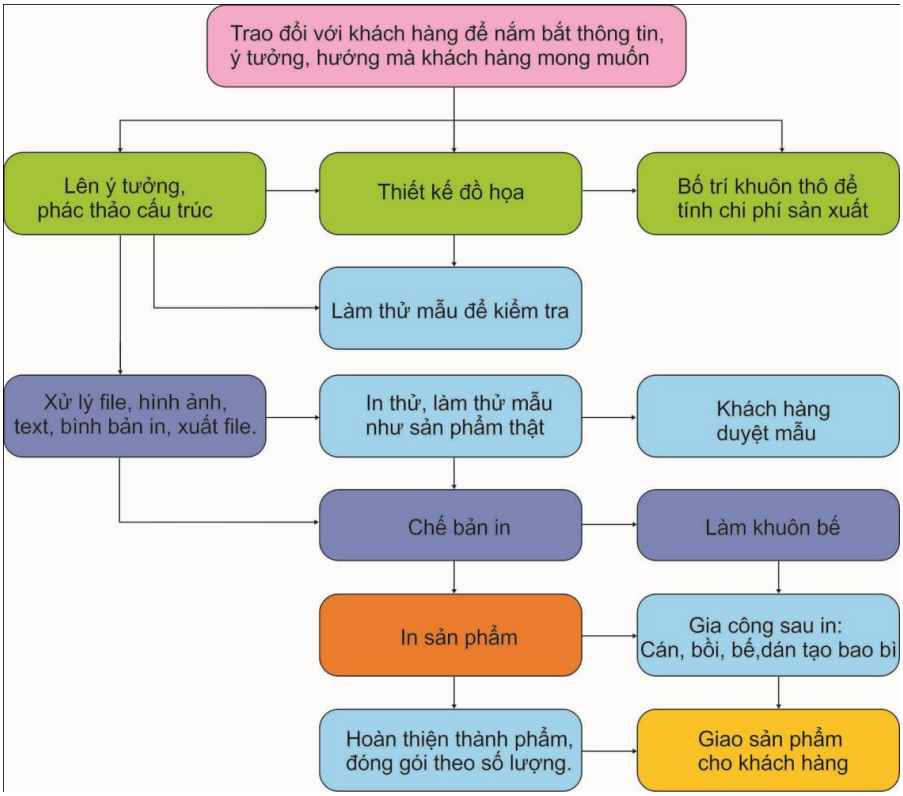

1. Làm việc với khách hàng để biết sản phẩm, ý tưởng của khách hàng về bao bì cần sản xuất cũng như số lượng để tư vấn về chất liệu, kích thước, nội dung và hình ảnh thể hiện cũng như số màu in trên bao bì. Nắm bắt được yêu cầu của khách hàng, trao đổi với khách hàng để đưa ra các ý tưởng và giải pháp tối ưu nhất cho sản phẩm của mình.

2. Thiết kế cấu trúc, thông tin và hình ảnh cho bao bì: Là quá trình thể hiện ý tưởng về hình dạng, cấu trúc, xắp xếp thông tin và hình ảnh của bao bì cả trong mặt phẳng hai chiều và trong không gian ba chiều. Thiết kế cấu trúc tính đến hình dạng, khả năng chứa đựng và chịu lực khi xếp chồng lên nhau cũng như cách treo, bày trên kệ hàng. Ở công đoạn này người thiết kế dùng một phần mềm phù hợp hoặc nhiều phần mềm kết hợp để thiết kế. (cho SV xem hình 1.22)

3. Bố trí thô khuôn: Là quá trình sắp xếp các các bản trên các khuôn in sao cho tối ưu nhất. Ở công đoạn này người thiết kế luôn phải tính toán để làm sao phù hợp khổ giấy in và kinh tế nhất cũng như kỹ thuật ghép các bát in thuận tiện cho quá trình gia công sau in để làm sao một bài in kinh tế nhất, chi phí sản xuất thấp, và thời gian gia công nhanh nhất. (cho SV xem hình 1.23)

4. In thử và làm thử mẫu để kiểm tra cấu trúc: là làm một mẫu thật theo thiết kế để kiểm tra lại hình dáng, thông tin trên sản phẩm, màu sắc, sức chứa, chịu lực của hộp trong điều kiện có tải để điều chỉnh nếu cần. Công đoạn này có thể làm bản để khách hàng duyệt mẫu, duyệt màu để sản xuất hàng loạt. (cho SV xem hình 1.24)

5. Bình bản (dàn khuôn): Là quá trình sắp xếp bản in trên khổ giấy định in, đặt ốc màu lới xén, cấn bế an toàn cách sản phẩm thật từ 1mm-2mm để cho công đoạn xén, bế được dễ dàng, đặt ốc màu CMYK, thang màu in ở 4 góc và 2 cạnh trên và dưới bài in để khi in thợ in nhận biết kẽm màu C, M, Y, K và dễ dàng căn chỉnh màu. Lưu ý khi bình bản luôn phải trừ khoảng từ 1cm - 1.5cm theo chiều ngắn của giấy để nhíp cặp khi in trừ trường hợp bình các tai dán hoặc thành phẩm màu trắng gọi là mượn nhíp. Ví dụ như in khổ giấy 43cm x 65cm mà máy in nhíp cặp 1.5cm thì khổ in thành phẩm chỉ còn 41,5cm x 65cm. Vì vậy, khi thiết kế và bình bản in phải luôn tính toán đến khổ giấy in để tính toán cho phù hợp và kinh tế nhất. Việc đặt ốc màu phải

theo số lượng bản màu in tránh tình trạng bài in có một hoạc hai màu nhưng vẫn để ốc màu là bốn màu tránh lãng phí khi out kẽm. (Xem Phụ lục 4.3, hình 4.3.21, tr.150)

Lưu ý: khi bình bản đối với các sản phẩm nhãn mác, bao bì phải dùng khuôn để cấn bế khi hoàn thiện, thì khi ghép các bát in gần nhau nên tính toán để các bát ghép cách nhau tối thiểu 4mm để đảm bảo an toàn cho việc gắn dao cấn bế không bị vỡ khuôn bế và không xa nhau quá dẫn đến tình trạng lãng phí, thông thường khoảng cách các bát ghép nên để 5mm. (cho SV xem hình 1.25 và bản in thực tế)

6. Chế bản in: Là quá trình tạo các hình ảnh cần in lên tấm nhôm làm bản in offset (phơi kẽm đối với phim (CTF) và out kẽm đối với CTP) hoặc trên ống đồng làm bản in ống đồng và trên nhựa photopolymer đối với in flexo..(cho SV xem hình 1.26 và bản kẽm thực tế)

7. In hình ảnh: Là việc dùng máy in offset hoặc máy in ống đồng, in flexo... để in các hình ảnh của bao bì lên vật liệu in như giấy hoặc màng mỏng nhựa hay kim loại...(cho SV xem hình 1.27)

8. Gia công sau in: Sau khi in xong tùy theo yêu cầu của từng sản phẩm để gia công các công đoạn tiếp theo của bao bì, thông thường sẽ có các bước sau:

- Cán màng linon, tạo gân, phủ UV hoặc ép màng nhũ, thúc nổi… trước khi cho vào bế thành phẩm tùy vào từng sản phẩm. (Xem ảnh 1.28). Có những bao bì cần độ dày, cứng thì in xong thường được cán màng rồi bồi lên carton lạnh hoặc bìa cứng để tạo thành các bao bì có độ cứng như các hộp quà, hộp bánh trung thu, hay hộp rượu... (cho SV xem 1 bản in đã được gia công cán, bế)

- Làm khuôn bế: Dùng file vẽ vector sản phẩm khi bình bản để out phim làm khuôn nếu cắt bằng tay thủ công, dùng máy CNC, Laser để cắt trực

tiếp từ file trên máy tính (không cần phải ra phim) khi cắt thành các mạnh theo hình có sẵn rồi gắn các dao kim loại làm lưỡi cắt đứt và dao tạo rãnh (tạo gân) trên một tấm gỗ để tạo ra khuôn bế sản phẩm, tùy vào độ to nhỏ của sản phẩm mà có thể tính toán 1 bát hay nhiều bát sản phẩm trên cùng một khuôn bế. (cho SV xem hình 1.29 và một bản khuôn bế thực tế)

- Bế sản phẩm: Là quá trình dùng máy bế để cắt và tạo rãnh tờ in theo hình dạng thiết kế (đối với hộp) (cho SV xem hình 1.30)

9. Hoàn thiện: Là khâu cuối cùng của quá trình sản xuất bao bì trước khi giao cho nhà sản xuất để đóng gói sản phẩm. Các công đoạn cuối cùng sau khi đã in, gia công bề mặt, cắt bế hình là công đoạn gấp, dán, bồi hoặc gài các chi tiết liên kết tạo thành bao bì hoàn chỉnh. (cho SV xem hình 1.31)

Đây là quy trình làm một bao bì giấy phổ thông và có những bao bì có thể thêm hoặc bớt các công đoạn ở phần gia công sau in.

2.4. Các bước tiến hành thiết kế bao bì

Bước 1: Tìm ý tưởng, đối tượng sản phẩm định thiết kế

Bước 2: Nghiên cứu tính chất, đặc điểm, thông tin về sản phẩm định thiết kế

- Xác định hướng thiết kế, tìm kiểu dáng, cấu trúc
- Xác định màu sắc chủ đạo, bố cục nhất quán, phù hợp với sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm định thiết kế.

Bước 3: Phác thảo thiết kế bản vẽ, kết cấu bao bì trên giấy (có thể làm trên máy tính), cắt, gập, dán thử kiểm tra cấu trúc, hình dáng.

Bước 4: Thiết kế, bình bản: Scan hình ảnh hoặc chụp bản đã thiết kế trên giấy để cho vào máy tính, dùng phần mềm thiết kế phù hợp tiến hành thiết kế trên máy vi tính, sử lý hình ảnh, text, màu sắc, bình bản in phù hợp trên khổ giấy

định sẵn, đặt các ốc màu, thang màu, ốc xén và cấn bế, lới xén để dễ dàng trong quá trình thực hiện in ấn và gia công

(in phun không cần phải đặt ốc màu, thang màu chỉ cần lới xén, đặt ốc xén cấn bế)

- Convet font chữ, xuất file định dạng PDF, kiểm tra file, in thử 1 mẫu để kiểm tra màu sắc, kết cấu, kích thước, hình ảnh, nội dung... để điều chỉnh thiết kế trước khi in thật.

Bước 5: In và hoàn thiện sản phẩm

- In sản phẩm tỉ lệ 1/1 trên giấy in hoặc giấy đề can, hoặc vật liệu theo yêu cầu.

- Gia công: Sản phẩm có thể cán màng, phủ uv, bồi, ép nhũ, thúc nổi theo yêu cầu ban đầu, bế, gấp dán hoàn thiện sản phẩm theo ý tưởng ban đầu.

Đối với bài tập thực hành:

- in phun, in digital, in lazer trên các loại chất liệu giấy, đề can PP, cán màng hoặc không tùy vào ý tưởng của tác giả, dùng dao trổ để cắt, trổ hình theo ốc đã đặt, dùng cán thìa cà phê hoặc vật cứng nhưng nhẵn để ấn, kẻ tạo đường gân, gấp dán theo thiết kế bằng băng keo 2 mặt hoặc keo sữa...

- Trình bày bài lên bảng, bục để chấm bài.

- *có thể làm thêm Poster, tờ rơi, tờ gấp để trình bày thêm phong phú*

*** Yêu cầu đánh giá một bài TKBB:**

- Tổng quan thiết kế:

+ Kiểu dáng, chất liệu: Phù hợp với sản phẩm,

+ Cách tiếp cận vấn đề thiết kế thông minh, có sáng tạo, bố cục rõ ràng, trình bày mạch lạc, có chính phụ, thể hiện nổi bật được sản phẩm hay nội dung đang đề cập đến.

+ Màu sắc: nổi bật được tính chất sản phẩm, sử dụng màu sắc thu hút, hấp dẫn gây hứng thú cho người xem.

+ Hình ảnh: đẹp, nội dung liên quan và có tác dụng mạnh mẽ đến sản phẩm.

+ Ngôn ngữ: dễ nhớ, dễ thuộc, thông tin chính trong văn bản quảng cáo tập trung vào nét độc đáo, nét khác biệt, tính ưu việt của sản phẩm.

- Tính sáng tạo:

Được đánh giá cao trong việc nghiên cứu, tìm hiểu sản phẩm hay nội dung. Sáng tạo phù hợp với sản phẩm, mang lại sự hấp dẫn, thu hút cho người xem.

- Tính thực tế:

Đây là yếu tố quan trọng để đánh sự nhận thức về kiến thức thiết kế đối với bao bì, sản phẩm thiết kế phải phù hợp với thực tiễn sản xuất, thiết kế phải sản xuất được.

CHƯƠNG III: THỰC TẾ NGOẠI KHÓA

3.1. Kế hoạch thực tế (Tuần 2, tiết 4,5,6,7)

Tổ chức cho 12 SV nhóm đối chứng đi thực tế tại Công Ty Cổ phần Truyền thông và Nhận dạng thương hiệu ADEC tại Địa chỉ 179 Đường CMT8, thành phố Thái Nguyên mà chúng tôi đã liên hệ cộng tác nhằm cho sinh viên thực tế kiến thức mà đã giảng dạy về phần lý thuyết trên lớp.

- Thông báo thời gian và địa chỉ cho SV tập trung tại cổng công ty Công Ty Cổ phần Truyền thông và Nhận dạng thương hiệu ADEC.

- Nhắc sinh viên mang theo giấy bút, máy ảnh (để chụp tư liệu nếu cần)

3.2. Nội dung thực tế

- Cho SV tham quan và giao lưu với anh chị nhân viên thiết kế, chế bản

- Cho SV tham quan, tìm hiểu về máy in offset, xem sản phẩm in, trao đổi thông tin cần thiết với các công nhân in để lĩnh hội kiến thức

- Tham quan xưởng gia công sau in, quan sát, tìm hiểu về công việc sau in như cán, bế, dán bao bì.

***** Hướng dẫn SV cách thức quan sát, hỏi các câu hỏi liên quan đến thiết kế, in ấn, gia công sau in nhằm làm sáng tỏ nội dung kiến thức, nắm chắc kiến thức.

* Cuối buổi thực tế, tập trung SV, trao đổi và tổng kết nội dung kiến thức

- Giao bài tập cho các em làm bài để buổi sau chấm.

CHƯƠNG IV: THỰC HÀNH

- Giao bài tập cho SV nghiên cứu và thực hành bài tập: **Thiết kế và trình bày một mẫu hoặc một bộ mẫu bao bì sản phẩm theo kiến thức đã được học từ lý thuyết.**

- Đánh giá bằng điểm số.
- Nhận xét đánh giá mức độ đạt và chưa đạt các yêu cầu đánh giá đã đề ra.

PHỤ LỤC 9

MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH HỌA

9.1. Một số hình ảnh minh họa về chất liệu, hình khối, chữ trên bao bì.

(Ảnh: Sưu tầm)

Một số hình khối bao bì phổ biến

Một số hình khối bao bì biến thể

Hình 9.1.1

Chữ để làm tên và thông tin sản phẩm

Chữ để phân biệt sản phẩm

Chữ để trang trí sản phẩm

Hình 9.1.2

9.2. Một số ký hiệu trên bao bì hàng hóa

(Ảnh: Sưu tầm)

Hướng nhấc lên - Right Side Up
Dấu hiệu này chỉ hướng đặt hàng hóa.

Khiêng bằng tay - Handle With Care
Đây là một biểu tượng được sử dụng trên bao bì,
để truyền tải những gói cần phải được xử lý cẩn thận.

Dễ vỡ - Fragile
Biểu tượng này truyền tải những sản phẩm hàng hóa bên trong hộp
là mong manh, có thể bị hư hỏng. Nó cần phải được xử lý cẩn thận.

Ô - Umbrella
Nó có nghĩa là để giữ cho các hàng hóa tránh trời mưa hoặc ẩm ướt.

Nhiệt kế - Thermometer
Biểu tượng này thường được tìm thấy trên bao bì có chứa thức ăn hoặc đồ uống.
Các dấu hiệu cho thấy nhiệt độ mà tại đó các sản phẩm sẽ được lưu.

Tidy Man - Tidy Man
Có nghĩa là phải vứt bỏ các mục trong một cách thích hợp.

WEEE - WEEE Symbol
Thường sử dụng trên các bao bì chứa sản phẩm điện tử.
Nó có nghĩa là những không được thải bỏ trong thùng rác chung.

Vòng Mobius - Mobius Loop
Nó là biểu tượng quốc tế để tái chế. Nó được sử dụng để giáo dục và khuyến khích
người tiêu dùng để tái chế các sản phẩm, chứ không vứt nó trong rác chung.

PETE / PET (polyethylene terephthalate)
Bao bì làm bằng loại nhựa PETE rất dễ tái chế, một vật liệu dẻo sử dụng phổ biến
cho các sản phẩm tiêu dùng.

PP (Polypropylene)
Điều này thường được tìm thấy trên các sản phẩm như bao bì, chai lọ, mũ, và ống hút
phù hợp với hầu hết các chương trình tái chế.

Điểm xanh - The Green Dot
Biểu tượng này cho biết rằng nhà sản xuất đã bỏ ra một khoản phí cho việc
thu gom và tái chế bao bì sản phẩm sau khi sử dụng của công ty.

Độ bền sản phẩm - Product Durability
Đây là loại hình biểu tượng cho biết thời gian tới khi mà các sản phẩm là tốt nhất
để sử dụng hoặc tiêu thụ, con số 24M chính là số tháng.

Móc cân
Đây là loại hình biểu tượng cho không được treo móc hàng hóa.

Hội đồng Quản lý Rừng - Forest Stewardship Council
ký hiệu này này có thể được sử dụng trên bất kỳ bao bì bằng gỗ nào,
Biểu tượng của FSC cho thấy đã được chứng nhận độc lập theo các quy tắc của FSC.

Nhôm tái chế - Recyclable Aluminum
Như tên cho thấy, biểu tượng này có nghĩa là nhôm được sử dụng
trong các sản phẩm có thể được tái chế.

9.3. Một số hình ảnh minh họa

(Ảnh: Tác giả chụp và sưu tầm)

Bao bì sử dụng hình ảnh, mảng, nét

Hình 9.3.1

Màu sắc thường được dùng cho bao bì nhóm thực phẩm

Màu sắc thường dùng cho bao bì nhóm hàng hóa mỹ phẩm và dược phẩm

Màu sắc bao bì nhóm hàng hóa công nghiệp và bao bì trung chuyển

Hình 9.3.2

Hình 9.3.3

Hình 9.3.4

Hình 9.3.5

Hình 9.3.6

Hình 9.3.7

Hình 9.3.8

Hình 9.3.9

Hình 9.3.10

Sản phẩm nước rửa bồn cầu Sản phẩm nước uống có gas

Rất dễ gây nhầm lẫn khi bày bán và sử dụng

Hình 9.3.11

Sự khác biệt trong cách thể hiện trên cùng 1 dòng sản phẩm sữa của các thương hiệu

Hình 9.3.12

Hình 9.3.13

Hình 9.3.14

Hình 9.3.15

Máy in offset 1 màu | Máy in offset 2 màu | Máy in offset 4 màu

Máy in offset 5 và 6 màu | Hình ảnh trên khuôn in cùng chiều với bản in ra

Hình 9.3.16

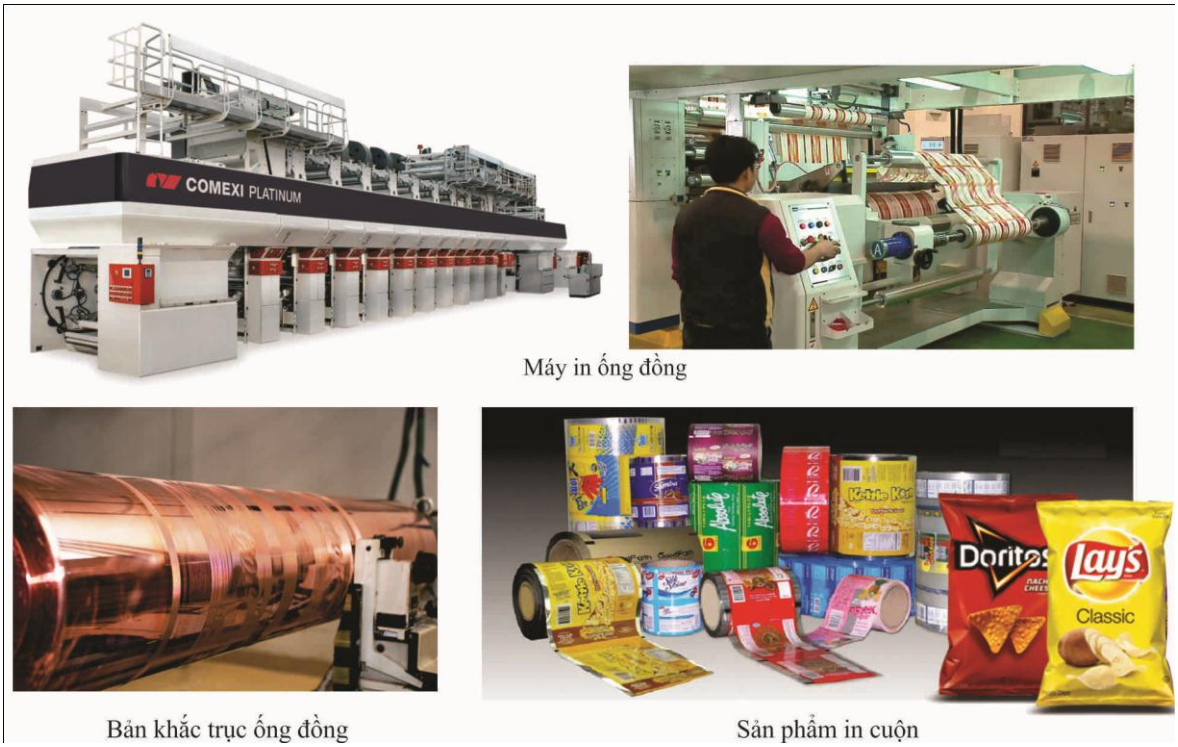

Máy in ống đồng

Bản khắc trục ống đồng

Sản phẩm in cuộn

Hình 9.3.17

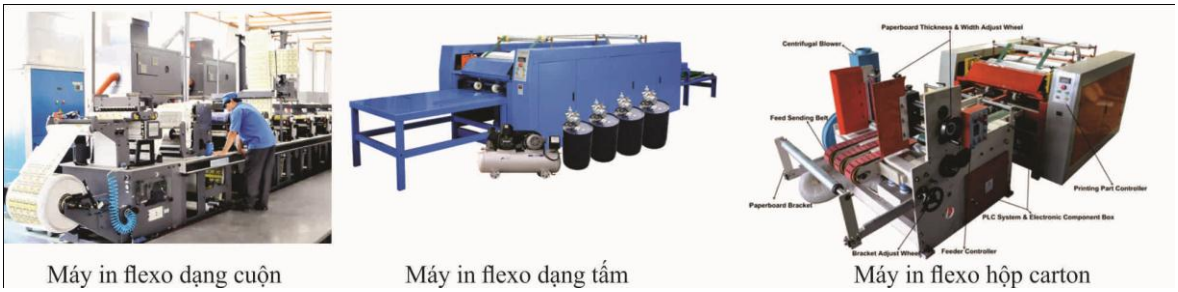

Máy in flexo dạng cuộn

Máy in flexo dạng tấm

Máy in flexo hộp carton

Hình 9.3.18

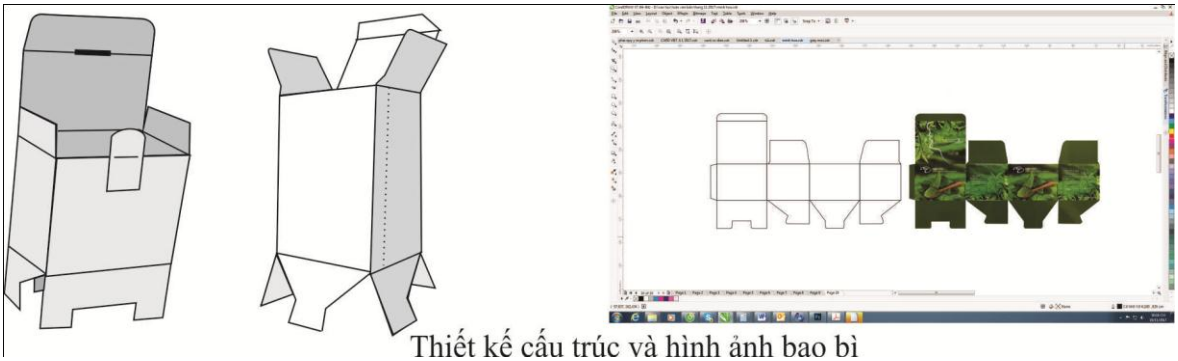

Thiết kế cấu trúc và hình ảnh bao bì

Hình 9.3.19

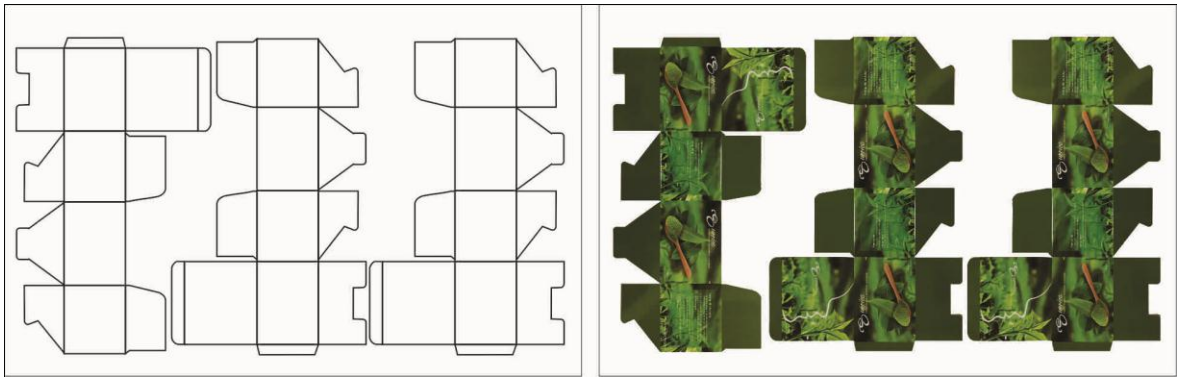

Hình 9.3.20

Hình 9.3.21

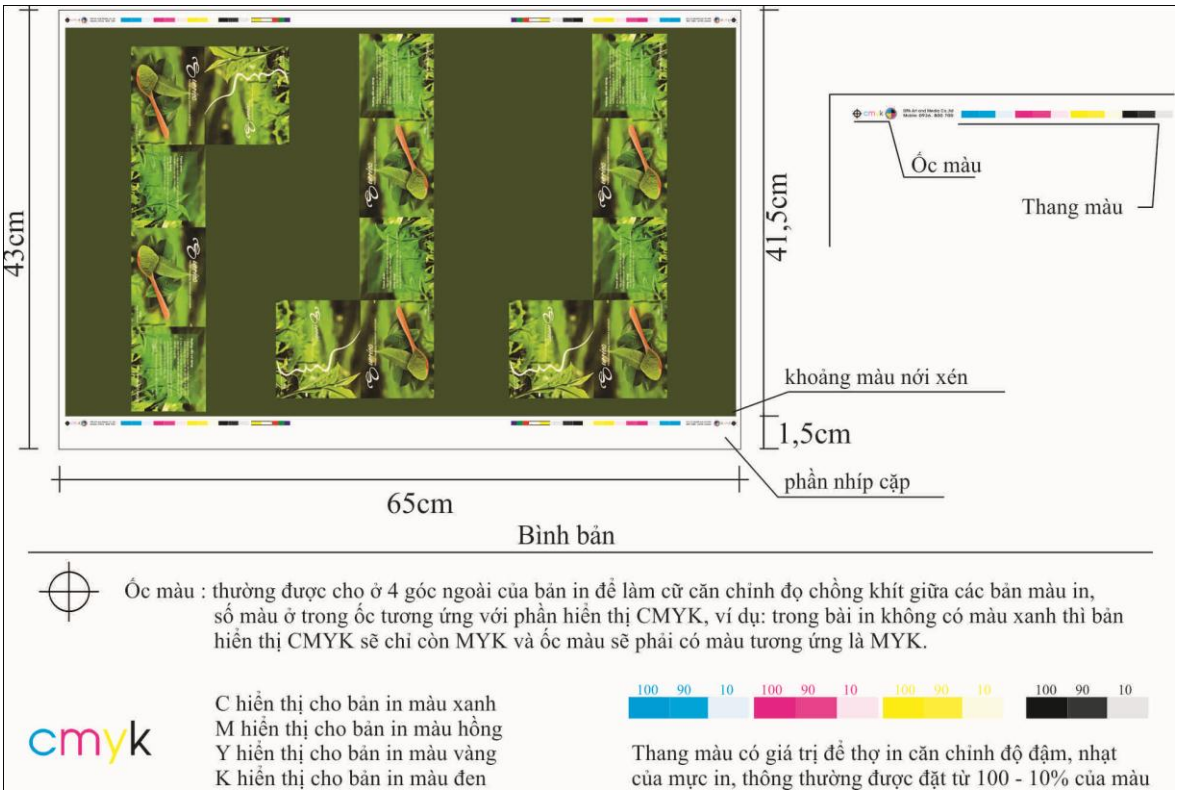

Hình 9.3.22

Chế bản kẽm CTP in offset | Chế bản in ống đồng | Chế bản in Flexo

Hình 9.3.23

In hình ảnh trên máy in offset | In ống đồng | In Flexo

Hình 9.3.24

Gia công cán màng nilon | Gia công ép nhũ, thúc nổi | Gia công phủ UV

Hình 9.3.25

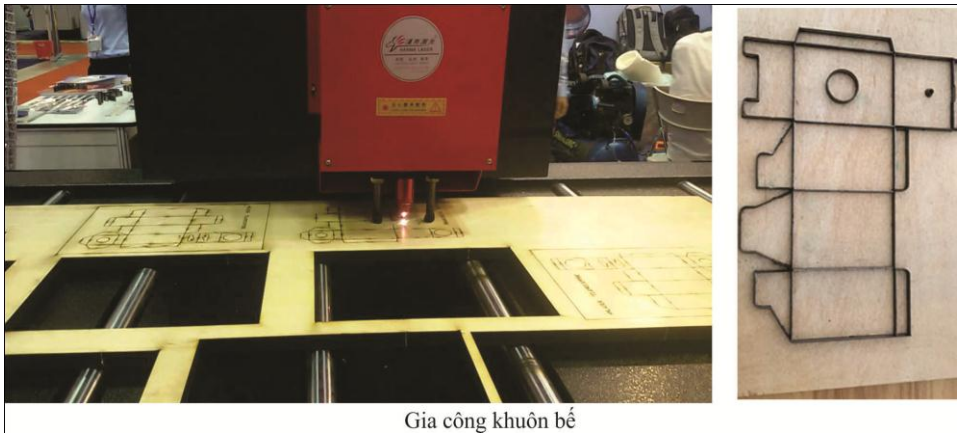

Gia công khuôn bế

Hình 9.3.26

Hình 9.3.27 a

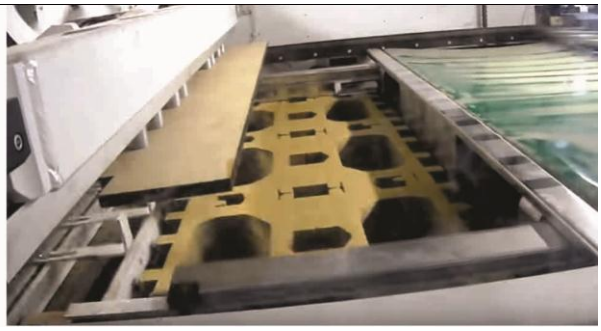

Hình 9.3.27 b

Bao bì hoàn thiện thủ công

Bao bì dán cạnh bằng máy

Bao bì thành phẩm

Hình 9.3.28

9.4. Một số hình ảnh hoạt động thực nghiệm

9.4.1. Một số hình ảnh dạy lớp đối chứng

(Ảnh chụp ngày 9.11.2016 tại Trường ĐHSP - ĐHTN, giảng đường B5.107, SV K48)

9.4.2. Một số hình ảnh dạy lớp thực nghiệm

(Ảnh chụp ngày 9.11.2016 tại Trường ĐHSP - ĐHTN, giảng đường B1.101, SV K48)

9.5. Một số hình ảnh hoạt động thực tế

(Ảnh chụp ngày 12. 11.2016 Công ty Cổ phần Truyền thông và Nhận dạng thương hiệu ADEC. Tp. Thái Nguyên)